

PHỤ LỤC I - CANTHO

DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025 PHÂN THEO NGÀNH - LĨNH VỰC

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại			NSDP	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại				Nguồn vốn Trái phiếu Chính
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài											
	TỔNG SỐ=A+B+C				-						44,300,561	12,483,100	2,716,051	2,976,410	2,000,000	120,000	24,005,000		
A	Vốn dự phòng chưa phân bổ chi tiết										1,486,563		-		1,443,000		43,563		
1	Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn quy hoạch (chưa phân bổ)										7,509						7,509		
2	Vốn thực hiện dự án chưa phân bổ										1,479,054				1,443,000		36,054		
B	Ủy thác vốn NSDP và hỗ trợ đầu tư										632,500	-	-	-	-	-	632,500		
1	Cấp vốn điều lệ cho Quỹ Phát triển đất thành phố										230,000						230,000		
2	Hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp										67,500						67,500		
3	Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội thành phố Cần Thơ										335,000						335,000		
C	Vốn phân bổ chi tiết=I+II+III				-	75,728,968	29,000,564	3,939,802	4,555,127	38,233,474	17,903,008	42,181,498	12,483,100	2,716,051	2,976,410	557,000	120,000	23,328,937	
I	Vốn bố trí theo ngành, lĩnh vực				-	66,834,379	29,000,564	3,939,802	4,555,127	29,338,885	17,701,107	33,379,498	12,483,100	2,716,051	2,976,410	557,000	120,000	14,526,937	
(I)	Công trình công cộng tại các đô thị, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị mới				-	12,203,147	-	1,800,410	3,988,250	6,414,487	3,897,514	7,525,467	-	1,257,877	2,838,229	138,805	-	3,290,556	
a	Vốn chuẩn bị đầu tư				-	255,303	-	-	-	255,303	-	12,526	-	-	-	-	-	12,526	
1	Dự án xây dựng chung cư tái định cư An Bình thuộc phường An Bình, quận Ninh Kiều	Ninh Kiều		2020-2021	2658/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	1,586				1,586		1,000						1,000	
2	Hạ tầng tuyến đường số 12, số 13 (nhánh trái) và số 33 thuộc khu đô thị hai bên đường NVC (đoạn Cãi Sơn-Hàng Bàng đến đường Tỉnh 923)	Ninh Kiều		2020-2021	3058/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	212				212		190						190	
3	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)	Vĩnh Thạnh		2022-2023	6229/UBND-XĐĐT ngày 06/12/2021 8650/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	3,759				3,759		3,400						3,400	
4	Khu tái định cư Vĩnh Thạnh giai đoạn 2				5587/UBND-XĐĐT ngày 10/12/2024	2,180				2,180		500						500	
5	Khu tái định cư (khu D) - khu di tích lịch sử Lò Vòng Cung	Phong Điền		2022-2023	89/UBND-XĐĐT ngày 08/11/2021 2594/QĐ-UBND ngày 22/07/2022	1,292				1,292		1,000						1,000	
6	Khu tái định cư Phong Điền (giai đoạn 2)	Phong Điền		2024-2025	4057/UBND-XĐĐT ngày 09/10/2023 4342/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Phong Điền	1,200				1,200		1,200						1,200	
7	Khu tái định cư quận Cái Răng	Cái Răng		2020-2022	2589/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	239,336				239,336		1,839						1,839	
8	Khu tái định cư quận Thốt Nốt (Khu 2), phường Trung Kiên				5206/UBND-XĐĐT ngày 20/11/2024 188/QĐ-UBND ngày 10/02/2025	3,041				3,041		700						700	
9	Khu tái định cư quận Ô Môn (giai đoạn 2)	Ô Môn		2024-2025	4057/UBND-XĐĐT ngày 09/10/2023 10615/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND quận Ô Môn	1,032				1,032		1,032						1,032	
10	Khu tái định cư huyện Thới Lai	Thới Lai		2024-2025	4057/UBND-XĐĐT ngày 09/10/2023 5479/QĐ-UBND ngày 30/10/2023 của UBND huyện Thới lai	1,665				1,665		1,665						1,665	
b	Vốn thực hiện dự án				-	11,947,844	-	1,800,410	3,988,250	6,159,184	3,897,514	7,512,941	-	1,257,877	2,838,229	138,805	-	3,278,030	
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước				-	337,608	-	-	-	337,608	260,379	4,381	-	-	-	-	-	4,381	
1	Khu tái định cư Trung tâm Văn hóa Tây Đô - giai đoạn 1	Cái Răng	B	2006-2019	1699/QĐ-UBND ngày 20/7/2016, 3315/QĐ-UBND ngày 06/11/2015	291,221				291,221	260,379	4,294	-	-	-			4,294	
2	Đường số 9 cạnh Bệnh viện Ung bướu và Đường số 11 cạnh rạch Rau Răm.	Ninh Kiều	C	2017-2020	3404/QĐ-UBND ngày 13/11/2015; 1865/QĐ-UBND ngày 26/7/2018.	6,253				6,253		32						32	
3	Hạ tầng Khu dân cư - Khu tái định cư hai bên đường Nguyễn Văn Cừ.	Ninh Kiều	C	2016-2018	- Quyết định số 3242/QĐ-UBND ngày 30/10/2015.	40,134				40,134		55						55	
**	Dự án chuyển tiếp					10,232,747	-	1,800,410	3,988,250	4,444,087	3,635,489	6,102,958	-	1,257,877	2,838,229	-	-	2,006,852	
1	Phát triển thành phố Cần Thơ và tăng cường khả năng thích ứng của đô thị (dự án 3)	Ninh Kiều - Bình Thủy - Cái Răng	A	2016-30/6/2024	164/QĐ-UBND 20/01/2016; 3432/QĐ-UBND 26/11/2018; 2967/QĐ-UBND 17/8/2022	9,167,256		1,800,410	3,988,250	3,378,596	3,191,039	5,615,402		1,257,877	2,838,229			1,519,296	
2	Khu tái định cư quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2020-2024	2624/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	460,894				460,894	170,700	213,194						213,194	
3	Khu tái định cư Bình Thủy (khu 1)	Bình Thủy	B	2020-2022	2610/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	104,597				104,597	50,500	50,000						50,000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW	Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		NSTW						NSTDP			
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài										
4	Khu tái định cư quận Cái Răng	Cái Răng	B	2020-2022	2589/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	239,336				239,336	100,900	103,000						103,000
5	Khu tái định cư quận Ô Môn (Khu 1)	Ô Môn	C	2020-2022	2609/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	49,322				49,322	36,400	4,500						4,500
6	Khu tái định cư quận Thốt Nốt (Khu 1)	Thốt Nốt	C	2020-2022	2604/QĐ-UBND ngày 29/10/2019	39,680				39,680	25,150	6,000						6,000
7	Khu tái định cư huyện Phong Điền	Phong Điền	C	2020-2022	2625/QĐ-UBND ngày 30/10/2019 1367/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	171,662				171,662	60,800	110,862						110,862
***	Dự án khởi công mới				-	1,377,489	-	-	-	1,377,489	1,646	1,405,602	-	-	-	138,805	-	1,266,797
1	Khu tái định cư phường Long Hòa (khu 2)	Bình Thủy	B	2019-2023	795/QĐ-UBND ngày 15/4/2021	426,851				426,851	476	370,674						370,674
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư tại phường Thường Thạnh, quận Cái Răng	Cái Răng	C	2021-2023	1036/QĐ-UBND ngày 14/5/2021	38,857				38,857	500	38,213						38,213
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư thuộc khu đô thị đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn Háng Bàng đến ĐT 923)	Ninh Kiều	C	2021-2023	1036/QĐ-UBND ngày 14/5/2021	48,236				48,236	670	47,562						47,562
4	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp huyện Vĩnh Thạnh (giai đoạn 1)	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	2479-QĐ-UBND ngày 03/7/2023	513,902				513,902		510,600			50,000			460,600
5	Khu tái định cư phường Thới Thuận (gđ 2)	Thốt Nốt	B	2022-2025	1282-QĐ-UBND ngày 04/5/2022	349,643				349,643		438,553				88,805		349,748
(2)	Giao thông				-	37,994,550	25,532,710	-	-	12,461,840	6,632,724	18,907,820	11,833,830	-	-	368,195	-	6,705,795
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					72,612	-	-	-	72,612	4,930	33,014	-	-	-	-	-	33,014
1	Đường ô tô sau công viên kê sông Cần Thơ	Ninh Kiều		2010-2011	207/QĐ-BQLDA ngày 21/12/2010 32/QĐ-BQLDA ngày 21/3/2011	2,217				2,217	300	1,188						1,188
2	Cầu Kênh Ngang (trên đường tỉnh 919)	Cờ Đỏ		2020-2021	2343/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	733				733	210	523						523
3	Xây dựng và nâng cấp mở rộng đường tỉnh 917	Bình Thủy - Phong Điền		2020-2021	2344/QĐ-UBND ngày 23/10/2020	3,300				3,300	900	-						-
4	Đường tỉnh 921: Đoạn tuyến thẳng (điểm đầu giao với tuyến tránh Thốt Nốt - điểm cuối giao với đường cao tốc Cần Thơ - Sóc Trăng - Châu Đốc)	Thốt Nốt - Cờ Đỏ		2020-2021	2467/QĐ-UBND ngày 03/11/2020	3,740				3,740		800						800
5	Đường tỉnh 918 (Giai đoạn 2)	Bình Thủy - Phong Điền		2020-2021	2468/QĐ-UBND ngày 03/11/2020	2,310				2,310		950						950
6	Đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 đến Quốc lộ 80)				1646/UBND-XĐĐT ngày 14/04/2025	25,313				25,313		2,000						2,000
7	Cải tạo, đầu tư mới hệ thống tín hiệu giao thông tại các nút giao mắt An toàn giao thông, hệ thống đèn chiếu sáng tại các đoạn, tuyến quốc lộ và tỉnh lộ	TP.Cần Thơ		2020-2021	2418/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	439				439		380						380
8	Trạm dừng, nhà chờ xe buýt: 501 điểm dừng đón trả khách hiện đại	TP.Cần Thơ		2020-2021	2402/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	436				436		390						390
9	Đầu tư Hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS) thành phố Cần Thơ giai đoạn 1 (Triển khai các hạng mục như Tủ tín hiệu, đèn tín hiệu, Camera quan sát (CCTV), Hệ thống đỗ xe (VDS) và Trung tâm điều khiển)	Ninh Kiều - Cái Răng - Bình Thủy		2020-2021	2575/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	610				610		550						550
10	Dự án ĐTXD 14 Bãi đỗ xe buýt kết hợp điểm đầu - cuối xe buýt: Ba Láng, Cái Cui, KĐT Ô Môn, Phong Điền, Mỹ Khánh, Nam Cờ Đỏ, Bắc Cờ Đỏ, Đồng Thới Lai, Tây Thới Lai, Thốt Nốt số 1, TT. Vĩnh Thạnh, Kênh E, Kinh B và Sân Bay	TP.Cần Thơ		2020-2021	2403/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1,175				1,175		1,000						1,000
11	Đầu tư trang bị phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác cho lực lượng Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải	Ninh Kiều		2020-2021	2596/QĐ-UBND ngày 19/11/2020	139				139		120						120
12	Xây dựng và nâng cấp mở rộng đường tỉnh 923	PD; ÔM		2021-2024	40/QĐ-UBND ngày 08/01/2021	3,296				3,296	750	2,214						2214
13	Trục đường hẻm 91 (đoạn Long Tuyền- đường 91C)	Bình Thủy		2021-2024	QĐ số 2138/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	957				957	410	438						438
14	Cầu Cờ Đỏ trên đường tỉnh 919 huyện Cờ Đỏ TPCT	Cờ Đỏ		2021-2023	QĐ số 2137/QĐ-UBND ngày 05/10/2020	613				613	300	250						250
15	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên tuyến QL 91B, đoạn từ cầu Bà Bộ đến giao lộ 91 thuộc địa bàn quận BT, ÔM TPCT (km02+592 - km15+793)	BT; ÔM		2021-2023	QĐ số 2005/QĐ-UBND ngày 22/9/2020	543				543	350	154						154
16	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối QL91 đến QL 61C)	ÔM; BT; NK; PD; CR		2021-2025	QĐ số 41/QĐ-UBND ngày 08/1/2021	10,240				10,240	1,260	7,184						7184
17	Cầu Tây Đô	Phong Điền		2021-2023	QĐ số 2143/QĐ-UBND ngày 06/10/2020	791				791	450	273						273

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú								
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP	NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Vốn trong nước								Vốn nước ngoài		Chính phủ vay về cho vay lại	NSTW			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính
18	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0-Km7), thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều - Bình Thủy		2023-2024	1923/UBND-XĐĐT ngày 02/6/2023 699/QĐ-SGTVT ngày 07/6/2023	4,353				4,353	4,000							4,000								
19	Xây dựng cầu vượt tại Nút giao số 1 (Mẫu Thân - 3 Tháng 2 - Trần Hưng Đạo) và nút giao số 4 (Nguyễn Văn Linh – Ba Tháng Hai)				1323/UBND-XĐĐT ngày 25/03/2025	3,609				3,609	3,000							3,000								
20	Dự án Nâng cấp, cải tạo 05 nút giao thông trọng điểm trên địa bàn thành phố	Ninh Kiều		2022	1234/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 753/QĐ-SGTVT ngày 11/6/2021 655/UBND-XĐĐT ngày 23/02/2022 1965/QĐ-UBND ngày 25/3/2022	2,571				2,571	2,800							2,800								
21	Đường nối từ đường dẫn vào cầu Vàm Cống vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh		2022-2023	6229/UBND-XĐĐT ngày 06/12/2021 8649/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	3,407				3,407	3,100							3,100								
22	Đường nối từ Quốc lộ 80 vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh		2022-2023	6229/UBND-XĐĐT ngày 06/12/2021 8648/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	1,820				1,820	1,700							1,700								
b	Vốn thực hiện dự án				-	37,921,938	25,532,710	-	-	12,389,228	6,627,794	18,874,806	11,833,830	-	-	368,195	-	6,672,781								
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước				-	7,232,356	3,243,819	-	-	3,988,537	4,633,615	44,919	-	-	-	-	-	44,919								
1	Xây dựng cầu Rạch Nhum và cầu Rạch Tra thuộc Đường tỉnh 922	Ô Môn - Thới Lai	B	2017-2020	2786/QĐ-UBND ngày 06/9/2016	99,425				99,425	86,988	1,200	-	-	-			1,200								
2	Đường Nguyễn Văn Cừ nối dài (đoạn từ Mỹ Khánh - Phong Điền)	Phong Điền	B	2010-2019	3245/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 và 2698/QĐ-UBND ngày 23/08/2016	564,474				564,474	418,780	4,500	-	-	-			4,500								
3	Cảng Cái Cui	Cái Răng	B	2006-2011	1943/QĐ-CT.UB ngày 29/6/2004; 305/QĐ-UBND ngày 09/02/2011	230,975				230,975	150,210	178						178								
4	Xây dựng và nâng cấp Đường tỉnh 922 giai đoạn I, TP. Cần Thơ (tuyến nhánh Quốc lộ 91 nối quận Ô Môn, TP. Cần Thơ với huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang)	Ô Môn,- Thới Lai,-Cờ Đỏ	B	2010-2014	2769/QĐ-UBND ngày 07/10/2010	2,194,687				2,194,687	19,822	685	-	-	-			685								
5	Đường Mậu Thân- sân bay Trà Nóc	Ninh Kiều - Bình Thủy	A	2006-2014	3098/QĐ-UBND ngày 02/12/2008	1,851,064	1,851,064				1,746,599	6,323						6,323								
6	Các cầu trên đường tỉnh 923 đoạn Cái Răng-Phong Điền	Cái Răng - Phong Điền	B	2002-2009	3532/CT.UB ngày 19/11/2001	120,676				120,676	170,298	21,399						21,399								
7	Mở rộng đường Quang Trung-Cái Cui	Cái Răng	B	2009-2019	1782/QĐ-UBND ngày 19/6/2015	1,097,218	766,613			330,605	1,048,239	2,924						2,924								
8	Đường nối thị xã Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang với thành phố Cần Thơ	Cái Răng - Phong Điền	B	2007-2012	2702/QĐ-UBND ngày 08/10/2008; 2837/QĐ-UBND ngày 01/10/2015	607,850	469,831			138,019	578,309	3,314						3,314								
9	Đường tỉnh 932 đoạn Vàm Xáng-kênh Xáng Mới	Phong Điền	B	2005-2009	2407/QĐ-UBND ngày 28/7/2016	41,910				41,910	41,766	56						56								
10	Đường Vành đai sân bay Cần Thơ kết nối đường Võ Văn Kiệt đến đường Lê Hồng Phong đoạn từ Km 1+675 đến Km 2+163,12	Bình thủy	B	2015-2017	3215/QĐ-UBND ngày 31/10/2014; 3939/QĐ-UBND ngày 30/12/2015	73,311	73,311				67,585	7						7								
11	Đường vào Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Cần Thơ	Cái Răng	C	2016-2018	1396/QĐ-UBND ngày 30/6/2021 (QT)	43,361				43,361	43,297	134						134								
12	Nâng cấp, mở rộng đường Huỳnh Phan Hộ	Bình Thủy	B	2018-2021	2643/QĐ-UBND ngày 12/10/2017	139,610	83,000			56,610	105,611	2,503						2,503								
13	Đường ôtô vào trung tâm xã Thạnh Lợi	Vĩnh Thạnh	B	2010-2017	761/QĐ-UBND ngày 05/02/2015	110,684				110,684	99,055	1,600						1,600								
14	Đường tỉnh 934 (tuyến Rạch Chôm - Thới An - QL 91)	Ô Môn	C	2004-2015	2959/QĐ-UBND ngày 13/11/2018 (QT)	15,201				15,201	15,201	40						40								
15	Đường tỉnh 932 (Vàm Xáng - 1000) (đoạn từ Vàm Xáng - Kênh Trầu Hới)	Phong Điền	C	2002-2009	2407/QĐ-UBND ngày 28/07/2016 (QT)	41,910				41,910	41,855	56						56								
**	Dự án chuyển tiếp					3,008,273	2,113,157	-	-	895,116	1,993,829	881,174	254,193	-	-	-	-	626,981								
1	Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Thông	Bình Thủy	B	2018-2020	2712/QĐ-UBND 18/10/2017 3184/QĐ-UBND 06/12/2017	114,478	80,300			34,178	80,300	6,300						6,300								
2	Dự án Cầu, tuyến đường vào cầu từ Khu tái định cư Trường Đại học Y Dược Cần Thơ đến Khu đô thị tái định cư Cửu Long	Ninh Kiều - Bình Thủy	C	2016-2021	880/QĐ-UBND 31/3/2016 896/QĐ-UBND 7/4/2017 1219/QĐ-UBND 15/5/2017; 2389/QĐ-UBND 27/10/2020	25,744				25,744	15,996	63,644						63,644								
3	Đường vào dự án Trung tâm Sức khỏe sinh sản (đường số 5) thuộc Khu đô thị hai bên đường Nguyễn Văn Cừ (đoạn từ đường Cái Sơn - Hàng Bàng đến đường Tỉnh 923)	Ninh kiều	C	2018-2021	2864/QĐ-UBND ngày 30/10/2017; 2196/QĐ-UBND ngày 13/9/2019; 2636/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	20,345				20,345	18,360	1,985						1,985								

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Dự phòng NSTW	NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại			NSDP						
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài										
4	Đường Vành đai sân bay Cần Thơ kết nối đường Lê Hồng Phong đến Quốc lộ 91B, giai đoạn 1: Đoạn từ nút giao thông đường Võ Văn Kiệt đến Km1+675	Bình Thủy	B	2018-2020	2863/QĐ-UBND 30/10/2017 3183/QĐ-UBND 06/12/2017 3029/QĐ-UBND 01/11/2021	137,185	100,000			37,185	73,350	63,835	52,000			11,835		
5	Đường Thăng Lợi 1 (Bờ trái - đoạn từ Ủy ban nhân dân xã Thạnh Lộc đến Sầu Bông)	Vĩnh Thạnh	C	2019-2021	2858/QĐ-UBND 30/10/2017	62,728				62,728	9,500	52,769				52,769		
6	Đường tỉnh 922 (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ QL91B đến Cờ Đỏ)	Bình Thủy - Ô Môn - Thới Lai - Cờ Đỏ	B	2019-2022	1591/QĐ-UBND ngày 19/6/2017 và 1543/QĐ-UBND ngày 25/6/2019;1087/QĐ-UBND ngày 21/5/2021; 612/QĐ-UBND ngày 10/2/2022	1,494,617	1,494,617	-			1,343,037	15,700	-	-	-		15,700	
7	Đường tỉnh 918, thành phố Cần Thơ (Xây dựng và nâng cấp giai đoạn 1 từ cầu Lộ Bức đến cuối đường Tỉnh 923)	Bình Thủy - Phong Điền	B	2020-2023	2184/QĐ-UBND ngày 09/10/2020; 2735/QĐ-UBND ngày 12/8/2020	324,246	208,240			116,006	25,000	299,245	183,240				116,005	
8	Cầu Vàm Xáng và đường nối từ cầu Vàm Xáng đến Quốc lộ 61C, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Phong Điền	B	2019-2023	1205/QĐ-UBND ngày 21/5/2019	450,000	150,000	-		300,000	286,978	144,723	-	-	-		144,723	
9	Nâng cấp, mở rộng Tuyến đường lộ hữu Tân Thạnh Tây, phường Ba Láng, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ	Cái Răng	C	2020-2022	2524/QĐ-UBND ngày 21/10/2019	33,933				33,933	10,200	23,000					23,000	
10	Tuyến đường lộ hữu Kênh Thanh Đông nối Mú U - Bến Ba	Cái Răng	B	2018-2021	2861/QĐ-UBND 30/10/2017	104,999	80,000			24,999	64,300	36,824	18,953				17,871	
11	Đường Nam kênh Đồn Đông (đoạn từ kênh F - kênh H)	Vĩnh Thạnh	C	2019-2021	2857/QĐ-UBND 30/10/2017	57,682				57,682	22,200	35,400					35,400	
12	Đường giao thông nông thôn Vàm Xáng – Ba Láng, xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Phong Điền	C	2019-2023	2523/QĐ-UBND ngày 21/10/2019, 1667/QĐ-UBND ngày 03/6/2022	120,483				120,483	19,458	101,066					101,066	
13	Đường trục C2 (Phạm Ngọc Thạch Nối dài)	Ninh Kiều	C	2020-2022	2594/QĐ-UBND ngày 29/10/19	61,833				61,833	25,150	36,683					36,683	
***	Dự án khởi công mới				-	27,681,309	20,175,734	-	-	7,505,575	350	17,948,713	11,579,637	-	-	368,195	6,000,881	
1	Đường tỉnh 920 (đoạn qua Nhà máy Nhiệt điện Ô Môn)	Ô Môn	C	2021-2023	2533/QĐ-UBND ngày 11/11/2020; 3953/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	45,181				45,181		45,181					45,181	
2	Cầu Kênh Ngang (trên đường tỉnh 922)	Cờ Đỏ	B	2021-2024	1351/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	137,371				137,371		137,161					137,161	
3	Xây dựng và nâng cấp mở rộng đường tỉnh 917	Bình Thủy - Phong Điền	B	2021-2024	3611/QĐ-UBND ngày 01/12/2021 2844/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1,240,726	561,000			679,726		1,241,556	561,000				680,556	
4	Đường tỉnh 921: Đoạn tuyến thẳng (điểm đầu giao với tuyến tránh Thốt Nốt - điểm cuối giao với đường cao tốc Cần Thơ - Sóc Trăng - Châu Đốc)	Thốt Nốt - Cờ Đỏ	B	2021-2024	1639/QĐ-UBND ngày 05/8/2021 2875/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	952,441	608,000			344,441		951,641	608,000				343,641	
5	Đường tỉnh 918 (Giai đoạn 2)	Bình Thủy - Phong Điền	B	2021-2024	3664/QĐ-UBND ngày 03/12/2021 2874/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	877,891	562,974			314,917		876,941	562,974				313,967	
6	Đường vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ (nối Quốc lộ 91 với Quốc lộ 61C)	Ô Môn - Bình Thủy - Phong Điền - Ninh Kiều - Cái Răng	A	2021-2025	3543/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 1422/QĐ-UBND ngày 14/6/2023	3,837,742	2,000,000			1,837,742		3,392,000	2,000,000				1,392,000	
7	Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 923	Ô Môn - Phong Điền	B	2021-2024	1466/QĐ-UBND ngày 09/7/2021 2728/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	1,035,611	525,663			509,948		1,032,647	525,663				506,984	
8	Đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 - Dự án thành phần 2 (đoạn đi qua TPCT)	TPCT	A	2022-2025	290/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	9,725,097	8,725,097			1,000,000		4,787,000	4,087,000				700,000	
9	Đường nối từ đường dẫn vào cầu Vàm Cống vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	382/QĐ-UBND ngày 09/02/2023	384,614				384,614		381,548		50,000			331,548	
10	Đường nối từ Quốc lộ 80 vào Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh	Vĩnh Thạnh	B	2023-2025	4070/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	172,413				172,413		171,009					171,009	
11	Cầu Tây Đò, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Phong Điền	B	2021-2024	1125/QĐ-UBND ngày 26/5/2021	208,045				208,045		224,365					224,365	
12	Cầu Cờ Đỏ trên đường tỉnh 919	Cờ Đỏ	B	2021-2024	1150/QĐ-UBND ngày 27/5/2021	165,604				165,604		129,420					129,420	
13	Trạm dừng, nhà chờ xe buýt: 501 điểm dừng đón trả khách hiện đại	TP.Cần Thơ	C	2022-2024	1215/QĐ-UBND ngày 05/04/2022	24,304				24,304		24,690					24,690	
14	Đầu tư trang bị phương tiện chuyên dùng phục vụ công tác cho lực lượng Thanh tra Sở Giao thông vận tải, Cảng vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Sở Giao thông vận tải	TP.Cần Thơ	C	2021-2023	03/QĐ-SKHĐT ngày 17/01/2022	14,458				14,458		14,338					14,338	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú			
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chinh phủ vay về cho vay lại			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chinh phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính						
15	Đầu tư hệ thống quản lý giao thông thông minh (ITS) thành phố Cần Thơ giai đoạn 1 (Triển khai các hạng mục như Tủ tín hiệu, đèn tín hiệu, Camera quan sát (CCTV), Hệ thống dò xe (VDS) và Trung tâm điều khiển)	TP.Cần Thơ	C	2021-2023	1336/QĐ-UBND ngày 06/06/2023	49,948				49,948	49,450						49,450				
16	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng trên tuyến Quốc lộ 91B, đoạn từ cầu Bà Bộ đến giao Quốc lộ 91 thuộc địa bàn quận Bình Thủy, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (Km02+592 - Km 15+793)	TP.Cần Thơ	C	2021-2023	676/QĐ-UBND ngày 14/02/2022	18,841				18,841	350	18,550					18,550				
17	Trục đường Hẻm 91 (đoạn Long Tuyền - đường Vành đai phía Tây thành phố Cần Thơ)	Bình Thủy	B	2022-2025	63/NQ-HĐND ngày 08/12/2021	312,338				312,338	-						-				
18	Dự án Nâng cấp, cải tạo 05 nút giao thông trọng điểm trên địa bàn thành phố	Ninh Kiều	B	2022-2025	2791/QĐ-UBND ngày 23/11/2023	1,196,005				1,196,005	1,193,205				318,195		875,010				
19	Cải tạo, đầu tư mới hệ thống tín hiệu giao thông tại các nút giao mắt An toàn giao thông, hệ thống đèn chiếu sáng tại các đoạn, tuyến quốc lộ và tỉnh lộ	TP.Cần Thơ	C	2022-2024	83/QĐ-SXD ngày 13/01/2022	33,391				33,391	33,011						33,011				
20	Nâng cấp tuyến đường Trần Ngọc Hoảng	Ô Môn	C	2022-2024	3301/QĐ-UBND ngày 7/6/2022; 3794/QĐ-UBND ngày 11/7/2022; 3999/QĐ-UBND ngày 20/7/2022	11,458				11,458	10,000						10,000				
21	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 91 (đoạn từ Km0-Km7), thành phố Cần Thơ	BT,NK	A	2023-2027	1644/QĐ-UBND ngày 23/7/2024	7,237,830	7,193,000			44,830	3,235,000	3,235,000									
(3)	Y tế, dân số và gia đình				-	3,982,570	583,113	1,407,115	-	1,992,342	1,814,847	1,754,226	158,000	1,174,452	-	-	-	421,774			
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					8,705	-	-	-	8,705	-	6,976	-	-	-	-	-	6,976			
1	Dự án Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố Cần Thơ (CDC)	Ninh Kiều		2020-2021	2551/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	327				327		290					290				
2	Xây dựng Khoa nhiễm – Bệnh viện Nhi đồng TP.Cần Thơ	Ninh Kiều		2020-2021	2540/QĐ-UBND ngày 11/11/2020	565				565		500					500				
3	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Đa liệu Cần Thơ (80 giường)	Ninh Kiều		2020-2021	2546/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	811				811		730					730				
4	Dự án Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1,5 Tesla và máy giúp đỡ trẻ sơ sinh, trẻ em có chế độ HFO	Ninh Kiều		2020-2021	2541/QĐ-UBND ngày 11/11/2020	137				137		120					120				
5	Xây dựng khoa Khám bệnh - Thăm dò chức năng - Xét nghiệm và khoa Nội Tim mạch - Chẩn đoán hình ảnh và mua sắm Hệ thống chụp cắt lớp CT Scanner 128 lát cắt - Bệnh viện Tim mạch TPCT	Ninh Kiều		2020-2021	2528/QĐ-UBND ngày 11/11/2020	720				720		650					650				
6	Mua sắm trang thiết bị Trung tâm Kiểm nghiệm, Thuốc, Mỹ phẩm, thực phẩm thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		2020-2021	2550/QĐ-UBND ngày 12/11/2020	107				107		95					95				
7	Dự án Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Huyết học truyền máu Cần Thơ (100 giường)	Ninh Kiều		2020-2021	2539/QĐ-UBND ngày 11/11/2020	1,257				1,257	1,100						1,100				
8	Dự án Nâng cấp Bệnh viện Phụ sản thành phố Cần Thơ (quy mô 500 giường)	Ninh Kiều		2020-2021	2537/QĐ-UBND ngày 11/11/2020	1,586				1,586	1,400						1,400				
9	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		2022-2023	3448/UBND-XĐĐT ngày 30/8/2022; 4095/QĐ-SYT ngày 29/11/2022	992				992	500						500				
10	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện thành phố Cần Thơ	TPCT		2022-2023	3448/UBND-XĐĐT ngày 30/8/2022; 4094/QĐ-SYT ngày 29/11/2022	1,285				1,285	700						700				
11	Máy gia tốc tuyến tính (LINACS) tại Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ				3935/UBND ngày 13/9/2024; 2183/QĐ-UBND ngày 04/10/2024	681				681	681						681				
12	Bệnh viện Quân dân y giai đoạn 2	Cờ Đỏ		2020-2021	2571/QĐ-UBND ngày 17/11/2020	237				237	210						210				
b	Vốn thực hiện dự án				-	3,973,865	583,113	1,407,115	-	1,983,637	1,814,847	1,747,250	158,000	1,174,452	-	-	-	414,798			
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước				-	1,542,019	495,513	11,765	-	1,034,741	1,372,876	18,747	-	-	-	-	18,747				
1	Trung tâm sàng lọc chẩn đoán trước sinh và sơ sinh Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2016 - 2018	887/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	13,650				13,650	13,000	650					650				
2	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Lao và Bệnh phổi thành phố Cần Thơ	Ô Môn	B	2016-2020	890/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	71,064				71,064	64,648	1,000					1,000				
3	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Nhi đồng thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2016-2020	889/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	285,656				285,656	262,200	5,000					5,000				
4	Mua sắm trang thiết bị Bệnh viện Tai Mũi Họng thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2019 - 2020	155/QĐ-SKHĐT ngày 12/9/2019	3,700				3,700	3,500	200					200				
5	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Tai Mũi Họng thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2017	172/QĐ-STC ngày 09/12/2021 (QT)	443				443	428	22					22				
6	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2016	51/QĐ-STC ngày 28/5/2020 (QT)	768				768	737	31					31				
7	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Huyết học Truyền máu thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2017	127/QĐ-STC ngày 23/9/2020 (QT)	2,289				2,289	2,310	68					68				
8	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Truyền thông Giáo dục Sức khỏe thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2017	139/QĐ-STC ngày 4/10/2021 (QT)	188				188	182	6					6				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chinh phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chinh phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài															
9	Bệnh viện dã chiến truyền nhiễm số 6B	Ô Môn	C	2021	1914/QĐ-UBND ngày 30/8/2021	964				964	964						964						
10	Trung tâm sức khỏe sinh sản Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2017-2019	3352/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	41,481				41,481	36,120	3,575					3,575						
11	Xây dựng Trung tâm kiểm nghiệm Thuốc, Mỹ phẩm, Thực phẩm	Ninh Kiều	B	2011-2017	1544/QĐ-UBND 10/6/2010	218,058	70,271			147,787	171,895	46					46						
12	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Huyết học truyền máu thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2017-2018	193/QĐ-SKHDĐT 31/10/2016	2.506				2.506	2,310	25					25						
13	Quản lý chất thải lỏng y tế Bệnh viện Phụ sản Cần Thơ thuộc Dự án Hỗ trợ quản lý chất thải bệnh viện	Ninh Kiều	C	2016-2017	2514/QĐ-UBND 31/8/2015	13,081		11,765		1,316	11,346	2					2						
13	Bệnh viện Đa khoa thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	A	2006-2016	867/QĐ-UBND ngày 10/4/2007	850,484	425,242			425,242	783,616	5,755					5,755						
14	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Nhi thành bệnh viện Tim mạch và mua sách TTB	Ninh Kiều	C	2015-2016	2495/QĐ-UBND ngày 04/8/2016	20,998				20,998	19,124	1,329					1,329						
15	Nâng cấp, sửa chữa Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2016-2017	81/QĐ-SXD ngày 28/3/2016	621				621	572	32					32						
16	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm chuẩn đoán y khoa thành khu khám và điều trị ung bướu - Bệnh viện Ung Bướu thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2016	175/QĐ-SKHDĐT ngày 17/10/2016	1,103				1,103	788	42					42						
17	Xây dựng Khoa hồi sức tích cực tại Bệnh viện Tim mạch thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2020-2022	1638/QĐ-UBND 8/7/2019	14,965				14,965	100	-					0						
**	Dự án chuyển tiếp					1,987,481	-	1,395,350	-	592,131	441,971	1,365,925	-	1,174,452	-	-	-	191,473					
1	Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ, quy mô 500 giường	Ninh Kiều	A	2015-2026	223/QĐ-UBND 25/01/2017; 2497/QĐ-UBND 08/8/2022	1,727,942		1,395,350		332,592	247,283	1,319,452	1,174,452				145,000						
2	Bệnh viện Y học cổ truyền thành phố Cần Thơ (quy mô 200 giường)	Ninh Kiều	B	2016-2020	3046/QĐ-UBND ngày 05/10/2016	149,783				149,783	134,855	10,000					10,000						
3	Nâng cấp cơ sở vật chất Bệnh viện Đa khoa quận Ô Môn	Ô Môn	B	2017-2020	3346/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	68,846				68,846	40,133	18,373					18,373						
4	Trung tâm y tế huyện Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	C	2019-2021	2830/QĐ-UBND ngày 27/10/2017	25,985				25,985	15,100	7,900					7,900						
5	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Tâm Thần (cơ sở cũ) thành cơ sở 2 Bệnh viện Mắt – Răng Hàm Mất thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2020-2022	163/QĐ-SXD ngày 28/8/2020	14,925				14,925	4,600	10,200					10,200						
***	Dự án khởi công mới					444,365	87,600	-	-	356,765	-	362,578	158,000	-	-	-	-	204,578					
1	Bệnh viện Quân dân y (Giai đoạn 2)	Cờ Đỏ	B	2022-2024	4276/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	48,837				48,837		48,627					48,627						
2	Bệnh viện dã chiến số 1	Ninh Kiều	C	2021	1808/QĐ-UBND ngày 15/8/2021	6,052				6,052		6,052					6,052						
3	Bệnh viện dã chiến số 2	Ninh Kiều	C	2021	1809/QĐ-UBND ngày 15/8/2021	22,051				22,051		22,051					22,051						
4	Bệnh viện dã chiến số 4	Cái Răng	C	2021	1851/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	4,051				4,051		4,051					4,051						
5	Bệnh viện dã chiến số 5	Cái Răng	C	2021	1852/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	2,173				2,173		2,173					2,173						
6	Bệnh viện dã chiến số 6	Cái Răng	C	2021	1853/QĐ-UBND ngày 20/8/2021	3,138				3,138		3,138					3,138						
7	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho Trung tâm Kiểm soát bệnh tật (CDC) thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2022-2024	1579/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	110,000	5,000			105,000		109,500	105,000				4,500						
8	Nâng cấp, cải tạo và mua sắm trang thiết bị cho 09 Trung tâm Y tế tuyến huyện thành phố Cần Thơ	TPCT	B	2022-2024	1578/QĐ-UBND ngày 12/7/2024	135,600	82,600			53,000		134,900	53,000				81,900						
9	Máy gia tốc tuyến tính (LINACS) tại Bệnh viện Ung bướu thành phố Cần Thơ	TPCT	B	2025-2026	692/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	112,463				112,463		32,086					32,086						
(4)	Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản				-	6,333,231	2,500,646	232,590	462,464	3,137,531	2,923,080	2,261,867	484,770	228,939	117,398	-	120,000	1,310,760					
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					5,750	-	-	-	5,750	1,480	2,200	-	-	-	-	-	2,200					
1	Hệ thống Thủy lợi tạo nguồn Bắc Cái Sắn (Cần Thơ - An Giang)	Vĩnh Thanh		2020-2021	2413/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	817				817	150	550					550						
2	Kê chống sạt lở khẩn cấp tại vị trí có nguy cơ sạt lở đặc biệt nguy hiểm trên sông Trà Nóc, phường Trà An (từ cầu Trà Nóc đến cầu Xẻo Máy), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Bình Thủy		2020-2021	2414/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1,214				1,214	630	450					450						
3	Kê chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rich đến Rạch Cam Mỹ), khu vực Thới Hòa, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ (Tên trước đây Kê chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rich đến rạch Tầm Vu), phường Thới Hòa, Thới An quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu)	Ô Môn		2020-2021	2415/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	1,604				1,604	700	750					750						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú				
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương	Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài									
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài														
4	Kê chống sạt lở khẩn cấp trên sông Trà Nóc, phường Trà An (đoạn từ cầu Xẻo Mây đến cầu Rạch Chùa), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Bình Thủy		2022	1636/UBND-XĐĐT ngày 13/05/2022 03/QĐ-CCCTLKTN2 ngày 02/05/2022	1,934				1,934		300					300					
5	Cải tạo sửa chữa trụ sở Chi cục Thủy lợi	Ninh Kiều		2020-2021	2663/QĐ-UBND ngày 24/11/2020	181				181		150					150					
b	Vấn thực hiện dự án				0	6,327,481	2,500,646	232,590	462,464	3,131,781	2,921,600	2,259,667	484,770	228,939	117,398	-	120,000	1,308,560				
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước					2,616,594	1,267,894	15,155	-	1,333,545	1,801,921	16,814	-	-	-	-	-	16,814				
1	Kê sông Cần Thơ (đoạn bến Ninh Kiều - cầu Cái Sơn thuộc quận Ninh Kiều và đoạn cầu Quang Trung - cầu Cái Răng thuộc quận Cái Răng)	Ninh Kiều- Cái Răng	B	2008-2020	2605/QĐ-UBND ngày 15/11/2007 3166/QĐ-UBND ngày 09/10/2013	1,554,508	711,408			843,100	822,230	8,000	-	-	-		8,000					
2	Trung tâm giống thủy sản cấp 1	Vinh Thanh	B	2008-2019	368/QĐ-UBND 17/02/2011	155,321	46,596			108,725	129,289	3,000					3,000					
3	Đê bao bảo vệ vườn cây ăn trái thành phố Cần Thơ	Phong Điền	B	2013-2019	1920/QĐ-UBND 6/7/2015 (đ/c)	135,732	76,518			59,214	121,605	531					531					
4	Kê chống sạt lở sông Ô Môn	Ô Môn	B	2009-2020	1643/QĐ-UBND 22/6/2010	416,743	208,372			208,371	405,195	1,075					1,075					
5	Xây dựng các hệ thống cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn đê phòng chống, khắc phục hạn hán, xâm nhập mặn và ứng phó biến đổi khí hậu	Cờ đỏ - Thới Lai - Phong Điền - Vĩnh Thanh	B	2018-2020	2549/QĐ-UBND 26/9/2017	120,910	107,000			13,910	112,300	500					500					
6	Hệ thống cấp nước tập trung xã Định Môn, huyện Thới Lai	Thới Lai	C	2020-2021	255/QĐ-SXD 25/10/2019	14,892				14,892	13,900	100					100					
7	Hệ thống cấp nước tập trung xã Trường Xuân A, huyện Thới Lai	Thới Lai	C	2020-2021	257/QĐ-SXD 25/10/2019	14,885				14,885	13,900	100					100					
8	Hệ thống cấp nước tập trung xã Nhơn Nghĩa, huyện Phong Điền	Phong Điền	C	2020-2021	256/QĐ-SXD 25/10/2019	14,895				14,895	13,900	100					100					
9	Mô hình thí điểm trồng lúa kỹ thuật hiện đại và cây ăn quả xã Trường Long, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Phong Điền	C	2014-2017	2912/QĐ-UBND ngày 06/11/2017	23,077		15,155		7,922	20,540	37					37					
10	Kê chống sạt lở sông Ô Môn - Khu vực Thới An, quận Ô Môn (phía bờ phải)	Ô Môn	C	2018-2019	1926/QĐ-UBND ngày 30/7/2018	45,775	35,000			10,775	45,246	134					134					
11	Kê chống sạt lở bờ kênh Thốt Nốt (đoạn từ nhà văn hóa cũ đến rạch Trà Cui)	Thốt Nốt	B	2016-2020	2845/QĐ-UBND ngày 30/40/2017	99,478	83,000			16,478	83,365	3,200					3,200					
12	Tiêu dự án Mô hình thí điểm trồng lúa kỹ thuật hiện đại và cây ăn quả, xã Trường Long huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ thuộc dự án quản lý thủy lợi phục vụ phát triển nông thôn vùng đồng bằng sông Cửu Long (WB6),	Phong Điền	C	2016-2017	2929/QĐ-UBND ngày 27/10/2021(Quyết toán dự án)	20,378				20,378	20,451	37					37					
**	Dự án chuyển tiếp					2,419,653	776,534	217,435	462,464	963,220	1,117,980	1,274,409	384,770	228,939	117,398	-	-	543,302				
1	Kê bờ sông Cần Thơ - Ứng phó biến đổi khí hậu thành phố Cần Thơ (vốn AFD)	Ninh Kiều - Cái Răng - Phong Điền	B	2016-2023	1027/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 3500/QĐ-UBND ngày 24/11/2021	1,095,361		7,999	462,464	624,898	524,275	520,081	-	121,799	117,398		280,884					
2	Dự án Chuyển đổi nông nghiệp bền vững thành phố Cần Thơ (Vnsat)	Phong Điền, Thới Lai, Cờ Đỏ, Vĩnh Thanh	B	2016-2022	599/QĐ-UBND ngày 8/3/2018 1245/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	298,890		209,436		89,454	139,200	134,772		107,140			27,632					
3	Kê chống sạt lở, chống xâm nhập mặn, ứng phó biến đổi khí hậu khu vực rạch Cái Sơn	Ninh Kiều - Bình Thủy	B	2017-2022	Quyết định số 1315/QĐ-UBND ngày 24/5/2018	314,937	252,931			62,006	283,443	80,810					80,810					
4	Kê chống sạt lở sông Trà Nóc khu vực Thới Thuận, phường Thới An Đông, quận Bình Thủy	Bình Thủy	C	2020-2022	321/QĐ-SNN&PTNT 27/12/2019	14,613				14,613	14,240	373					373					
5	Kê chống sạt lở khu vực chợ Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ	Phong Điền	B	2020-2023	2051/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	195,851	149,493			46,358	19,833	203,424	130,660				72,764					
6	Kê chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ cầu Ô Môn đến vàm Ba Rich), phường Thới Hòa, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu)	Ô Môn	B	2020-2023	2050/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	223,056	204,110			18,946	16,000	207,056	189,110				17,946					
7	Kê chống sạt lở sông Ô Môn – khu vực Thới An, quận Ô Môn (phía bờ phải) – (đoạn từ Rạch Vàm đến bến đò Tầm Vu	Ô Môn	B	2020-2023	2052/QĐ-UBND ngày 28/9/2020	116,983	80,000			36,983	15,750	81,000	65,000				16,000					
8	Dự án Khắc phục khắc phục tình trạng sạt lở sông Bến Ba, Khu vực Thới Thuận A, Phường Tân Phú, quận Cái Răng	Cái Răng	C	2020-2022	223/QĐ-SNN&PTNT ngày 18/9/2020	14,644				14,644	7,000	7,644					7,644					
9	Dự án Khắc phục khắc phục tình trạng sạt lở bờ sông trên tuyến kênh Giáo Dân, khu vực Tân Quy, phường Trường Lạc, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Ô Môn	C	2020-2022	263/QĐ-SNN&PTNT ngày 27/10/2020	14,821				14,821	7,649	7,172					7,172					
10	Kê chống sạt lở sông Bình Thủy, phường An Thới (đoạn từ cầu Rạch Dừa đến Chùa Ông)	Bình Thủy	C	2020-2022	1109/QĐ-UBND ngày 02/6/2020	81,066	60,000			21,066	60,000	13,236					13,236					
11	Kê chống sạt lở bờ sông tại vị trí có nguy cơ sạt lở nguy hiểm tại khu vực ngã ba sông Ô Môn và Rạch Tra, xã Thới Thanh, huyện Thới Lai	Thới Lai	C	2020-2022	864/QĐ-UBND 22/4/2020	49,431	30,000			19,431	30,590	18,841					18,841					
***	Dự án khởi công mới					1,291,234	456,218	-	-	835,016	1,698	968,444	100,000	-	-	-	120,000	748,444				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						NSTW	Bội chi Ngân sách địa phương	Dự phòng NSTW	NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại							NSDP		
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài										
												Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính			
1	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	B	2021-2024	Quyết định số 3076/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119,697				119,697	425	102,634					102,634	
2	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	B	2021-2024	Quyết định số 3077/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119,968				119,968	425	109,575					109,575	
3	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Thới Lai	Thới Lai	B	2021-2024	Quyết định số 3078/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119,881				119,881	424	107,507					107,507	
4	Xây dựng và nâng cấp hệ thống cấp nước trên địa bàn huyện Phong Điền	Phong Điền	B	2021-2024	Quyết định số 3075/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	119,801				119,801	424	108,648					108,648	
5	Hệ thống thủy lợi tạo nguồn Bắc Cái Sắn (Cần Thơ - An Giang)	Vĩnh Thanh	C	2022-2024	2600/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	19,909				19,909		19,286					19,286	
6	Kê chống sạt lở khẩn cấp sông Trà Nóc, phường Trà An (đoạn từ cầu Xẻo Máy đến cầu Rạch Chứa), quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Bình Thủy	B	2022-2025	3978/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	272,447	100,000			172,447	272,147	100,000					172,147	
7	Dự án: Kê chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rich đến rạch Cam My), khu vực Thới Hòa, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ - GIAI ĐOẠN 1: đoạn từ vàm Ba Rich đến kênh Thủy lợi 1	Ô Môn	C	2021-2022	650/QĐ-UBND ngày 24/3/2021; 823/QĐ-UBND ngày 02/4/2025	99,985	66,218			33,767	113,767					80,000	33,767	
8	Dự án khẩn cấp phòng, chống và giảm nhẹ ảnh hưởng của hạn hán - Nao vét, nâng cấp kênh thủy lợi tạo nguồn kênh Ngang	Cờ Đỏ, Thới Lai	C	2021-2022	65/QĐ-SNN&PTNT ngày 24/3/2021	14,901	14,000			901	14,900					14,000	900	
9	Dự án khẩn cấp phòng, chống và giảm nhẹ ảnh hưởng của hạn hán - Nao vét, nâng cấp kênh thủy lợi tạo nguồn kênh Đồng Pháp	Cờ Đỏ, Thới Lai	C	2021-2022	66/QĐ-SNN&PTNT ngày 24/3/2021	14,447	14,000			447	14,400					14,000	400	
10	Dự án khẩn cấp phòng, chống và giảm nhẹ ảnh hưởng của hạn hán - Nao vét, nâng cấp kênh thủy lợi tạo nguồn kênh E1	Vĩnh Thanh	C	2021-2022	63/QĐ-SNN&PTNT ngày 24/3/2021	6,491	6,000			491	6,400					6,000	400	
11	Dự án khẩn cấp phòng, chống và giảm nhẹ ảnh hưởng của hạn hán - Nao vét, nâng cấp kênh thủy lợi tạo nguồn kênh G1	Vĩnh Thanh	C	2021-2022	64/QĐ-SNN&PTNT ngày 24/3/2021	6,181	6,000			181	6,180					6,000	180	
12	Kê chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ vàm Ba Rich đến rạch Tâm Vu), phường Thới Hòa, Thới An, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu) – Giai đoạn 2: đoạn từ kênh Thủy lợi 1 đến đối diện Rạch Ranh	Ô Môn	B	2024-2025	468/QĐ-UBND ngày 05/3/2024	277,635	250,000			27,635	-							
13	Kê chống sạt lở sông Cái Sắn (bờ bắc kênh Cái Sắn, đoạn từ giáp ranh tỉnh An Giang đến Kênh Đường Xuông) xã Vĩnh Trinh, huyện Vĩnh Thạnh.				2559/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	99,891				99,891	93,000						93,000	
(5)	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				-	1,581,898	-	-	-	1,581,898	652,907	764,909	-	-	-	-	764,909	
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					7,150	-	-	-	7,150	1,430	4,957	-	-	-	-	4,957	
1	Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ - Cơ sở 2	Ninh Kiều		2023-2024	325/UBND-XDDT ngày 25/01/2022 92/QĐ-BQLDA ngày 12/6/2023	2,532				2,532		2,532					2,532	
2	Thiết bị đào tạo tối thiểu đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều		2021-2022	3729/QĐ-UBND ngày 06/12/2021	60				60		60					60	
3	Dự án khu giảng đường dãy D, E thuộc Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Ninh kiều		2020-2021	2452/QĐ-UBND ngày 30/10/2020	356				356		280					280	
4	Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng Y tế Cần Thơ	Ninh Kiều		2020-2021	2667/QĐ-UBND, ngày 25/11/2020	432				432		340					340	
5	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng	Cai Răng		2020-2021	2168/QĐ-UBND ngày 07/10/2020	797				797	400	210					210	
6	Trường THCS và THPT Tân Lộc	Thốt Nốt		2020-2021	2167/QĐ-UBND ngày 07/10/2020	438				438	270	137					137	
7	Trường phổ thông Dân tộc nội trú	Ô Môn		2020-2021	2166/QĐ-UBND ngày 07/10/2020	364				364	190	99					99	
8	Trường THCS và THPT Thới Thuận	Thốt Nốt		2020-2021	2170/QĐ-UBND ngày 07/10/2020	442				442	270	137					137	
9	Trường Dạy trẻ khuyết tật	Bình Thủy		2020-2021	2169/QĐ-UBND ngày 07/10/2020	527				527	300	172					172	
10	Cải tạo và mua sắm trang thiết bị Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ cơ sở 1	Ninh Kiều		2021-2022	3054/QĐ-UBND ngày 30/12/2020	490				490		450					450	
11	Cải tạo khối nhà học Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều		2021-2022	1169/QĐ-UBND ngày 31/5/2021 104/QĐ-TCĐ.VHNT ngày 12/7/2021	514				514		360					360	
12	Cải tạo, nâng cấp Khối nhà thực hành, triển lãm và Phòng thu âm và phòng dạy nhạc cụ âm thanh lớn (trống, kèn) và mua sắm trang thiết bị, Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều		2025	237/UBND-XDDT ngày 14/01/2025; 07/QĐ-TCĐ.VHNT	198				198		180					180	
b	Vốn thực hiện dự án				-	1,574,748	-	-	-	1,574,748	651,477	759,952	-	-	-	-	759,952	
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước					405,417	-	-	-	405,417	334,153	3,318	-	-	-	-	3,318	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài															
1	Nâng cấp Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ để thành lập Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2016-2020	3216/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	89,757				89,757	75,027	470					470						
2	Trường THPT Phan Văn Trị	Phong Điền	B	2014-2018	3179/QĐ-UBND 30/10/2014	72,736				72,736	60,650	37					37						
3	Trường THPT Thới Lai	Thới Lai	B	2017-2020	2829/QĐ-UBND 27/10/2017	46,405				46,405	35,670	166					166						
4	Trường THPT Hà Huy Giáp (giai đoạn 2)	Cờ Đỏ	C	2017-2020	4367/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 (QT)	33,826				33,826	32,385	605					605						
5	Trường THPT Châu Văn Liêm	Ninh Kiều	B	2014-2018	3497/QĐ-UBND ngày 16/11/2016	106,848				106,848	86,475	1,100					1,100						
6	Khối lớp học, phòng thí nghiệm thực hành (GD 2) tại cơ sở 1 trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2016-2018	673/QĐ-UBND ngày 17/3/2016	29,808				29,808	21,330	600					600						
7	Trường THCS Tân Lộc	Thốt Nốt	C	2017-2019	3357/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	26,037				26,037	22,616	340					340						
**	Dự án chuyển tiếp					420,558	-	-	-	420,558	316,534	96,165	-	-	-	-	96,165						
1	Trường Chính trị thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2015-2023	1187/QĐ-UBND ngày 20/4/2015 2413/QĐ-UBND ngày 10/10/2019 793/QĐ-UBND ngày 27/3/2023	170,482	-	-		170,482	135,654	9,500	-	-	-		9,500						
2	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ tại phường Long Xuyên, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.	Bình Thủy	B	2019-2021	2269/QĐ-UBND ngày 31/08/2018 3952/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 1459/QĐ-UBND ngày 21/6/2023	85,921				85,921	85,920	46,967					46,967						
3	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư giai đoạn 1 (5,7ha) thuộc Trường đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ	Bình Thủy	B	2017-2023	2508/QĐ-UBND ngày 22/9/20217; 3409/QĐ-UBND ngày 13/9/20222	52,313				52,313	36,810	4,000					4,000						
4	Trường Tiểu học Thới Thuận 2	Thốt Nốt	C	2020-2022	2623/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	40,344				40,344	13,400	22,500					22,500						
5	Trường THCS thị trấn Phong Điền	Phong Điền	C	2019-2021	2830/QĐ-UBND 30/10/2018	43,816				43,816	23,150	12,373					12,373						
6	Trường Trung học cơ sở Thanh Quới	Vĩnh Thanh	C	2018-2020	2856/QĐ-UBND 30/10/2017	27,682				27,682	21,600	825					825						
***	Dự án khởi công mới					748,773	-	-	-	748,773	790	660,469	-	-	-	-	660,469						
1	Dự án Đầu tư ngành nghề trọng điểm trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Bình Thủy	B	2021-2024	1346/QĐ-UBND ngày 24/6/2021	76,461				76,461	200	69,061					69,061						
2	Dự án Đầu tư 3 nghề trọng điểm cấp độ Asean Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ	Bình Thủy	B	2021-2024	38/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	95,000				95,000	190	21,810					21,810						
3	Dự án nâng cấp Trường Cao đẳng nghề Cần Thơ trở thành trường dạy nghề chất lượng cao theo Quyết định 761/QĐ-TTg	Bình Thủy	B	2021-2024	1956/QĐ-UBND 06/9/2020	292,000				292,000	400	291,600					291,600						
4	Trường THPT chuyên Lý Tự Trọng	Cái Răng	B	2022-2025	147/QĐ-UBND ngày 18/01/2022	79,992				79,992	79,383	79,383					79,383						
5	Trường THCS và THPT Tân Lộc	Thốt Nốt	C	2022-2024	691/QĐ-UBND ngày 15/02/2022	39,995				39,995	39,588	39,588					39,588						
6	Trường Phổ thông Dân tộc nội trú	Ô Môn	C	2022-2024	21/QĐ-UBND ngày 06/01/2022	24,989				24,989	24,680	24,680					24,680						
7	Trường Dạy trẻ khuyết tật	Bình Thủy	C	2022-2024	215/QĐ-SXD ngày 04/11/2021; 320/QĐ-SXD ngày 17/11/2021	8,989				8,989	8,519	8,519					8,519						
8	Trường THCS và THPT Thới Thuận	Thốt Nốt	C	2021-2023	4278/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	39,999				39,999	37,588	37,588					37,588						
9	Cải tạo và mua sắm Trang thiết bị Trường Đại học Kỹ thuật-Công nghệ Cần Thơ Cơ sở I	Ninh Kiều	C	2022-2024	53/QĐ-UBND ngày 30/3/2022	14,946				14,946	14,548	14,548					14,548						
10	Khu giảng đường dây D, E thuộc Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	3796/QĐ-UBND ngày 9/12/2021	43,958				43,958	41,719	41,719					41,719						
11	Cải tạo khối nhà học Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	272/QĐ-SXD ngày 14/10/2022	9,132				9,132	9,056	9,056					9,056						
12	Cải tạo, sửa chữa Trường Cao đẳng y tế Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2023	21/QĐ-SXD ngày 25/01/2022; CV 3058/UBND-XĐĐT ngày 04/8/2022; 221/QĐ-SXD ngày 30/8/2022; 315/QĐ-SXD ngày 5/12/2024	13,371				13,371	13,036	13,036					13,036						
13	Thiết bị đào tạo tối thiểu đáp ứng nhu cầu đào tạo nghề Trường Cao đẳng Kinh tế - Kỹ thuật Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2024-2025	2938/QĐ-UBND ngày 05/12/2023	9,941				9,941	9,881	9,881					9,881						
(6)	Văn hóa - Thể dục thể thao					1,021,170	-	-	-	1,021,170	354,741	771,322	-	-	-	-	721,322						
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					5,119	-	-	-	5,119	700	3,785	-	-	-	-	3,785						
1	Thư viện thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		2020-2021	2199/QĐ-UBND ngày 12/10/2020	1,582				1,582	500	1,082					1,082						
2	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Văn hóa thành phố	Ninh Kiều		2020-2021	2531/QĐ-UBND ngày 10/11/2020	327				327	290	290					290						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại			NSDP	Chinh phủ vay về cho vay lại		Nguồn vốn Trái phiếu Chính			
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà thi đấu đa năng thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		2021	1228/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 353/QĐ-SVHTTDL ngày 11/6/2021	500				500		450					450	
4	Dự án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị lịch sử địa điểm khảo cổ học Nhon Thành	Ninh Kiều		2021-2022	5719/UBND-XDDT ngày 09/11/2021 120/QĐ-SVHTTDL ngày 15/03/2022	1,041				1,041		800					800	
5	Cải tạo, sửa chữa Trường Phổ thông Năng khiếu thể dục thể thao thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		2021-2022	5591/UBND-XDDT ngày 02/11/2021 122/QĐ-SVHTTDL ngày 16/3/2022	447				447		400					400	
6	Sửa chữa, nâng cấp nhà ở vận động viên, khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		2021	1227/QĐ-UBND ngày 09/6/2021 353/QĐ-SVHTTDL ngày 11/6/2021	210				210		190					190	
7	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử Lộ Vòng Cung (giai đoạn 2)	Phong Điền		2024	1008/UBND-XDDT ngày 19/03/2024 906/QĐ-UBND ngày 22/03/2024 của UBND huyện Phong Điền	689				689		450					450	
8	Trung tu di tích Khâm Lớn	Ninh Kiều		2020-2021	2185/QĐ-UBND ngày 09/10/2020	323				323	200	123					123	
b	Vốn thực hiện dự án				-	1,016,051	-	-	-	1,016,051	354,041	767,537	-	-	-	50,000	-	717,537
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước					97,314	-	-	-	97,314	71,319	19,271	-	-	-	-	-	19,271
1	Trang thiết bị hệ thống âm thanh ánh sáng trung tâm văn hóa TPCT	Ninh Kiều	C	2018-2020	2832/QĐ-UBND 30/10/2018	7,951				7,951	7,009	97					97	
2	Bia tường niệm di tích chiến thắng Ông Đờ	Thới Lai	C	2018-2020	1579/QĐ-UBND 16/6/2017	7,346				7,346	7,275	299					299	
3	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử địa điểm thành lập Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	B	2017-2021	1783/QĐ-UBND 13/7/2017	73,335				73,335	49,200	18,723					18,723	
4	Trung tu di tích Đình Thới An, quận Ô Môn. HM xây mới bờ kè, hàng rào, nhà vồ ca	Ô Môn	C	2018-2020	2831/QĐ-UBND 30/10/2018	8,682				8,682	7,835	152					152	
**	Dự án chuyển tiếp					613,445	-	-	-	613,445	282,722	446,038	-	-	-	-	-	446,038
1	Chính lý, trưng bày Bảo tàng thành phố Cần thơ	Ninh Kiều	C	2020-2022	2210/QĐ-UBND 16/9/2019	26,864				26,864	10,651	16,978					16,978	
2	Trung tâm Văn hóa - Thể thao Ninh Kiều	Ninh Kiều	B	2020-2022	2626/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	586,581				586,581	272,071	429,060					429,060	
***	Dự án khởi công mới					305,292	-	-	-	305,292	-	302,228	-	-	-	50,000	-	252,228
1	Trung tu Di tích lịch sử Khâm Lớn Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	3685/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	28,206				28,206		28,006					28,006	
2	Sửa chữa, nâng cấp nhà ở vận động viên Khu liên hợp thể dục thể thao thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 04/11/2022	4,923				4,923		4,809					4,809	
3	Nâng cấp, sửa chữa nhà thi đấu đa năng thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	366/QĐ-SXD ngày 27/12/2022	13,000				13,000		12,549					12,549	
4	Thư viện thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2022-2025	1321/QĐ-UBND ngày 5/6/2023	149,988				149,988		148,413			50,000		98,413	
5	Sửa chữa, nâng cấp Trung tâm Văn hóa thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	297/QĐ-SXD ngày 29/12/2021	7,979				7,979		7,705					7,705	
6	Dự án Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Di tích lịch sử Lộ Vòng Cung (giai đoạn 2)	Phong Điền	B	2024-2025	3483/QĐ-UBND ngày 27/9/2024	101,196				101,196		100,746					100,746	
(7)	Bảo vệ môi trường				-	288,346	-	20,783	20,783	246,780	41,126	147,860	-	20,783	20,783	-	-	106,294
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					234	-	-	-	234	-	220	-	-	-	-	-	220
1	Đầu tư hệ thống trang thiết bị truyền nhận, phần mềm quản lý, giám sát dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục và xây dựng, quản lý CSDL quốc gia về nguồn thải và thiết bị giám sát, quản lý khối lượng chất thải rắn	TP.CT		2024	1403/QĐ-UBND ngày 13/6/2023	234				234		220					220	
b	Vốn thực hiện dự án				-	288,112	-	20,783	20,783	246,546	41,126	147,640	-	20,783	20,783	-	-	106,074
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước				-	14,927	-	-	-	14,927	10,026	2,464	-	-	-	-	-	2,464
1	Hệ thống xử lý chất thải gây ô nhiễm môi trường Nhà tạm giữ Công an các quận, huyện thuộc Công an thành phố Cần Thơ	TP.Cần Thơ	C	2020-2022	262/QĐ-SXD ngày 30/10/2019	5,804				5,804	4,000	1,800					1,800	
2	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quận Ô Môn	Ô Môn	C	2014-2018	2446/QĐ-UBND ngày 06/9/2014 1548/QĐ-UBND ngày 19/6/2018	9,123				9,123	6,026	664					664	
**	Dự án chuyển tiếp					212,482	-	-	-	212,482	31,100	84,138	-	-	-	-	-	84,138

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú			
					Số quyết định: ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW	Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP	NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Vốn trong nước						Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính				
1	Đầu tư xây dựng nâng chất lượng nước thải sau xử lý của nhà máy xử lý nước thải thành phố Cần Thơ từ cột B lên cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT	Cái Răng	C	2020-2022	2628/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	36,324				36,324	200	641						641			
2	Xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu quản lý đất đai quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	B	2020-2022	2627/QĐ-UBND 30/10/2019	94,192				94,192	30,100	15,497						15,497			
3	Dự án xây dựng hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu huyện Thới Lai	Thới Lai	B	2020-2023	2148/QĐ-UBND 6/10/2020	81,966				81,966	800	68,000						68,000			
***	Dự án khởi công mới					60,703	-	20,783	20,783	19,137	-	61,038	-	20,783	20,783	-	-	19,472			
1	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện tại thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều - Bình Thủy - Cái Răng - Phong Điền	B	2020-2022	512/QĐ-UBND 13/3/2020	51,710		20,783	20,783	10,144		52,265		20,783	20,783			10,699			
2	Đầu tư hệ thống trang thiết bị truyền nhân, phần mềm quản lý, giám sát dữ liệu quan trắc môi trường tự động, liên tục và Xây dựng, quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về nguồn thải và thiết bị giám sát, quản lý khối lượng chất thải rắn	TP.Cần Thơ	C	2022-2024	1240/QĐ-UBND ngày 10/6/2021	8,993				8,993		8,773						8,773			
(8)	Khoa học, Công nghệ				-	223,072	-	-	-	223,072	156,503	139,660	-	-	-	-	-	139,660			
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					3,587	-	-	-	3,587	226	1,133	-	-	-	-	-	1,133			
1	Cơ sở hạ tầng Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Cần Thơ	Cờ Đỏ		2016-2017	391/QĐ-BQLDA ngày 30/12/2016	2,604				2,604	226	226						226			
2	Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		2020-2021	2432/QĐ-UBND, ngày 29/10/2020	244				244		220						220			
3	Sân giao dịch công nghệ	Ninh Kiều		2020-2021	2387/QĐ-UBND, ngày 27/10/2020	263				263		230						230			
4	Bảo trì trụ sở Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng	Ninh Kiều		2020-2021	2386/QĐ-UBND, ngày 27/10/2020	139				139		120						120			
5	Sửa chữa, nâng cấp và xây mới một số hạng mục tại Vườn ươm Công nghệ công nghiệp Việt Nam - Hàn Quốc thành phố Cần Thơ	Ô Môn		2024-2025	2260/UBND-XDDT ngày 23/06/2023 354/QĐ-SKHCN ngày 18/12/2023	337				337		337						337			
b	Vốn thực hiện dự án				-	219,485	-	-	-	219,485	156,277	138,527	-	-	-	-	-	138,527			
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước					141,607	-	-	-	141,607	125,390	321	-	-	-	-	-	321			
1	Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ TP.Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2016-2020	3243/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	141,607				141,607	125,390	321	-	-	-			321			
**	Dự án chuyển tiếp				-	42,503	-	-	-	42,503	30,887	11,265	-	-	-	-	-	11,265			
1	Mua sắm trang thiết bị tại Trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2017-2021	1766/QĐ-UBND 24/5/2016	42,503				42,503	30,887	11,265						11,265			
***	Dự án khởi công mới				-	35,375	-	-	-	35,375	-	126,941	-	-	-	-	-	126,941			
1	Sân giao dịch công nghệ	Ninh Kiều	C	2022-2024	770/QĐ-UBND ngày 22/02/2022	29,976				29,976		26,060						26,060			
2	Bảo trì trụ sở và nâng cấp thiết bị Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	303/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	5,399				5,399		5,279						5,279			
3	Dự án Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị nâng cao năng lực, chất lượng hoạt động Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2022-2025								59,776						59,776			
4	Dự án Nâng cấp mở rộng và nâng cao năng lực hoạt động Trung tâm Thông tin KH&CN Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024								35,826						35,826			
(9)	Thông tin, Công nghệ thông tin				-	99,425	-	-	-	99,425	51,238	35,875	-	-	-	-	-	35,875			
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					1,206	-	-	-	1,206	-	908	-	-	-	-	-	908			
1	Xây dựng phần mềm nền tảng, điều hành cho Trung tâm điều hành đô thị thông minh	Ninh Kiều		2020-2021	207/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	406				406		200						200			
2	Xây dựng hạ tầng cho Trung tâm điều hành thông minh IOC	Ninh Kiều		2020-2021	206/QĐ-UBND ngày 25/01/2021	239				239		180						180			
3	Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn thành phố Cần Thơ	TP.Cần Thơ		2020-2021	1026/QĐ-UBND ngày 14/5/2021	119				119		108						108			
4	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Đảng thành phố Cần Thơ giai đoạn 2021-2025	Ninh Kiều		2022-2023	1563/UBND-XDDT ngày 28/4/2022;3765/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	442				442		420						420			
b	Vốn thực hiện dự án				0.00	98,219	-	-	-	98,219	51,238	34,967	-	-	-	-	-	34,967			
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước					23,850	-	-	-	23,850	21,854	57	-	-	-	-	-	57			
1	Nâng cấp thiết bị phòng họp trực tuyến, xây dựng Trung tâm tích hợp dữ liệu, nâng cấp thiết bị hệ thống mạng, phần mềm đặc thù cho các cơ quan Đảng thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2017-2020	3364/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	23,850				23,850	21,854	57						57			
**	Dự án chuyển tiếp				0	71,370	-	-	-	71,370	29,384	32,019	-	-	-	-	-	32,019			
1	Nâng cấp hạ tầng an toàn thông tin thành phố Cần Thơ	TP.Cần Thơ	C	2020-2022	2553/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	16,980				16,980	16,000	44						44			
2	Xây dựng phần mềm dịch vụ công trực tuyến các lĩnh vực	TP.Cần Thơ	C	2020-2022	2629/QĐ-UBND 31/10/2019	28,491				28,491	7,204	17,850						17,850			
3	Xây dựng các dịch vụ nền tảng dùng chung toàn thành phố Cần Thơ	TP.Cần Thơ	C	2020-2022	206/QĐ-SKHDT ngày 08/10/2019	9,716				9,716	2,140	3,794						3,794			
4	Xây dựng các cơ sở dữ liệu nền tảng	TP.Cần Thơ	C	2020-2022	2588/QĐ-UBND ngày 28/10/2019	16,183			11/13	16,183	4,040	10,331						10,331			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Dự phòng NSTW	NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chinh phủ vay về cho vay lại			NSDP						
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài										
***	Dự án khởi công mới				0	2,999	-	-	-	2,999	-	2,891	-	-	-	-	2,891	
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu về giá trên địa bàn thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	23/QĐ-SKHDĐT ngày 24/3/2022	2,999				2,999		2,891					2,891	
(10)	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội				-	668,477	14,730	-	-	653,747	178,540	395,089	-	-	-	-	395,089	
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					8,164	-	-	-	8,164	-	7,553	-	-	-	-	7,553	
1	Sửa chữa trụ sở trung tâm phát triển quỹ đất thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		2025	Công văn số 2690/UBND-XDDĐT ngày 14/7/2022; 2202/QĐ-TTPTQĐ ngày 11/08/2022	140				140		-					-	
2	Sửa chữa trụ sở làm việc của Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố	Ninh Kiều		2020-2021	2482/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	139				139		50					50	
3	Khu hành Chính thành phố Cần Thơ	Cái Răng		2023-2025		-						1,500					1,500	
4	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc tại số 01, đường Quang Trung, phường Tân An, quận Ninh Kiều	Ninh Kiều		2023-2024	3683/UBND-XDDĐT ngày 15/9/2022 09/QĐ-BQLDA ngày 20/02/2023	333				333		300					300	
5	Trụ sở Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		2023-2025	1424/QĐ-UBND ngày 06/7/2021 132/QĐ-BQLDA ngày 17/6/2022 174/QĐ-UBND ngày 10/11/2023	2,159				2,159		2,159					2,159	
6	Cải tạo, sửa chữa Sở Ngoại vụ tại số 27 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Tân An, quận Ninh Kiều	Ninh Kiều		2023-2024	3975/UBND-XDDĐT ngày 05/10/2022 79/QĐ-BQLDA ngày 24/05/2023	164				164		150					150	
7	Xây dựng Khối nhà làm việc của Ban Quản lý Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ	Cái Răng		2020-2021	2536/QĐ-UBND ngày 11/11/2020	241				241		200					200	
8	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc của Ban An toàn giao thông thành phố và Thanh tra Sở thuộc Sở Giao thông vận tải	Ninh Kiều		2021-2022	3643/UBND-XDDĐT ngày 31/8/2021 46/QĐ-BATGT ngày 04/10/2021	172				172		120					120	
9	Nâng cấp, cải tạo nhà điều hành Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn	TP.Cần Thơ		2020-2021	1917/QĐ-UBND ngày 14/9/2020	319				319		290					290	
10	Nâng cấp mở rộng và nâng cao năng lực hoạt động Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Cần Thơ	Ninh Kiều		2020-2021	2416/QĐ-UBND ngày 28/10/2020	202				202		180					180	
11	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ	Ninh Kiều		2020-2021	2388/QĐ-UBND, ngày 27/10/2020	236				236		210					210	
12	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tại khu công nghiệp Trà Nóc	Bình Thủy		2020-2021	2358/QĐ-UBND ngày 26/10/2020	56				56		50					50	
13	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Ban Tôn giáo trực thuộc Sở Nội vụ TP.Cần Thơ	Ninh Kiều		2020-2021	2670/QĐ-UBND ngày 25/11/2020	48				48		40					40	
14	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ Triển lãm Cần Thơ	Ninh Kiều		2021-2022	1151/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 270/QĐ-TTXX ngày 31/5/2021	657				657		600					600	
15	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân tộc thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		Ban Dân tộc	1397/QĐ-UBND ngày 01/7/2021	-						100					100	
16	Sửa chữa trụ sở cơ quan Sở Xây dựng	Ninh Kiều		2020-2021	2491/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	157				157		100					100	
17	Sửa chữa trụ sở Viện Quy hoạch xây dựng	Ninh Kiều		2020-2021	2489/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	86				86		50					50	
18	Cải tạo, sửa chữa khu vực tầng hầm và hội trường lớn UBND thành phố	Ninh Kiều		2021-2022	3907/UBND-XDĐT ngày 14/9/2021 103/QĐ-VPUB ngày 28/9/2021	92				92		65					65	
19	Sửa chữa, cải tạo hệ thống PCCC kho lưu trữ lịch sử thành phố	Ninh Kiều		2021-2022	3907/UBND-XDDĐT ngày 14/9/2021 102/QĐ-VPUB ngày 28/9/2021	161				161		113					113	
20	Sửa chữa cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		2021-2022	2490/QĐ-UBND ngày 05/11/2020	101				101		71					71	
21	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Tư pháp	Ninh Kiều		2022	467/UBND-XDĐT ngày 09/02/2022 33/QĐ-STP ngày 21/02/2022	204				204		180					180	
22	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Câu lạc bộ Hưu trí thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều		2022	1113/UBND-XDDĐT ngày 30/3/2022 26/QĐ-CLB ngày 04/04/2022	152				152		145					145	
23	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Chi cục Kiểm Lâm	Ninh Kiều		2021-2022	1230/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 141/QĐ-SNN&PTNT ngày 05/05/2022	127				127		120					120	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính	NSDP		
24	Sửa chữa trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường	Ninh Kiều		2024-2025	CV 5434/UBND-XDDT ngày 25/10/2021 95/QĐ-STNMT ngày 08/5/2024	146				146	120						120	
25	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban QLDA ĐTXD công trình dân dụng và công nghiệp	Ninh Kiều		2024-2025	07/QĐ-BQLDA ngày 04/6/2024	302				302	200						200	
26	Cải tạo, sửa chữa nhà khách Tây Nam Bộ	Ninh Kiều			2606/UBND -XDDT ngày 10/6/2025	886				886	220						220	
27	Cải tạo, sửa chữa Nhà khách số 2 và Dây phòng nghỉ sau Trụ sở Thành ủy Cần Thơ	Ninh Kiều			2606/UBND -XDDT ngày 10/6/2025	884				884	220						220	
b	Vốn thực hiện dự án				-	660,313	14,730	-	-	645,583	178,540	387,536	-	-	-	-	387,536	
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước					252,903	14,730	-	-	238,173	177,716	12,562	-	-	-	-	12,562	
1	Cải tạo, sửa chữa trụ Sở Giao thông vận tải	Ninh Kiều	C	2016-2018	187/QĐ-SXD ngày 07/01/2017	4,032				4,032	60						60	
2	Sửa chữa, nâng cấp Trụ sở làm việc Viện Kinh tế - Xã hội thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2016-2020	57/QĐ-SXD ngày 10/3/2016; 157/QĐ-SXD ngày 22/7/2016; 53/QĐ-SXD ngày 26/4/2018; 79/QĐ-SXD ngày 16/4/2020	5,645				5,645	386						386	
3	Nhà khách Tây Nam thuộc Công an thành phố Cần Thơ nay là Nhà công vụ thuộc Công an thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2007-2011	3592/QĐ-BCA-H02 ngày 19/5/2021; 32688/QĐ-H01-P6 ngày 25/04/2023 (QT)	41,165	14,730			26,435	6,687						6,687	
4	Cơ sở hạ tầng khu trung tâm hành chính huyện Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	C	2008-2012	1083/QĐ-UBND ngày 11 /04/2006	48,931				48,931	1,764						1,764	
5	Nâng cấp, cải tạo Trung tâm giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản TPCT	Thới Lai	C	2016-2018	849/QĐ-UBND 31/3/2016	2,252				2,252	35						35	
6	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Sở Y tế thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2017	180/QĐ-STC ngày 21/12/2021 (QT)	755				755	30						30	
10	Dự án bồi thường, GPMB, và cơ sở hạ tầng Khu hành chính và Trung tâm thể dục thể thao quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ	Bình Thủy	B	2016-2020	833/QĐ-UBND 30/3/2016	150,123				150,123	3,600						3,600	
***	Dự án khởi công mới				-	407,409	-	-	-	407,409	824	374,974	-	-	-	-	374,974	
1	Xây dựng phòng họp và cải tạo sửa chữa Trụ sở Thành ủy, Hội trường Thành ủy	Ninh Kiều	B	2021-2023	1375/QĐ-UBND ngày 28/6/2021	49,182				49,182	48,882						48,882	
2	Sửa chữa trụ sở làm việc của Liên Hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố	Ninh Kiều	C	2021-2023	130/QĐ-SXD ngày 04/6/2021	1,379				1,379	1,116						1,116	
3	Nâng cấp, cải tạo nhà điều hành Trung tâm Nước sạch và VSMT nông thôn	Ninh Kiều	C	2021-2023	170/QĐ-SXD ngày 31/8/2021	7,356				7,356	6,393						6,393	
4	Cải tạo, sửa chữa Hội trường Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tại KCN Trà Nóc	Bình Thủy	C	2022-2024	1383/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	1,128				1,128	1,288						1,288	
5	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	Ninh Kiều	C	2022-2024	131/QĐ-SXD ngày 24/11/2021	2,988				2,988	2,880						2,880	
6	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Sở Giao thông vận tải	Ninh Kiều	C	2022-2024	197/QĐ-SXD ngày 19/10/2021	1,293				1,293	909						909	
7	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc Ban Tôn Giáo trực thuộc Sở Nội vụ thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	99/QĐ-SXD ngày 13/7/2021	876				876	1,140						1,140	
8	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Sở Khoa học và Công nghệ	Ninh Kiều	C	2022-2024	302/QĐ-SXD ngày 31/12/2021; 348/QĐ-SXD ngày 15/12/2022	4,961				4,961	4,789						4,789	
9	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại và Hội chợ triển lãm Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	36/QĐ-SXD ngày 23/02/2022	14,986				14,986	14,134						14,134	
10	Trang thiết bị Nhà khách Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Cần Thơ	Cái Răng	C	2021-2023	102/QĐ-SKHĐT ngày 24/05/2023	14,267				14,267	14,766						14,766	
11	Cải tạo sửa chữa trụ sở Chi cục Thủy Lợi	Ninh Kiều	C	2022-2024	-	-				-	1,849						1,849	
12	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Ban Dân tộc	Ninh Kiều	C	2022-2024	305/QĐ-SXD ngày 07/11/2022	3,414				3,414	3,316						3,316	
13	Cải tạo, sửa chữa khu vực tầng hầm và hội trường lớn UBND thành phố	Ninh Kiều	C	2022-2024	300/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	945				945	880						880	
14	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở Chi cục Kiểm lâm	Ninh Kiều	C	2022-2024	293/QĐ-SXD ngày 28/10/2022	2,347				2,347	2,227						2,227	
15	Trụ sở Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2022-2025	12/NQ-HĐND ngày 08/7/2022; 12/NQ-HĐND ngày 26/4/2024	196,763				196,763	166,522						166,522	
16	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Tư pháp	Ninh Kiều	C	2022-2024	58/QĐ-STC ngày 07/6/2024 (Quyết toán)	4,232				4,232	4,521						4,521	
17	Sửa chữa cơ quan Ủy ban MTTQ Việt Nam thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2022-2024	06/QĐ-SXD ngày 11/01/2022	1,754				1,754	1,655						1,655	
18	Sửa chữa trụ sở cơ quan Sở Xây dựng	Ninh Kiều	C	2022-2024	282/QĐ-SXD ngày 21/10/2022 106/QĐ-SXD ngày 19/4/2023	2,788				2,788	2,740						2,740	
19	Sửa chữa trụ sở Viện Quy hoạch Xây dựng	Ninh Kiều	C	2022-2024	258/QĐ-SXD ngày 06/10/2022	1,490				1,490	1,414						1,414	
20	Sửa chữa, cải tạo hệ thống PCCC kho lưu trữ lịch sử thành phố	Ninh Kiều	C	2022-2024	301/QĐ-SXD ngày 31/12/2021	2,018				2,018	1,643						1,643	
21	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Cầu lạc bộ Hưu trí thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2023-2024	99/QĐ-SXD ngày 11/4/2023	3,045				3,045	3,041						3,041	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài															
22	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc của Ban An toàn giao thông thành phố và Thanh tra Sở thuộc Sở Giao thông vận tải	Ninh Kiều	C	2022-2024	321/QĐ-SXD ngày 02/11/2022	3,903				3,903		3,783					3,783						
23	Xây dựng Khối nhà làm việc của Ban Quản lý Nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ	Cái Răng	C	2022-2024	295/QĐ-SXD ngày 28/12/2021	4,951				4,951		4,751					4,751						
24	Xây dựng trụ sở và trang bị hệ thống phần mềm ứng dụng du lịch thông minh cho Trung tâm Phát triển Du lịch thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2021-2023	296/QĐ-SXD ngày 28/12/2021	10,713				10,713	122	10,590					10,590						
25	Xây dựng trụ sở làm việc của Trung tâm Quản lý giao thông đô thị trực thuộc Sở Giao thông vận tải	Bình Thủy	C	2021-2023	3242/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 210/QĐ-UBND ngày 31/01/2024	26,607				26,607	180	26,427					26,427						
26	Sửa chữa, cải tạo trụ sở làm việc tại số 01 Quang Trung, phường Tân An, quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	2023-2025	1568/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	32,293				32,293		32,083					32,083						
27	Cải tạo, sửa chữa Sở Ngoại vụ tại số 27 đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường Tân An, quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	2024-2025	55/QĐ-SXD ngày 12/03/2024	3,211				3,211		3,155					3,155						
28	Sửa chữa trụ sở Sở Tài nguyên và Môi trường	Ninh Kiều	C	2024-2025	1750/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	2,900				2,900		2,780					2,780						
29	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ban Quản lý dự án đầu tư công trình xây dựng và công nghiệp thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2025	349/QĐ-SXD ngày 31/12/2024	5,619				5,619		5,300					5,300						
(11)	Xã hội				-	72,713	45,000	-	-	27,713	45,729	25,911	6,500	-	-	-	-	19,411					
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					222	-	-	-	222	-	180	-	-	-	-	-	180					
1	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ	TX Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang		2020-2021	2357/QĐ-UBND ngày 26/10/2020	222				222		180					180						
b	Vốn thực hiện dự án					72,491	45,000	-	-	27,491	45,729	25,731	6,500	-	-	-	-	19,231					
*	Dự án hoàn thành					4,512	-	-	-	4,512	4,306	206	-	-	-	-	-	206					
1	Hàng rào bao quanh công trình Mở rộng nghĩa trang liệt sĩ thành phố Cần Thơ - giai đoạn 1	Cái Răng	C	2017-2018	101/QĐ-STC ngày 08/7/2021 (QT)	4,512				4,512	4,306	206					206						
**	Dự án chuyển tiếp				-	67,979	45,000	-	-	22,979	41,423	25,525	6,500	-	-	-	-	19,025					
1	Nâng cấp, mở rộng Cơ sở Cai nghiện ma túy thành phố Cần Thơ	TX. Ngã Bảy, Hậu Giang	C	2022-2024	4354/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	18,004				18,004		17,328					17,328						
2	Dự án Nâng cấp, mở rộng Trung tâm bảo trợ xã hội thành phố Cần Thơ	Ô Môn	B	2018-2020	2842//QĐ-UBND 30/10/2017 3192/QĐ-UBND 07/12/2017	49,975	45,000			4,975	41,423	8,197	6,500				1,697						
(12)	Kho tàng					68,638	-	-	-	68,638	791	67,847	-	-	-	-	-	67,847					
b	Vốn thực hiện dự án					68,638	-	-	-	68,638	791	67,847	-	-	-	-	-	67,847					
**	Dự án chuyển tiếp				-	68,638	-	-	-	68,638	791	67,847	-	-	-	-	-	67,847					
1	Kho lưu trữ chuyển dụng thành phố Cần Thơ	Cái Răng	B	2020-2023	1424/QĐ-UBND ngày 15/7/2020	68,638				68,638	791	67,847					67,847						
(13)	Công nghiệp					616,358	45,000	478,904	83,630	8,824	78,647	99,984	-	34,000	-	-	-	65,984					
b	Vốn thực hiện dự án					616,358	45,000	478,904	83,630	8,824	78,647	99,984	-	34,000	-	-	-	65,984					
**	Dự án chuyển tiếp					616,358	45,000	478,904	83,630	8,824	78,647	99,984	-	34,000	-	-	-	65,984					
1	Tiểu dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia của thành phố Cần Thơ giai đoạn 2018-2020 - EU tài trợ	Phong Điền - Thới Lai - Cờ Đỏ - Vĩnh Thạnh	C	2016-2021	860/QĐ-UBND ngày 9/4/2019	58,824		50,000		8,824	24,824	34,000	34,000										
2	Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia giai đoạn 2015-2020 của thành phố Cần Thơ	Phong Điền - Thới Lai - Cờ Đỏ - Vĩnh Thạnh	B	2016-2022	894/QĐ-UBND ngày 31/3/2016	557,534	45,000	428,904	83,630		53,823	65,984					65,984						
(14)	Quốc phòng, - An ninh và trật tự, an toàn xã hội					684,967	279,365	-	-	405,602	284,476	246,860	-	-	-	-	-	246,860					
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					4,768	-	-	-	4,768	-	4,146	-	-	-	-	-	4,146					
1	Đội Cảnh sát giao thông số 02 thuộc phòng Cảnh sát giao thông đường bộ của Công an thành phố Cần Thơ	Ô Môn		2020-2021	2805/QĐ-UBND ngày 08/12/2020	653				653		580					580						
2	Xây dựng, cải tạo các buồng hỏi cung bị can + thiết bị ghi âm ghi hình	TP.Cần Thơ		2020-2021	251/QĐ-UBND 16/12/2020	475				475		420					420						
3	Xây dựng nhà tạm giữ Công an quận Ô Môn	Ô Môn		2021-2022	296/UBND-XĐĐT ngày 20/10/2021 2435/QĐ-CATP-PH10 ngày 02/11/2021	429				429		380					380						
4	Trụ sở làm việc Thủy đội phòng Cảnh sát giao thông đường thủy - Công an thành phố Cần Thơ	Thốt Nốt		2022	6641/UBND-XĐĐT ngày 28/12/2021 152/QĐ-CATP-PH10 ngày 20/01/2022	577				577		450					450						
5	Mua sắm thiết bị, phương tiện phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ	TP.Cần Thơ		2022	558/QĐ-UBND ngày 07/02/2022	129				129		50					50						
6	Mua sắm máy móc, trang thiết bị thành lập Phòng An ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Công an thành phố Cần Thơ	TP.Cần Thơ		2021-2022	1387/QĐ-UBND ngày 29/6/2021 815/QĐ-UBND ngày 25/02/2022	123				123		50					50						
7	Trạm Cảnh sát giao thông đường thủy Hưng Phú của Công an thành phố Cần Thơ	Cái Răng		2020-2021	2634/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	547				547		490					490						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
8	Trạm Cảnh sát giao thông đường thủy Vàm Thới An của Công an thành phố Cần Thơ	Ô Môn		2020-2021	2633/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	424				424			380				380						
9	Trang bị hệ thống giao ban trực tuyến giữa Bộ CHQS thành phố với các đơn vị trực thuộc	Cái Răng		2022-2023	5623/UBND-XDDT ngày 03/11/2021 117/QĐ-UBND ngày 14/01/2022	66				66			60				60						
10	Sửa chữa hồ bơi huấn luyện Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố Cần Thơ	Cái Răng		2024-2025	5207/UBND-XDDT ngày 18/12/2023 3531/QĐ-BCH ngày 26/12/2023	159				159			100				100						
11	Sửa chữa kho vũ khí - đạn	Phong Điền		2024-2025	4347/UBND-XDDT ngày 08/10/2024 3316/QĐ-BCH ngày 18/10/2024	224				224			224				224						
12	Sửa chữa Tiểu đoàn 410/Trung đoàn 932	Cái Răng		2024-2025	4348/UBND-XDDT ngày 08/10/2024 3315/QĐ-BCH ngày 18/10/2024	489				489			489				489						
13	Sửa chữa Trụ sở BCH quân sự thành phố	Cái Răng		2024-2025	4346/UBND-XDDT ngày 08/10/2024 3317/QĐ-BCH ngày 18/10/2024	473				473			473				473						
b	Vốn thực hiện dự án				-	680,199	279,365	-	-	400,834	284,476	242,714	-	-	-	-	242,714						
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước				-	312,374	74,971	-	-	237,403	256,548	18,111	-	-	-	-	18,111						
1	Trung tâm huấn luyện và bồi dưỡng nghiệp vụ thuộc Công an thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	B	2009-2015	7126/QĐ-BCA-H02 19/9/2019	99,633	74,971			24,662	74,971		15,672				15,672						
2	Kho vật chứng thuộc Công an thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2016-2018	3158/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	10,466				10,466	8,995		718				718						
3	06 trụ sở làm việc Công an các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Vĩnh Thanh	Vĩnh Thanh	C	2018-2020	2853/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	25,185				25,185	22,290		755				755						
4	GPMB xây dựng trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát PCCC huyện Phong Điền	Phong Điền	C	2019-2020	19/QĐ-UBND ngày 06/01/2022 (QT)	13,627				13,627	13,589		39				39						
5	Doanh trại Tiểu đoàn Tây Đô	Cái Răng	B	2010-2015	1548/QĐ-UBND 6/11/2010	120,835				120,835	94,901		203				203						
6	Trang thiết bị tác chiến Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố	TP.Cần Thơ	C	2019-2020	210/QĐ-SKHDТ ngày 30/10/2019	6,655				6,655	6,550		25				25						
7	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư đất quy hoạch xây dựng Trạm CSGT đường bộ (Trạm số 2) tại phường Phước Thới, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ	Ô Môn	C	2016-2020	1363/QĐ-UBND ngày 22/04/2022 (QT)	20,464				20,464	20,427		494				494						
8	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khu đất quy hoạch xây dựng trụ sở làm việc Công an huyện Thới Lai (giai đoạn 2) tại xã Tân Thạnh, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	Thới Lai	C	2016-2020	59/QĐ-STC ngày 22/05/2023 (QT)	4,502				4,502	4,488		13				13						
9	Bồi thường, hỗ trợ và TĐC phần đất quy hoạch đường song hành dẫn cầu Cần Thơ tạm giao cho BCH Quân sự thành phố quản lý	Cái Răng	C	2016-2022	1942/QĐ-UBND ngày 12/8/2019 2897/QĐ-UBND ngày 25/10/2021	11,007				11,007	10,337		192				192						
**	Dự án chuyển tiếp					323,560	204,394	-	-	119,166	27,928	87,300	-	-	-	-	87,300						
1	Cơ sở làm việc Công an quận Ô Môn thuộc Công an TP.Cần Thơ	Ô Môn	C	2019-2022	6876/QĐ-BCA-H02 30/10/2018	86,172	43,172			43,000	17,386		25,701				25,701						
2	Cơ sở làm việc Công an quận Cái Răng thuộc Công an thành phố Cần Thơ	Cái Răng	C	2019-2021	7251/BCA-H02 ngày 13/11/2018	37,964	18,982			18,982	10,462		8,520				8,520						
3	Dự án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khu đất mở rộng Ban Chỉ huy quân sự huyện Thới Lai	Thới Lai	C	2019-2022	14/QĐ-SKHDT ngày 23/01/2019	3,418				3,418			1,088				1,088						
4	Ban CHQS huyện Thới Lai (giai đoạn 2)	Thới Lai	C	2019-2021	242/QĐ-SKHDT 11/10/2019	10,905				10,905	80		9,800				9,800						
5	Trường bắn Đồng bằng sông Cửu Long	Cờ đỏ	B	2019-2026	3077/QĐ-BOP ngày 04/9/2009; 148/QĐ-QK ngày 21/01/2025	185,101	142,240			42,861			42,191				42,191						
***	Dự án khởi công mới				-	44,265	-	-	-	44,265	-	137,303	-	-	-	-	137,303						
1	Đầu tư khác												48,654				48,654	Chi tiết theo văn bản riêng					
2	Đầu tư khác												10,962				10,962	Chi tiết theo văn bản riêng					
3	Đội Cảnh sát giao thông số 02 thuộc phòng Cảnh sát giao thông đường bộ của Công an thành phố Cần Thơ	Ô Môn		2022-2024	246/QĐ-SXD ngày 02/12/2021 274/QĐ-SXD ngày 17/10/2022	14,735				14,735			14,164				14,164						
4	Đầu tư khác												24,163				24,163	Chi tiết theo văn bản riêng					
5	Đầu tư khác												10,738				10,738	Chi tiết theo văn bản riêng					
6	Trạm Cảnh sát giao thông đường thủy Hưng Phú của Công an thành phố Cần Thơ	Cái Răng		2022-2024	247/QĐ-SXD ngày 02/12/2021	11,568				11,568			11,078				11,078						
7	Trạm Cảnh sát giao thông thủy Vàm Thới An của Công an thành phố Cần Thơ	Ô Môn		2022-2024	248/QĐ-SXD ngày 02/12/2021	8,492				8,492			8,124				8,124						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
8	Dự án Mua sắm máy móc, trang thiết bị thành lập Phòng An Ninh mạng và phòng, chống tội phạm sử dụng công nghệ cao thuộc Công an thành phố Cần Thơ	Ninh Kiều	C	2024-2025	01/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	9,470				9,470	9,420							9,420					
(15)	Phát thanh, truyền hình, thông tấn				-	146,906	-	-	-	146,906	300	142,138	-	-	-	-	-	142,138					
b	Vốn thực hiện dự án				-	146,906	-	-	-	146,906	300	142,138	-	-	-	-	-	142,138					
**	Dự án chuyển tiếp					146,906	-	-	-	146,906	300	142,138	-	-	-	-	-	142,138					
1	Hiện đại hóa trang thiết bị kỹ thuật phát thanh và truyền hình theo hướng truyền thông đa phương tiện	Ninh Kiều	B	2021-2025	1604/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	146,906				146,906	300	142,138						142,138					
(16)	Khác				-	755,716	-	-	-	755,716	587,944	27,770	-	-	-	-	-	27,770					
b	Vốn thực hiện dự án				-	755,716	-	-	-	755,716	587,944	27,770	-	-	-	-	-	27,770					
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước				-	36	-	-	-	36	-	36	-	-	-	-	-	36					
	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Học viện Phật giáo Nam Tông Khmer (khoảng 2,8ha) tại phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn.	Ô Môn	C	2017-2019	1756/QĐ-UBND ngày 10/7/2017	36				36	36							36					
**	Dự án chuyển tiếp					755,680	-	-	-	755,680	587,944	27,734	-	-	-	-	-	27,734					
1	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án xây dựng Trung tâm Văn hóa Tây Đô - giai đoạn 1	Q. Cái Răng	B	2015-2020	1298/QĐ-UBND ngày 06/5/2015	402,149	-	-		402,149	383,489	18,659	-	-	-	-		18,659					
2	Dự án Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu đô thị Võ Văn Kiệt - đoạn từ Rạch Sao đến Rạch Mương Khai (diện tích 35ha)	Bình Thủy	B	2018-2020	2261/QĐ-UBND 31/8/2018	353,531				353,531	204,455	9,075						9,075					
(17)	Quy hoạch				-	93,194	-	-	-	93,194	-	64,893	-	-	-	-	-	64,893					
1	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất Kho xăng dầu Tây Nam Bộ			2024-2025	725/QĐ-UBND ngày 29/03/2024	416				416	416							416					
2	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất Bãi công trường 5			2024-2025	726/QĐ-UBND ngày 29/03/2024	847				847	847							847					
3	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất tại Quốc lộ 1A			2024-2025	727/QĐ-UBND ngày 29/03/2024	415				415	415							415					
4	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất do ông Lê Văn Phụng tự nguyện giao trả lại cho nhà nước			2024-2025	728/QĐ-UBND ngày 29/03/2024	407				407	407							407					
5	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất Khu xử lý chất thải rắn Ô Môn			2024-2025	729/QĐ-UBND ngày 29/03/2024	1,518				1,518	1,518							1,518					
6	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất Bãi bồi sông Hậu			2024-2025	1383/QĐ-UBND ngày 20/6/2024	919				919	919							919					
7	Đồ án quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đất Bãi công trường 6			2024-2025	1382/QĐ-UBND ngày 20/6/2025	575				575	575							575					
8	Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050			2020-2022	1056/QĐ-TTg ngày 20/7/2020 2180/QĐ-UBND ngày 07/10/2020	57,535				57,535	29,234							29,234					
9	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Trung tâm Văn hóa Tây Đô, thành phố Cần Thơ			2021	1184/QĐ-UBND ngày 31/5/2021; 3903/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	2,716				2,716	2,716							2,716					
10	Điều chỉnh tổng thể đồ án Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050			2021-2023	1167/QĐ-UBND ngày 31/5/2021	20,944				20,944	20,944							20,944					
11	Điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050			2024-2025	1230/QĐ-UBND ngày 04/06/2024	475				475	475							475					
12	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công nghiệp công nghệ cao quận Ô Môn			2024-2025	1231/QĐ-UBND ngày 04/06/2024	2,022				2,022	2,022							2,022					
13	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 1 tại quận Bình Thủy)			2024-2025	1229/QĐ-UBND ngày 04/06/2024	1,107				1,107	1,107							1,107					
14	Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 Trung tâm liên kết, sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp vùng đồng bằng sông Cửu Long tại thành phố Cần Thơ (Khu 2 tại huyện Cờ Đỏ)			2024-2025	1228/QĐ-UBND ngày 04/06/2024	1,918				1,918	1,918							1,918					
15	Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dịch vụ tổng hợp, logistics khu bến Cái Cui				38/QĐ-UBND ngày 08/01/2025	412				412	412							412					
16	Đồ án Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu dịch vụ tổng hợp, logistics khu Bến cảng Thốt Nốt				39/QĐ-UBND ngày 08/01/2026	382				382	382							382					
17	Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 cụm cảng biển, bến thủy nội địa và kho bãi phục vụ tại phường Phước Thới và phường Thới An, quận Ô Môn				344QĐ-UBND ngày 14/02/2025	586				586	586							586					
II	Danh mục dự án cấp huyện (cũ) chuyển giao về Ban quản lý dự án khu vực					8,894,589	-	-	-	8,894,589	201,901	5,334,121	-	-	-	-	-	5,334,121					
*	Ủy thác vốn NSDP và hỗ trợ đầu tư					-	-	-	-	-	31,011	-	-	-	-	-	-	31,011					
a	Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội TP Cần Thơ					-	-	-	-	-	30,200	-	-	-	-	-	-	30,200					
1	Cấp vốn ủy thác cho Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội quận Ninh Kiều	Ninh Kiều				9/8/1913				5,000	5,000							5,000					
2	Cấp vốn ủy thác cho Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội quận Bình Thủy giai đoạn 2024-2025	Quận Bình Thủy		2024-2025	4320/QĐ-UBND ngày 02/12/2024	5,000				5,000	-	5,000						5,000					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Dự phòng NSTW	NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại			NSDP						
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài										
												Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính			
3	Chương trình cấp vốn ủy thác cho Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội quận Ô Môn năm 2025	Q. Ô Môn		2025	1910/QĐ-UBND, ngày 07/5/2024	3,000				3,000		3,000					3,000	
4	Cấp vốn ủy thác cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Thới Lai để cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm	thị trấn Thới Lai		2025		3,000				3,000	-	3,000					3,000	
5	Vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội khu vực thoát nốt	Quận Thốt Nốt		2025								3,500					3,500	
6	Cấp vốn ủy thác cho Phòng Giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Phong Điền năm 2024 - 2025	H .PD		2023-2024	4931 - 28/11/23; ĐC: 4023 - 13/11/24	7,700				7,700		7,700					7,700	
7	Vốn ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Vĩnh thanh	huyện Vĩnh thanh		2025	3239/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	3,000				3,000		3,000					3,000	
b	Quý hỗ trợ nông dân										811	-	-	-	-	-	811	
1	Kinh phí tạo lập Quý hỗ trợ nông dân năm 2025 cơ sở	Huyện Cờ Đỏ		2025								300					300	
2	Quý hỗ trợ nông dân (Phong Điền)	H .PD		2021-2025	Đề án	1,555				1,555		311					311	
3	Vốn ủy thác Quý hỗ trợ nông dân	huyện Vĩnh Thanh		2025	3240/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	200				200		200					200	
(1)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ninh Kiều					1,282,326				1,282,326	59,743	876,984					876,984	
a	Vốn chuẩn bị đầu tư và vốn quy hoạch					27,634				27,634	0	17,174					17,174	
1	Cải tạo, nâng cấp đường 30 tháng 4 (đoạn từ đường Trần Văn Hoài đến đường Nguyễn Văn Linh)	Hưng Lợi	C	25-27		206				206		140					140	
2	Cải tạo, nâng cấp đường 30 tháng 4 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến vòng xoay cầu Dầu Sầu)	Hưng Lợi	C	25-27		338				338		215					215	
3	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trong khu tái định cư Thới Nhứt 1, phường An Khánh	An Khánh	C	25-27		501				501		231					231	
4	Nạo vét hồ Xáng Thới, cải tạo kè, công viên và đường quanh hồ	An Cư	C	22-25		562				562		325					325	
5	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Văn Hoài, quận Ninh Kiều	Xuân Khánh	C	22-24	88/QĐ-BDAQĐ ngày 16/9/2021	480				480		227					227	
6	Cải tạo Công viên Sông Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều (đoạn từ cầu đi bộ đến bến tàu Novaland)	Cái Khế	C	22-24	91/QĐ-BDAQĐ ngày 21/09/2021	315				315		164					164	
7	Nâng cấp đường Hai Bà Trưng (đoạn từ Nhà khách số 2 đến đường Phan Đình Phùng) và đường Nguyễn Thị Minh Khai	Ninh Kiều	C	24-25	96/QĐ-BDAQĐ ngày 29/9/2023	310				310		121					121	
8	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ đường Lò Mố đến đường Trần Nam Phú (giai đoạn 1)	An Khánh	C	24-25	133/QĐ-BDAQĐ ngày 02/11/2022	534				534		294					294	
9	Nâng cấp đường Nguyễn Trãi (đoạn từ cầu Cái Khế đến vòng xoay Hùng Vương), đường Phan Đăng Lưu (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Bùi Thị Xuân) và một số tuyến đường thuộc Trung tâm thương mại Cái Khế, quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	23-25	82/QĐ-BDAQĐ ngày 02/8/2024	275				275		138					138	
10	Xây dựng mới và cải tạo Trường THCS Lương Thế Vinh, quận Ninh Kiều	Hưng Lợi	B	22-25	84/QĐ-BDAQĐ ngày 15/9/2021	577				577		493					493	
11	Trường tiểu học An Lạc, quận Ninh Kiều	An Lạc	C	22-24	39/QĐ-BDAQĐ ngày 07/05/2021	314				314		216					216	
12	Cải tạo, mở rộng Trường THCS Chu Văn An, quận Ninh Kiều	Tân An	C	21-24	19/QĐ-BDAQĐ ngày 22/02/2021	373				373		268					268	
13	Đường Mạc Đĩnh Chi nối dài (đoạn Trương Định đến Huỳnh Cương)	An Cư	C	21-23	7554/QĐ-UBND ngày 22/10/2020	170				170		41					41	
14	Xây dựng mới và cải tạo Trường tiểu học Lê Quý Đôn	Ninh Kiều				299				299		229					229	
15	Xây dựng mới và cải tạo Trường tiểu học Kim Đồng	Ninh Kiều				614				614		500					500	
16	Xây dựng mới hệ thống thoát nước và cải tạo mặt đường Tâm Vu, phường Hưng Lợi	Hưng Lợi	C	25-27		495				495		275					275	
17	Cải tạo, nâng cấp đường Lương Định Của và đường số 3, phường Cái Khế	Cái Khế	C	25-27		352				352		242					242	
18	Hệ thống loa truyền thanh ứng dụng Công nghệ thông tin - viễn thông trên địa bàn quận Ninh Kiều (giai đoạn 2)	Ninh Kiều	C	25-27		234				234		5					5	
19	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Phan Bội Châu	Thới Bình	C	25-27		344				344		277					277	
20	Cải tạo, sửa chữa các trụ sở làm việc thuộc Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh quận Ninh Kiều	An Hòa	C	24-25	56/QĐ-BDAQĐ ngày 18/7/2023	231				231		142					142	
21	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho các trụ sở Ban Chỉ huy quân sự phường thuộc quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	21-25	14/QĐ-BDAQĐ ngày 02/8/2024	423				423		284					284	
22	Nâng cấp, cải tạo đường 30 tháng 4 (đoạn từ đường Mậu Thân đến đường Trần Văn Hoài)	Xuân Khánh	C	24-26	80/QĐ-BDAQĐ ngày 02/8/2024	423				423		247					247	
23	Cải tạo, sửa chữa các khối nhà làm việc thuộc Quận ủy Ninh Kiều	Thới Bình	C	24-25	72/QĐ-BDAQĐ, ngày 24/07/2024	229				229		164					164	
24	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Trường mầm non Rạng Đông	An Khánh	C	24-26	71/QĐ-BDAQĐ ngày 24/07/2024	466				466		334					334	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Dự phòng NSTW	NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại			NSDP						
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài										
25	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Trường mầm non Vầng Anh	An Khánh	C	24-26	70/QĐ-BĐAQĐ ngày 24/7/2024	347				347		257						257
26	Cải tạo, nâng cấp hẻm 90 - 118 đường Hùng Vương, quận Ninh Kiều	Thới Bình	C			190				190		190						190
27	Đầu tư đèn Led thay thế đèn cao áp và bổ sung hệ thống điều khiển thông minh tại một số tuyến đường trên địa bàn quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	25-27	146/QĐ-PQLĐT ngày 08/4/2024	365				365		338						338
28	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước tại một số vị trí trên địa bàn quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	21-23	468/QĐ-PQLĐT ngày 11/10/2021	377				377		273						273
29	Cải tạo một số tuyến hẻm phường Xuân Khánh	Xuân Khánh	C	21-23	223A/QĐ-PQLĐT ngày 27/10/2021	164				164		135						135
30	Cải tạo một số tuyến hẻm phường An Hòa	An Hòa	C	21-23	349/QĐ-PQLĐT ngày 27/10/2020	201				201		177						177
31	Cải tạo một số tuyến hẻm phường Hưng Lợi	Hưng Lợi	C	21-23	224A/QĐ-PQLĐT ngày 27/10/2020	245				245		196						196
32	Cải tạo một số tuyến hẻm phường Thới Bình	Thới Bình	C	21-23	347A/QĐ-PQLĐT ngày 27/10/2020	243				243		238						238
33	Cải tạo một số tuyến hẻm phường An Khánh, phường An Bình	An Khánh	C	22-24	147/QĐ-PQLĐT ngày 28/03/2023	404				404		402						402
34	Cải tạo, nâng cấp một số hẻm phường An Khánh	An Khánh	C	21-23	345/QĐ-PQLĐT ngày 27/10/2020	548				548		381						381
35	Cải tạo, nâng cấp hẻm vào chung cư Cơ Khí, phường An Hòa	An Hòa	C	22-24	390/QĐ-PQLĐT ngày 16/09/2021	244				244		160						160
36	Cải tạo, nâng cấp hẻm 216, đường 3 tháng 2, phường Hưng Lợi	Hưng Lợi	C	22-24	100/QĐ-PQLĐT ngày 25/03/2022	152				152		109						109
37	Cải tạo, nâng cấp hẻm 18 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh và hẻm 15 đường Hoàng Văn Thụ, phường Tân An	Tân An	C	22-24	338/QĐ-PQLĐT ngày 02/08/2022	131				131		112						112
38	Cải tạo một số tuyến hẻm phường Xuân Khánh và hẻm 118/120 đường Trần Phú, hẻm 206/21 đường Lê Lợi, phường Cái Khế	Ninh Kiều	C	22-24	145/QĐ-PQLĐT ngày 28/03/2023	557				557		555						555
39	Cải tạo một số tuyến hẻm phường An Phú, phường Hưng Lợi và hẻm Trường Tiểu học Cái Khế 3 đường Nguyễn Bình Khiêm, hẻm 206, hẻm 77C đường Trần Phú phường Cái Khế	Ninh Kiều	C	21-25	143/QĐ-PQLĐT ngày 28/03/2023	245				245		245						245
40	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước tại Khu dân cư Metro, Khu dân cư 148, đường Nguyễn Trãi và một số vị trí khác trên địa bàn quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	23-25	195/QĐ-PQLĐT ngày 25/4/2023	457				457		300						300
41	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên địa bàn quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	23-25	210/QĐ-PQLĐT ngày 09/5/2023	298				298		298						298
42	Phương án chống ngập rạch Khai Luồng, phường Cái Khế	Cái Khế	C	24-25	142/QĐ-PQLĐT ngày 08/4/2024	184				184		43						43
43	Cải tạo, sửa chữa Cơ sở điều trị Methadone quận (Trạm Y tế phường An Lạc cũ)	An Lạc	C	21-25	309/QĐ-PQLĐT ngày 27/7/2021	38				38		33						33
44	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Hội Cựu chiến binh, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Phòng Quản lý đô thị quận Ninh Kiều	Thới Bình	C	22-24	01/QĐ-PQLĐT ngày 10/01/2022	63				63		62						62
45	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND phường An Khánh	An Khánh	C	22-24	276/QĐ-PQLĐT ngày 15/6/2022	124				124		123						123
46	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm bổ sung cơ sở vật chất cho các cơ quan thuộc UBND quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	21-25	193/QĐ-PQLĐT ngày 25/4/2023	226				226		220						220
47	Cải tạo, sửa chữa PQLĐT và kho vật tư hẻm 534 đường 30/4, phường Hưng Lợi và Đội Cảnh sát PCCC Công an quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C		140/QĐ-PQLĐT ngày 08/4/2024	57				57		54						54
48	Nâng cấp các tuyến hẻm 2 đường Lý Tự Trọng, hẻm 51 đường Đề Thám, hẻm 22/23 đường Mạc Đĩnh Chi, hẻm 107, 137 đường Hoàng Văn Thụ, phường An Cư và hẻm 22 đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi	Ninh Kiều	C	21-25	223/QĐ-PQLĐT ngày 20/05/2024	248				248		241						241
49	Nâng cấp các tuyến hẻm 1, 2, 3 tổ 4 KV4, hẻm 383A tổ 8, hẻm 388A, 388E tổ 3, hẻm 75 tổ 1 KV2, hẻm 51 đường Trần Nam Phú, phường An Khánh và hẻm 144, 32 đường CMT8, phường Cái Khế	Ninh Kiều	C	24-25	224/QĐ-PQLĐT ngày 20/05/2024	407				407		320						320
50	Nâng cấp hẻm 36, hẻm 112, hẻm 170 và hẻm 234 đường Hoàng Quốc Việt, phường An Bình	An Bình	C	24-25	222/QĐ-PQLĐT ngày 20/05/2024	376				376		400						400
51	Nâng cấp các tuyến hẻm KDC 16B, 27 đường Mậu Thân, hẻm 162 đường Phạm Ngũ Lão, hẻm 321 đường Nguyễn Đệ, hẻm 61 đường CMT8, hẻm 9-15, 49-57 đường Võ Trường Toản, hẻm 104, 66A, 311/89, 188/1, hẻm nhánh 147 đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Hoà	An Hòa	C	24-25	225/QĐ-PQLĐT ngày 20/05/2024	492				492		439						439
52	Nâng cấp, sửa chữa đường Lê Anh Xuân và đường Hồ Xuân Hương (đoạn từ đường Hùng Vương đến hẻm 67 Phan Đăng Lưu)	Thới Bình	C	24-25	144/QĐ-PQLĐT ngày 08/4/2024	199				199		179						179
53	Cải tạo vỉa hè đường Đề Thám, đường Nguyễn Khuyến, đường Lý Tự Trọng, đường Phan Văn Trị, đường Quang Trung	An Cư	C	24-25	226/QĐ-PQLĐT ngày 20/05/2024	446				446		427						427

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài															
54	Cải tạo via hè các tuyến đường Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Phan Đình Phùng, Trần Quốc Toàn, Thủ Khoa Huân, Lý Thường Kiệt và trước UBND TP.Cần Thơ	Ninh Kiều	C	24-25	227/QĐ-PQLĐT ngày 20/05/2024	574				574	561						561						
55	Cải tạo via hè Đại lộ Hòa Bình	Tân An	C	21-25	228/QĐ-PQLĐT ngày 20/05/2024	463				463	407							407					
56	Cải tạo bờ kè đường Mạc Thiên Tích (Mậu Thân - Nguyễn Thị Minh Khai)	Ninh Kiều	C	25-27	97/QĐ-PKTHĐT ngày 08/4/2025	261				261	260							260					
57	Cải tạo via hè đường 30 tháng 4 (Phan Văn Trị - Mậu Thân)	Tân An	C	25-27	107/QĐ-PKTHĐT ngày 14/4/2025	400				400	380							380					
58	Cải tạo via hè đường Nguyễn An Ninh - Châu Văn Liêm, Nguyễn Thái Học - Võ Văn Tần	Ninh Kiều	C	25-27	109/QĐ-PKTHĐT ngày 14/4/2025	300				300	290							290					
59	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục Nhà văn hóa thiếu nhi quận Ninh Kiều	An Lạc	C	21-25	259/QĐ-PQLĐT ngày 20/5/2024	218				218	180							180					
60	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh hai bên cầu Hưng Lợi, phường Hưng Lợi	Hưng Lợi	C	21-25	761/QĐ-PQLĐT ngày 03/10/2024	286				286	195							195					
61	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Xuân Khánh 2	Xuân Khánh	C	25-27	173/QĐ-PGDDĐT Ngày 01/10/2024	157				157	120							120					
62	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Nguyễn Hiền	Hưng Lợi	C	25-27	175/QĐ-PGDDĐT Ngày 01/10/2024	149				149	120							120					
63	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Tô Hiến Thành	Xuân Khánh	C	25-27	174/QĐ-PGDDĐT Ngày 01/10/2024	180				180	120							120					
64	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Hoàng Anh	An Hội	C	21-25	27/QĐ-PGDDĐT Ngày 24/02/2023	154				154	149							149					
65	Xây dựng phòng chức năng Trường THCS Trần Hưng Đạo	An Phú	C	21-25	96/QĐ-PGDDĐT Ngày 05/7/2021	393				393	360							360					
66	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Cái Khế 2	Cái Khế	C	21-25	28/QĐ-PGDDĐT Ngày 24/02/2023	253				253	242							242					
67	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS An Lạc	An Lạc	C	21-25	30/QĐ-PGDDĐT Ngày 24/02/2023	136				136	130							130					
68	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non Tuổi Ngọc	An Hòa	C	21-25	105/QĐ-PGDDĐT Ngày 18/7/2023	175				175	167							167					
69	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5, lớp 9 theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Ninh Kiều	C	24-25	10/QĐ-PGDDĐT Ngày 20/01/2024	54				54	44							44					
70	Cải tạo, sửa chữa Trường TH Thới Bình 1 (điểm B)	Thới Bình	C	21-25	108/QĐ-PGDDĐT Ngày 18/7/2023	155				155	148							148					
71	Sửa chữa Trường Mầm non Bông Sen	Xuân Khánh	C	24-25	112/QĐ-PGDDĐT Ngày 19/7/2023	169				169	130							130					
72	Mua sắm thiết bị hội trường cho các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập thuộc quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	21-25	170/QĐ-PGDDĐT Ngày 01/10/2024	51				51	26							26					
73	Cải tạo, sửa chữa Trường Mầm non An Bình	An Bình	C	21-25	137/QĐ-PGDDĐT Ngày 09/8/2024	173				173	162							162					
74	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Cái Khế 1	Cái Khế	C	25-27	51/QĐ-PGDDĐT Ngày 03/4/2025	266				266	200							200					
75	Điểm tập kết rác tạm tại bãi công trường cầu Hưng Lợi	Hưng Lợi	C	23-25	18/QĐ-PTNMT ngày 28/7/2023	155				155	140							140					
76	Điểm tập kết trung chuyển rác thải Khu Tái định cư Ninh Kiều	An Bình	C	24-25	01/QĐ-PTNMT ngày 27/02/2024	91				91	87							87					
77	Đồ án Quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 quận Ninh Kiều (phần khu 1)	Ninh Kiều				1,246				1,246	20							20					
78	Đồ án Quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 quận Ninh Kiều (phần khu 2)	Ninh Kiều				966				966	20							20					
79	Đồ án Quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 quận Ninh Kiều (phần khu 3)	Ninh Kiều				2,074				2,074	20							20					
80	Đồ án Quy hoạch phân khu tỉ lệ 1/2000 quận Ninh Kiều (phần khu 4)	Ninh Kiều				1,047				1,047	20							20					
b	Vốn thực hiện dự án					1,254,691				1,254,691	59,743							859,810					
**	Dự án chuyển tiếp					315,777				315,777	59,543							204,879					
1	Trường tiểu học Trần Quốc Toàn, quận Ninh Kiều	Xuân Khánh	B	20-25	6489 31/10/19	56,792				56,792	1,347	48,617						48,617					
2	Trường tiểu học An Bình	An Bình	B	19-25	5231+6364 13/09/19+17/11/22	53,816				53,816	1,058	47,549						47,549					
3	Trường mầm non Phương Hồng, quận Ninh Kiều	An Cư	C	21-23	7749 30/10/20	23,159				23,159	201	18,682						18,682					
4	Đường cấp bờ kè rạch Khai Luông (cầu Ninh Kiều - Hai Bà Trưng)	Tân An	C	22-24	2247 5/4/22	37,364				37,364	85	20,542						20,542					
5	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Phú (giai đoạn 1) phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ	Cái Khế	B	19-23	6975+3676 31/10/18+25/6/21	122,410				122,410	38,437	68,802						68,802					
6	Cải tạo, mở rộng Trường tiểu học Nguyễn Du, quận Ninh Kiều	Hưng Lợi	C	20-22	5232 13/9/19	4,844				4,844	4,085	61						61					
7	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Ngô Quyền, quận Ninh Kiều	An Cư	C	20-22	6483 31/10/19	4,985				4,985	4,465	225						225					
8	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Võ Trường Toản, quận Ninh Kiều	An Hoà	C	20-22	6485 31/10/19	4,785				4,785	3,549	125						125					
9	Cải tạo, mở rộng Trường tiểu học An Nghiệp, quận Ninh Kiều	An Nghiệp	C	20-22	6486 31/10/19	4,573				4,573	3,654	163						163					
10	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS Lương Thế Vinh, quận Ninh Kiều	Hưng Lợi	C	20-22	6487 31/10/19	3,050				3,050	2,662	112						112					
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					938,914				938,914	200	654,931						654,931					
1	Trường tiểu học An Lạc, quận Ninh Kiều	An Lạc	C	22-24	12204 23/12/21	18,829				18,829	0	17,268						17,268					
2	Cải tạo, mở rộng Trường THCS Chu Văn An, quận Ninh Kiều	Tân An	C	21-24	9511+5949 8/11/21+25/10/22	53,537				53,537	0	48,468						48,468					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú				
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW	Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP	NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Vốn trong nước						Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính
3	Xây dựng mới và cải tạo Trường THCS Lương Thế Vinh, quận Ninh Kiều	Hưng Lợi	B	22-25	665+874 28/01/22+15/3/23	67,408				67,408	0	59,021					59,021					
4	Đường Mạc Đĩnh Chi nối dài (đoạn Trương Định đến Huỳnh Cương)	An Cư	C	21-23	7751 30/10/20	79,995				79,995	0	96					96					
5	Nạo vét hồ Xáng Thới, cải tạo kè, công viên và đường quanh hồ	An Cư	C	22-25	3640+752 14/6/22+07/3/23	49,443				49,443	0	41,193					41,193					
6	Cải tạo Công viên Sóng Hậu, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều (đoạn từ cầu đi bộ đến bến tàu Novaland)	Cái Khế	C	22-24	4014 '05/7/22	27,160				27,160	0	23,995					23,995					
7	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Văn Hoài, quận Ninh Kiều	Xuân Khánh	C	22-24	2606 '27/4/22	49,427				49,427	0	47,600					47,600					
8	Trụ sở cơ quan phường An Cư, quận Ninh Kiều	An Cư	C	22-24	4113 '07/7/22	17,804				17,804	0	15,532					15,532					
9	Nâng cấp, mở rộng đường nối từ đường Lò Mố đến đường Trần Nam Phú (giai đoạn I)	An Khánh	C	21-25	6075 '28/10/22	48,565				48,565	0	43,269					43,269					
10	Nâng cấp đường Hai Bà Trưng (đoạn từ Nhà khách số 2 đến đường Phan Đình Phùng) và đường Nguyễn Thị Minh Khai	Tân An	C	21-25	1416/QĐ-UBND ngày 28/03/2024	19,100				19,100	0	16,179					16,179					
11	Nâng cấp đường Nguyễn Trãi (đoạn từ cầu Cái Khế đến vòng xoay Hùng Vương), đường Phan Đăng Lưu (đoạn từ đường Hùng Vương đến đường Bùi Thị Xuân) và một số tuyến đường thuộc Trung tâm thương mại Cái Khế, quận Ninh Kiều	Cái Khế	C	23-25	6514 '23/11/23	20,902				20,902	0	16,708					16,708					
12	Cải tạo, nâng cấp đường 30 tháng 4 (đoạn từ đường Trần Văn Hoài đến đường Nguyễn Văn Linh)	Hưng Lợi	C	25-27	QĐ 1235/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	24,447				24,447	0	15,000					15,000					
13	Cải tạo, nâng cấp đường 30 tháng 4 (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến vòng xoay cầu Đầu Sấu)	Hưng Lợi	C	25-27	QĐ 1541/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	44,342				44,342	0	20,000					20,000					
14	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường trong khu tái định cư Thới Nhứt 1, phường An Khánh	An Khánh	C	25-27	QĐ 1324/QĐ-UBND ngày 25/3/2025	43,914				43,914	0	15,000					15,000					
15	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở công an phường An Cư, An Nghiệp, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy và Đội Cảnh sát Hình sự thuộc Công an quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	23-25	1273 '22/3/24	1,042				1,042	0	665					665					
16	Cải tạo, sửa chữa các trụ sở làm việc thuộc Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Truyền thanh quận Ninh Kiều	An Hoà	C	24-25	2470 '13/6/23	3,501				3,501	0	2,336					2,336					
17	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị cho các trụ sở Ban Chỉ huy quân sự phường thuộc quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	21-25	6517 '23/11/23	8,057				8,057	0	5,000					5,000					
18	Cải tạo, sửa chữa các khối nhà làm việc thuộc Quận ủy Ninh Kiều	Cái Khế	C	24-25	4771/QĐ-UBND ngày 23/9/2024	4,213				4,213	0	3,923					3,923					
19	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Trường mầm non Rạng Đông, quận Ninh Kiều	An Khánh	C	24-26	5177/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	10,375				10,375	0	8,400					8,400					
20	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm trang thiết bị Trường mầm non Vầng Anh, quận Ninh Kiều	An Khánh	C	24-26	5176/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	7,835				7,835	0	6,700					6,700					
21	Nâng cấp, cải tạo đường 30 tháng 4 (đoạn từ đường Mậu Thân đến đường Trần Văn Hoài)	Xuân Khánh	C	24-26	QĐ 5205/QĐ-UBND ngày 21/10/2024	10,921				10,921	0	10,505					10,505					
22	Cải tạo, nâng cấp một số tuyến đường thuộc khu vực Trung tâm thương mại Cái Khế, quận Ninh Kiều	Cái Khế	C	23-25	6922 '12/12/22	14,912				14,912	0	12,316					12,316					
23	Xây dựng mới hệ thống thoát nước và cải tạo mặt đường Tâm Vu, phường Hưng Lợi	Hưng Lợi	C	25-27	5821 '22/11/24	14,720				14,720	0	9,500					9,500					
24	Cải tạo, nâng cấp đường Lương Định Của và đường số 3, phường Cái Khế	Cái Khế	C	25-27	QĐ 1237/QĐ-UBND ngày 21/3/2025	10,614				10,614	0	8,000					8,000					
25	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Phan Bội Châu	Thới Bình	C		1439/QĐ-UBND ngày 28/3/2025	8,538				8,538	0	5,000					5,000					
26	Cải tạo, sửa chữa Cơ sở điều trị Methadone quận (Tram Y tế phường An Lạc cũ)	An Lạc	C	21-25	8487 '14/10/21	584				584	0	544					544					
27	Cải tạo, nâng cấp hệ thống thoát nước tại một số vị trí trên địa bàn quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	21-23	12670 '31/12/21	8,527				8,527	0	6,671					6,671					
28	Cải tạo một số tuyến hẻm phường An Hòa	An Hòa	C	21-23	7744 '29/10/20	3,954				3,954	0	2,963					2,963					
29	Cải tạo một số tuyến hẻm phường Hưng Lợi	Hưng Lợi	C	21-23	7707 '29/10/20	4,243				4,243	0	2,984					2,984					
30	Cải tạo một số tuyến hẻm phường Thới Bình	Thới Bình	C	21-23	7702 '29/10/20	5,500				5,500	0	4,873					4,873					
31	Cải tạo, nâng cấp một số hẻm phường An Khánh, quận Ninh Kiều	An Khánh	C	21-23	7708 '29/10/20	9,825				9,825	0	4,960					4,960					
32	Cải tạo một số tuyến hẻm phường Xuân Khánh	Xuân Khánh	C	21-23	7709 '29/10/20	2,526				2,526	0	1,680					1,680					
33	Cải tạo, nâng cấp hẻm vào chung cư Cơ Khí, phường An Hòa, quận Ninh Kiều	An Hoà	C	22-24	2152 04/4/22	2,818				2,818	0	2,376					2,376					
34	Cải tạo, nâng cấp hẻm 216, đường 3 tháng 2, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều	Hưng Lợi	C	22-24	2179 '5/4/22	2,099				2,099	0	1,758					1,758					
35	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Hội Cựu chiến binh, Mặt trận tổ quốc Việt Nam và Phòng Quản lý đô thị quận Ninh Kiều	Thới Bình	C	22-24	2177 '5/4/22	1,058				1,058	0	920					920					
36	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở UBND phường An Khánh, quận Ninh Kiều	An Khánh	C	22-24	5220 '5/9/22	2,289				2,289	0	2,165					2,165					
37	Cải tạo, nâng cấp hẻm 18 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh và hẻm 15 đường Hoàng Văn Thụ, phường Tân An	Tân An	C	22-24	5014 '19/8/22	2,238				2,238	0	1,722					1,722					
20/13																						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Tổng số	Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Ghi chú					
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương về cho vay lại		Dự phòng NSTW	NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính							
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài														
38	Cải tạo, nâng cấp đường dân sinh hai bên cầu Hưng Lợi, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều	Hưng Lợi	C	21-25	5658 ngày 18/11/24	4,951				4,951	0	3,989					3,989					
39	Cải tạo một số tuyến hẻm phường An Khánh, phường An Bình	Ninh Kiều	C	22-24	2326 '6/6/23	8,316				8,316	0	7,312					7,312					
40	Cải tạo một số tuyến hẻm phường Xuân Khánh và hẻm 118/120 đường Trần Phú, hẻm 206/21 đường Lê Lợi, phường Cái Khế	Ninh Kiều	C	22-24	2158 '29/5/23	11,432				11,432	0	10,294					10,294					
41	Cải tạo một số tuyến hẻm phường An Phú, phường Hưng Lợi; hẻm Trường Tiểu học Cái Khế 3, đường Nguyễn Bình Khiêm, hẻm 206, hẻm 77C đường Trần Phú, phường Cái Khế	Ninh Kiều	C	22-24	2330 '6/6/23	3,509				3,509	0	2,655					2,655					
42	Cải tạo, nâng cấp hệ thống đèn chiếu sáng công cộng trên địa bàn quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	23-25	2462 '12/6/23	6,965				6,965	0	5,852					5,852					
43	Nâng cấp, cải tạo hệ thống thoát nước tại Khu dân cư Metro, Khu dân cư 148, đường Nguyễn Trãi và một số vị trí khác trên địa bàn quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	23-25	2461 12/6/2023	6,907				6,907	0	6,176					6,176					
44	Cải tạo, sửa chữa và mua sắm bổ sung cơ sở vật chất cho các cơ quan thuộc UBND quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	21-25	2459 ngày 12/6/22	4,409				4,409	0	4,013					4,013					
45	Nâng cấp các tuyến hẻm 2 đường Lý Tự Trọng, hẻm 51 đường Đề Thám, hẻm 22/23 đường Mạc Đĩnh Chi, hẻm 107, 137 đường Hoàng Văn Thu, phường An Cư và hẻm 22 đường Trần Hoàng Na, phường Hưng Lợi	Ninh Kiều	C	21-25	2688 ngày 10/6/24	5,008				5,008	0	4,441					4,441					
46	Nâng cấp các tuyến hẻm 1, 2, 3 tổ 4 KV4, hẻm 383A tổ 8, hẻm 388A, 388E tổ 3, hẻm 75 tổ 1 KV2, hẻm 51 đường Trần Nam Phú, phường An Khánh và hẻm 144, 32 đường CMT8, phường Cái Khế	Ninh Kiều	C	24-25	2689 ngày 10/6/24	6,601				6,601	0	3,596					3,596					
47	Cải tạo, sửa chữa Phòng Quản lý đô thị và kho vật tư hẻm 534 đường 30 tháng 4, phường Hưng Lợi và Đội Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy Công an quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	21-25	2694 ngày 10/6/24	915				915	0	794					794					
48	Phương án chống ngập Rạch Khai Luông, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều	Cái Khế	C	24-25	2695 ngày 10/6/24	1,067				1,067	0	955					955					
49	Nâng cấp hẻm 36, hẻm 112, hẻm 170 và hẻm 234 đường Hoàng Quốc Việt, phường An Bình	An Bình	C	24-25	2687 ngày 10/6/24	10,277				10,277		8,642					8,642					
50	Nâng cấp các tuyến hẻm KDC 16B, 27 đường Mậu Thân, hẻm 162 đường Phạm Ngũ Lão, hẻm 321 đường Nguyễn Đệ, hẻm 61 đường CMT8, hẻm 9-15, 49-57 đường Võ Trường Toản, hẻm 104, 66A, 311/89, 188/1, hẻm nhánh 147 đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Hoà	An Hoà	C	24-25	2690 ngày 10/6/2024	9,642				9,642	0	8,098					8,098					
51	Nâng cấp, sửa chữa đường Lê Anh Xuân và đường Hồ Xuân Hương (đoạn từ đường Hàng Vương đến hẻm 67 Phan Đăng Lưu)	Thới Bình	C	24-25	2686 ngày 10/6/24	5,036				5,036	0	3,163					3,163					
52	Cải tạo vỉa hè đường Đề Thám, đường Nguyễn Khuyến, đường Lý Tự Trọng, đường Phan Văn Trị, đường Quang Trung	An Cư	C	24-25	2691 ngày 10/6/2024	10,451				10,451	0	9,664					9,664					
53	Cải tạo vỉa hè các tuyến đường Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Phan Đình Phùng, Trần Quốc Toản, Thủ Khoa Huân, Lý Thường Kiệt và trước UBND TP.Cần Thơ	Tân An	C	24-25	2692 ngày 10/6/24	13,608				13,608	0	12,996					12,996					
54	Cải tạo vỉa hè Đại lộ Hòa Bình	Tân An	C	21-25	2696 ngày 10/6/24	12,477				12,477	0	11,637					11,637					
55	Đầu tư đèn Led thay thế đèn cao áp và bổ sung hệ thống điều khiển thông minh tại một số tuyến đường trên địa bàn quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	25-27	2068 ngày 05/5/25	8,738				8,738	0	3,191					3,191					
56	Cải tạo bờ bê kê đường Mạc Thiên Tích (Mậu Thân - Nguyễn Thị Minh Khai)	Ninh Kiều	C	25-27	2063 ngày 29/14/25	9,447				9,447	0	3,322					3,322					
57	Cải tạo vỉa hè đường 30 tháng 4 (Phan Văn Trị - Mậu Thân)	Ninh Kiều	C	25-27	1827 '21/4/25	11,128				11,128	0	5,068					5,068					
58	Cải tạo vỉa hè đường Nguyễn An Ninh - Châu Văn Liêm, Nguyễn Thái Học - Võ Văn Tần	Ninh Kiều	C	25-27	1892 '25/4/25	6,634				6,634	0	3,000					3,000					
59	Cải tạo, sửa chữa các hạng mục Nhà văn hóa thiếu nhi quận Ninh Kiều	An Lạc	C	21-25	2693 ngày 10/6/24	4,675				4,675	0	4,209					4,209					
60	Xây dựng phòng chức năng Trường THCS Trần Hưng Đạo	An Phú	C	21-25	8473 '13/10/21	8,110				8,110	0	6,488					6,488					
61	Cải tạo, mở rộng Trường tiểu học Kim Đồng, quận Ninh Kiều	An Khánh	C	21-23	7745 30/10/20	6,902				6,902	200	6,114					6,114					
62	Cải tạo, sửa chữa trường Mầm non Hoàng Anh	An Hội	C	21-25	6237 08/11/2023	3,006				3,006	0	2,131					2,131					
63	Cải tạo, sửa chữa trường Tiểu học Cái Khế 2	Cái Khế	C	21-25	6238 08/11/2023	5,593				5,593	0	3,657					3,657					
64	Cải tạo, sửa chữa Trường THCS An Lạc	An Lạc	C	21-25	6644 01/12/2023	2,606				2,606	0	2,192					2,192					
65	Cải tạo, sửa chữa Trường MN Tuổi Ngọc	An Hòa	C	21-25	6641 01/12/2023	3,608				3,608	0	2,622					2,622					
66	Cải tạo, sửa chữa Trường TH Thới Bình 1 (điểm B)	Thới Bình	C	21-25	6642 01/12/2023	3,026				3,026	0	1,500					1,500					
67	Sửa chữa Trường MN Bồng Sen	Xuân Khánh	C	24-25	6643 01/12/2023	2,896			21/13	2,896	0	1,500					1,500					

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
							Vốn trong nước																
68	Xây dựng nhà vệ sinh và cải tạo sửa chữa trường Tiểu học Võ Trường Toản	An Hoà	C	21-25	6640 01/12/2023	6,568				6,568	0	5,053					5,053						
69	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5, lớp 9 theo chương trình giáo dục phổ thông mới	Ninh Kiều	C	23-25	6242 '10/11/23	4,800				4,800	0	3,436					3,436						
70	Mua sắm thiết bị hội trường cho các trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở công lập thuộc quận Ninh Kiều	Ninh Kiều	C	21-25	6243 10/11/23	4,593				4,593	0	1,800					1,800						
71	Cải tạo, sửa chữa Trường mầm non An Bình	An Bình	C	21-25	5817 22/11/2024	3,788				3,788	0	1,500					1,500						
72	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Xuân Khánh 2	Xuân Khánh	C	25-27	6837 27/12/2024	3,318				3,318	0	1,000					1,000						
73	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Nguyễn Hiền	Ninh Kiều	C	25-27	6835 27/12/2024	2,916				2,916	0	1,000					1,000						
74	Cải tạo, sửa chữa Trường tiểu học Tô Hiến Thành	Ninh Kiều	C	25-27	6836 27/12/2024	3,918				3,918	0	1,000					1,000						
75	Điểm tập kết rác tạm tại bãi công trường cầu Hưng Lợi	Hưng Lợi	C	23-25		4,035				4,035	0	3,894					3,894						
76	Trạm trung chuyển rác khu Tái định cư Ninh Kiều	An Bình	C	21-25	6516 '23/11/23	1,774				1,774	0	1,687					1,687						
(2)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Bình Thủy.					517,282				517,282	0	459,279					459,279						
a	Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch																						
b	Vốn thực hiện dự án					517,282				517,282	0	459,279					459,279						
*	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn trước					80,745				80,745	0	71,421					71,421						
1	Xây dựng mới và Nâng cấp, sửa chữa các nhà văn hóa khu vực trên địa bàn quận	Quận Bình Thủy	C	2023-2025	4550/QĐ-UBND ngày 15/12/2023	8,928				8,928	-	8,543					8,543						
2	Nâng cấp tuyến đường Lê Văn Bị và các hẻm nhánh, phường An Thới, quận Bình Thủy	Phường An Thới	C	2023-2025	1464/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	11,814				11,814	-	10,917					10,917						
3	Sửa chữa, cải tạo các Ban Xây dựng Đảng và các Đoàn thể Quận ủy Bình Thủy	P. Bình Thủy	C	2024-2026	1039/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	4,981				4,981	-	4,747					4,747						
4	Nâng cấp, cải tạo đường Trần Quang Diệu, phường An Thới	Phường An Thới	C	2021-2023	3874/QĐ-UBND ngày 29/10/2021	55,022				55,022	-	47,214					47,214						
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước					291,344				291,344	0	271,142					271,142						
1	Trường Trung học cơ sở Trà Nóc, quận Bình Thủy	Phường Trà Nóc	B	2021-2024	3875/QĐ-UBND ngày 04/10/2022	88,389				88,389	-	82,060					82,060						
2	Trường Tiểu học Long Hoà 2, quận Bình Thủy	Phường Long Hòa	B	2021-2024	4689/QĐ-UBND ngày 15/12/2021	78,696				78,696	-	72,414					72,414						
3	Nâng cấp, mở rộng đường Hồ Trung Thành (đoạn từ đường Lê Hồng Phong đến Khu Tái định cư Bình Thủy- Khu 1)	Phường Trà An	B	2022-2026	5052/QĐ-UBND ngày 14/12/2022	124,259				124,259	-	116,668					116,668						
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					145,193				145,193	0	116,716					116,716						
1	Mua sắm trang thiết bị, bàn, ghế học sinh các điểm trường trên địa bàn quận.	Quận Bình Thủy	C	2024-2026	4578/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	9,433				9,433	-	9,117					9,117						
2	Sửa chữa, nâng cấp phòng lớp các điểm trường trong hè năm 2025 quận Bình Thủy	Quận Bình Thủy	C	2024-2026	4575/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	7,071				7,071	-	6,606					6,606						
3	Hệ thống loa truyền thanh ứng dụng Công nghệ Thông tin – Viên thông 07 phường trên địa bàn quận Bình Thủy	7 phường	C	2024-2026	4569/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	11,338				11,338	-	11,073					11,073						
4	Xây dựng Trạm trung chuyển rác tại phường Long Tuyền	Phường Long Tuyền	C	2022-2024	3987/QĐ-UBND ngày 17/10/2022	32,198				32,198	-	28,425					28,425						
5	Nâng cấp, mở rộng các tuyến Hẻm 170, 172, 174, 583 đường Trần Quang Diệu, phường An Thới	P. An Thới	C	2024-2026	1046/QĐ-UBND ngày 29/3/2024	11,732				11,732	-	9,770					9,770						
6	Nâng cấp, mở rộng hẻm 108 đường Trần Quang Diệu, phường An Thới, quận Bình Thủy	P. An Thới	C	2024-2026	4580/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	8,566				8,566	-	8,400					8,400						
7	Nâng cấp, mở rộng cầu Bông Vang, phường Long Tuyền	P. Long Tuyền	C	2024-2026	4579/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	8,438				8,438	-	7,144					7,144						
8	Kê chống sạt lở đoạn từ rạch Cầu Đá đến sông Khai Luông, phường Bù Hữu Nghĩa	P. Bù Hữu Nghĩa	C	2024-2026	4568/QĐ-UBND ngày 13/12/2024	9,678				9,678	-	9,372					9,372						
9	Kho Lưu trữ và Bộ phận Tiếp nhận và Tra kết quả quận Bình Thủy	P. Bình Thủy	C	2024-2026	4577/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	29,061				29,061	-	13,532					13,532						
10	Nâng cấp, sửa chữa Trụ sở các ban ngành phường và quận thuộc quận Bình Thủy năm 2025	Quận Bình Thủy	C	2024-2026	4576/QĐ-UBND ngày 16/12/2024	7,929				7,929	-	7,633					7,633						
11	Đầu tư trang thiết bị màn hình LED phục vụ hoạt động của Quận ủy và Ủy ban nhân dân quận	Quận Bình Thủy	C	2024-2026	4567/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	1,058				1,058	-	1,021					1,021						
12	Xây dựng nhà ở Trung đội Dân quân thường trực trong doanh trại Sơ Chi huy Ban Chi huy quân sự quận Bình Thủy, phường Long Hòa, quận Bình Thủy.	phường Long Hòa	C	2024-2026	4566/QĐ-UBND ngày 12/12/2024	7,134				7,134	-	4,162					4,162						
13	Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị mới đường Võ Văn Kiệt quận Bình Thủy	Quận Bình Thủy	C	2025-2027	2495/QĐ-UBND ngày 08/11/2024	1,557				1,557	-	461					461						
(3)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Cái Răng.					700,477	-	-	-	700,477	810	500,802	-	-	-	-	500,802						
a	Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch																						
b	Vốn thực hiện dự án					700,477	0	0	0	700,477	810	500,802					500,802						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW			Dự chi Ngân sách địa phương về cho vay lại	Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
*	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn trước											-											
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước											-											
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					700,477	-	-	-	700,477	810	500,802	-	-	-	-	500,802						
1	Xây dựng mới khối phòng học trường Tiểu học Ba Láng	Phường Ba Láng	C	2022-2024	261/QĐ-UBND 26/01/2022	20,641				20,641		16,801					16,801						
2	Xây dựng mới Trường Trung học cơ sở Tân Phú	Phường Tân Phú	C	2023-2025	3984/QĐ-UBND 16/12/2022	44,720				44,720		24,846					24,846						
3	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học và cấp Trung học cơ sở trên địa bàn quận Cái Răng	Quận Cái Răng	C	2023-2024	3985/QĐ-UBND 16/12/2022	26,658				26,658		20,899					20,899						
4	Xây dựng mới Trường mầm non Hưng Phú	Phường Hưng Phú	C	2023-2025	4766/QĐ-UBND 13/12/2023	29,904				29,904		26,800					26,800						
5	Xây dựng mới phòng học, các hạng mục phụ trợ và cải tạo khuôn viên trường tiểu học Tân Phú	Phường Tân Phú	C	2025-2026	677/QĐ-UBND 13/3/2025	22,591				22,591		14,555					14,555						
6	Xây dựng mới phòng học, các hạng mục phụ trợ và cải tạo khuôn viên trường tiểu học Trần Hoàng Na	Phường Hưng Thạnh	C	2025-2026	2687/QĐ-UBND 11/11/2024	12,511				12,511		11,250					11,250						
7	Xây dựng mới phòng học, các hạng mục phụ trợ và cải tạo khuôn viên trường tiểu học Phú Thứ 1	Phường Phú Thứ	C	2024-2026	2731/QĐ-UBND 12/11/2024	8,250				8,250		10,218					10,218						
8	Xây dựng mới trường Mầm non Tân Phú	Phường Tân Phú	C	2025-2026	560/QĐ-UBND 03/3/2025	24,013				24,013		17,500					17,500						
9	Sửa chữa cơ sở vật chất Trường mẫu giáo Ba Láng	Phường Ba Láng	C	2024-2025	1968/QĐ-UBND 11/9/2024	1,189				1,189		1,100					1,100						
10	Mua sắm bàn, ghế phục vụ dạy và học của các trường trên địa bàn quận Cái Răng	Quận Cái Răng	C	2024-2025	2650/QĐ-UBND 06/11/2024	4,343				4,343		3,900					3,900						
11	Trạm Y tế phường Lê Bình, hạng mục: Sửa chữa và xây dựng mới 02 dãy phòng khám bệnh	Phường Lê Bình	C	2022-2024	3296/QĐ-UBND 14/11/2022	4,834				4,834		4,275					4,275						
12	Xây dựng mới trạm y tế phường Tân Phú	Phường Tân Phú	C	2023-2024	3348/QĐ-UBND 17/11/2022	6,661				6,661		5,868					5,868						
13	Đầu tư trang thiết bị kỹ thuật số hóa phục vụ nâng cao hoạt động của Hội đồng nhân dân Quận, Phường	Quận Cái Răng	C	2023-2025	3342/QĐ-UBND 26/07/2023	4,380				4,380		4,099					4,099						
14	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ từ cầu Cái Nai đến nhà ông Mười Bàn	Phường Hưng Thạnh	C	2022-2024	5649/QĐ-UBND 14/12/2021	11,755				11,755		8,292					8,292						
15	Nâng cấp tuyến lộ rạch Cây Tràm	Phường Tân Phú	C	2023-2025	1942/QĐ-UBND 28/7/2022	9,259				9,259		7,088					7,088						
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ từ cầu Xẻo Lá đến cầu Ngã Bát	Phường Phú Thứ	C	2023-2024	3983/QĐ-UBND 16/12/2022	7,681				7,681		5,129					5,129						
17	Nâng cấp, mở rộng tuyến rạch Bà Vén (2 bên)	Phường Thường Thạnh	C	2024-2025	4765/QĐ-UBND 13/12/2023	22,103				22,103		17,136					17,136						
18	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ đoạn từ cầu Bến Bạ đến cầu Ba Dấu	Phường Tân Phú	C	2024-2025	2373/QĐ-UBND 5/9/2022; 1303/QĐ-UBND 5/6/2024	6,628				6,628		6,500					6,500						
19	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ Đoạn từ cầu Mật Cật đến ngon Mật Cật (Bờ phải tính từ rạch Xẻo Lá)	Phường Phú Thứ	C	2024-2025	4531/QĐ-UBND 24/11/2023	12,096				12,096		11,500					11,500						
20	Nâng cấp, mở rộng Đoạn từ nhà Văn hóa KV Phú Khánh đến cầu Xẻo Lá	Phường Phú Thứ	C	2024-2025	4532/QĐ-UBND 24/11/2023	13,409				13,409		12,500					12,500						
21	Nâng cấp Tuyến lộ cấp sống Ấp Mỹ	Phường Thường Thạnh	C	2024-2025	4530/QĐ-UBND 24/11/2023	14,643				14,643		13,000					13,000						
22	Nâng cấp, mở rộng tuyến lộ cấp sống Cái Răng Bê đoạn từ trường THPT Nguyễn Việt Dũng đến Chợ Cái Chanh	Phường Lê Bình - Thường Thạnh	C	2024-2026	1522/QĐ-UBND 08/7/2024 277/QĐ-BQLDA&PTQĐ 11/11/2024	28,263				28,263		25,000					25,000						
23	Nâng cấp mở rộng đường Nguyễn Việt Dũng	Phường Lê Bình	C	2024-2027	2040/QĐ-UBND 17/9/2024	77,852				77,852		23,011					23,011						
24	Xây dựng mới 05 cầu tuyến đường Trương Vĩnh Nguyễn	Quận Cái Răng	C	2024-2027	2039/QĐ-UBND 17/9/2024	79,667				79,667		45,128					45,128						
25	Nâng cấp nhánh phải tuyến đường số 1A - Khu Công nghiệp Hưng phú 1	Phường Tân Phú	C	2024-2025	4328/QĐ-UBND 30/10/2020	14,484				14,484	300	12,623					12,623						
26	Xây dựng mới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả UBND phường Lê Bình, Thường Thạnh	Phường Lê Bình - Phường Thường Thạnh	C	2021-2023	4311/QĐ-UBND 30/10/2020	1,394				1,394	60	1,234					1,234						
27	Xây dựng mới Hội trường trung tâm Khu Chính trị - Hành chính tập trung quận Cái Răng (400 chỗ, sân đường, PCCC và các hạng mục phụ trợ, thiết bị)	Phường Phú Thứ	C	2021-2023	5381/QĐ-UBND 31/12/2020 và 3822/QĐ-UBND 6/10/2021	14,565				14,565	300	14,428					14,428						
28	Nâng cấp hạ tầng khu dân cư Khu vực Yên Hạ	Phường Thường Thạnh	C		1810/QĐ-UBND 11/7/2022	14,760				14,760		12,000					12,000						
29	Xây dựng mới trụ sở Quận ủy, các ban xây dựng Đảng Quận ủy và các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội nghề nghiệp	Phường Phú Thứ	B	2022-2025	2911/QĐ-UBND 26/10/2022 và QĐ 69/QĐ-BQLDA&PTQĐ 8/5/2023	78,555				78,555		61,164					61,164						
30	Trang bị hệ thống âm thanh cho hội trường các Phường	Quận Cái Răng	C			4,107			23/13	4,107		3,862					3,862						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Ghi chú			
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính					
							Vốn nước ngoài			NSDP							NSDP			
31	Trụ sở Đảng ủy và UBND, Hội trường các phường. Hạng mục: Sửa chữa và xây dựng mới một số hạng mục	Quận Cái Răng	C	2024-2025	4763/QĐ-UBND 13/12/2023	10,930				10,930		10,053					10,053			
32	Xây dựng mới cầu tàu chờ nổi và các hạng mục liên quan	Phường Lê Bình	C	2023-2025	2792/QĐ-UBND 17/10/2022 và 388/QĐ- QLĐT 30/3/2023	34,982				34,982		25,500					25,500			
33	Xây dựng mới Trụ sở phường Tân Phú	Phường Tân Phú	C	2024-2025	1486/QĐ-UBND 04/7/2024	22,920				22,920		15,000					15,000			
34	Mua sắm bàn, ghế phục vụ cho hoạt động của Hội trường trung tâm Khu chính trị - Hành chính tập trung quận Cái Răng	Phường Phú Thứ	C	2024-2025	1953/QĐ-UBND 10/9/2024	1,086				1,086		1,000					1,000			
35	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Công an các phường	Quận Cái Răng	C	2021-2023	4314/QĐ-UBND 30/10/2020	4,626				4,626	150	3,703					3,703			
36	Xây dựng nhà ăn đại biểu cho Ban Chi huy Quân sự quận Cái Răng	Phường Thường Thạnh	C	2024-2025	1967/QĐ-UBND 11/9/2024	2,087				2,087		2,000					2,000			
37	Cải tạo, sửa chữa Khán đài và khu vệ sinh phục vụ công tác tuyên truyền, Nhà truyền thống tại Ban chỉ huy quân sự quận	Phường Thường Thạnh	C	2024-2025	3631/QĐ-BCH 08/11/2024	1,208				1,208		1,150					1,150			
38	Cải tạo, sửa chữa Kho vũ khí, đạn tại Ban chỉ huy quân sự quận	Phường Thường Thạnh	C	2024-2025	3632/QĐ-BCH 08/11/2024	722				722		690					690			
(4)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Ô Môn.					1,992,968				1,992,968		589,965					589,965			
a	Vốn chuẩn bị đầu tư					879,515				879,515		1,700					1,700			
1	Nâng cấp tuyến đường Cổng Ông Tà	P. Thới Hòa	C	2026-2028	16/QĐ-QLDA, ngày 07/02/2025	12,974				12,974		100					100			
2	Nâng cấp mở rộng tuyến đường từ cầu Rạch Vàm đến cầu rạch Bà Quý	P. Thới An	C	2026-2028	17/QĐ-QLDA, ngày 07/02/2025	14,905				14,905		100					100			
3	Tuyến đường Kinh Mới - Trạm bom	P. Long Hưng	C	2026-2028	22/QĐ-QLDA, ngày 07/02/2025	12,301				12,301		100					100			
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Cầu Bù Lu đến phường Thới An	P. Thới Long	C	2026-2028	24/QĐ-QLDA, ngày 07/02/2025	19,786				19,786		100					100			
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Ông Hiền đến giáp phường Long Hưng	P. Thới Long	C	2026-2028	25/QĐ-QLDA, ngày 07/02/2025	18,445				18,445		100					100			
6	Tuyến đường Rạch Gập	P. Trường Lạc	C	2026-2028	35/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	18,482				18,482		100					100			
7	Nâng cấp tuyến đường Đất Sét – Kinh Ngang	P. Trường Lạc	C	2026-2028	43/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	8,703				8,703		50					50			
8	Nâng cấp mở rộng tuyến đường liên phường từ khu vực Thới Lợi (P. Thới An) đến cầu rạch Chanh (P. Phước Thới)	P. Phước Thới	C	2026-2028	44/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	18,137				18,137		100					100			
9	Nâng cấp mở rộng tuyến đường liên khu vực Thới Bình - Thới Ngươn A	P. Phước Thới	C	2026-2028	45/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	27,328				27,328		100					100			
10	Xây dựng cầu diêm nhà ông Lê Ngọc Ân	P. Phước Thới	C	2026-2028	47/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	6,329				6,329		50					50			
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Cầu Quận Đội đến QL91)	P. CVL	B	2026-2029	48/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	303,521				303,521		100					100			
12	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mẫu giáo Long Hưng 2	P. Long Hưng	C	2026-2028	51/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	5,939				5,939		50					50			
13	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Võ Thị Sáu	P. Phước Thới	C	2026-2028	52/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	4,872				4,872		50					50			
14	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Phan Bội Châu	P. Thới An	C	2026-2028	53/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	5,998				5,998		50					50			
15	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Sen Hồng	P. CVL	C	2026-2028	54/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	7,061				7,061		50					50			
16	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Thới Long	P. Thới Long	C	2026-2028	55/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	7,672				7,672		50					50			
17	Nâng cấp, sửa chữa Trường Mầm non Thới An	P. Thới An	C	2026-2028	56/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	6,037				6,037		50					50			
18	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Nguyễn Hữu Cánh	P. Thới An	C	2026-2028	57/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	7,512				7,512		50					50			
19	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Cao Bá Quát	P. Thới An	C	2026-2028	58/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	6,687				6,687		50					50			
20	Nâng cấp, sửa chữa trường Tiểu học Trương Định	P. Thới An	C	2026-2028	59/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	14,971				14,971		100					100			
21	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu học Nguyễn Việt Hồng	P. Phước Thới	C	2026-2028	60/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	10,705				10,705		50					50			
22	Xây dựng trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt quận Ô Môn	P. CVL	C	2026-2028	64/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	14,900				14,900		50					50			
23	Xây dựng Khu tái định cư phường Thới An	P. Thới An	B	2026-2029	50/QĐ-QLDA, ngày 13/02/2025	326,250				326,250		100					100			
b	Vốn thực hiện dự án					1,113,453	0	0	0	1,113,453	0	588,265					588,265			
*	Dự án hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn trước					0	0	0	0	0	0	-					0			
**	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước					306,150	0	0	0	306,150	0	2,935					2,935			
1	Nhà máy xử lý chất thải rắn tập trung tại phường Phước Thới và Thới An quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ giai đoạn 1	P. Phước Thới - Thới An	B	2010-2017	2452/QĐ-UBND, ngày 11/10/2019	54,153				54,153		2,341					2,341			
2	Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Khu xử lý chất thải rắn Ô Môn (Nhà máy xử lý chất thải rắn tập trung tại phường Phước Thới, phường Thới An, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ)	P. Phước Thới - Thới An	B	2015-2021	1834/QĐ-UBND, ngày 25/6/2015	251,997				251,997		594					594			
***	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025					807,303	0	0	24/13	807,303	0	585,330	0	0	0	0	585,330			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú									
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT					NSTW	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP											
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW																			
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài																		
1	Nâng cấp mở rộng tuyến đường Thái Thị Hạnh	P. Long Hưng - P. Thới Long	B	2021-2025	3683/QĐ-UBND, ngày 28/3/2022	139,907				139,907						136,371										
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Mường Khai	P. Long Hưng	C	2024-2026	12053/QĐ-UBND, ngày 28/12/2023	14,086				14,086						10,538										
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Long Định- Long Thành- Thới Hưng	P. Long Hưng	C	2024-2026	12049/QĐ-UBND, ngày 28/12/2023	14,677				14,677						11,033										
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Vàm Cà Đầu giáp phường Thới Long	P. Thới An	C	2023-2025	12050/QĐ-UBND, ngày 28/12/2023	11,338				11,338						7,908										
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ chợ Thới Long đến chùa Bà	P. Thới Long	C	2024-2026	12051/QĐ-UBND, ngày 28/12/2023	14,791				14,791						9,039										
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ Kinh Ống đến Mười Đồng	P. Trường Lạc	C	2023-2025	12052/QĐ-UBND, ngày 28/12/2023	13,872				13,872						12,102										
7	Tuyến đường Ngã Cay - Ống Xi	P. Trường Lạc	C	2023-2025	7557/QĐ-UBND, ngày 22/12/2022	14,265				14,265						11,975										
8	Tuyến đường Mường Bô đến Hóp tác xã Sầu riêng	P. Trường Lạc	C	2023-2025	7555/QĐ-UBND, ngày 22/12/2022	13,964				13,964						11,674										
9	Nâng cấp đường dẫn vào các cầu trên phường Thới Hòa - Long Hưng và xây dựng cầu Rach Phê	P. Thới Hòa - Long Hưng	C	2024-2026	12047/QĐ-UBND, ngày 28/12/2023	8,463				8,463						6,973										
10	Xây dựng cầu Ba Se	P. Trường Lạc	C	2024-2026	12048/QĐ-UBND, ngày 28/12/2023	9,714				9,714						6,994										
11	Nâng cấp tuyến đường Châu Văn Liêm	P. CVL	C	2025-2027	1949/QĐ-UBND, ngày 09/5/2024	11,532				11,532						5,650										
12	Tuyến đường liên Phường Châu Văn Liêm - Phước Thới	P. CVL - Phước Thới	C	2025-2027	1857/QĐ-UBND, ngày 10/4/2025	22,505				22,505						10,250										
13	Tuyến Kênh Mới - Vành Dại - Năm Kỵ	P. Long Hưng	C	2025-2027	1850/QĐ-UBND, ngày 09/4/2025	11,780				11,780						5,650										
14	Nâng cấp, mở rộng tuyến nhánh đường Lê Lợi	P. CVL	C	2025-2027	1954/QĐ-UBND, ngày 09/5/2024	1,425				1,425						1,250										
15	Xây dựng cầu chợ Thới Long	P. Thới Long	C	2025-2027	1955/QĐ-UBND, ngày 09/5/2024	14,998				14,998						6,750										
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Út Sát - Ngã ba Đình giáp Bình Hòa A	P. Phước Thới	C	2025-2027	267/QĐ-UBND, ngày 15/01/2025	14,151				14,151						7,250										
17	Tuyến đường giao thông liên khu vực Bình Hòa - Bình Thuận	P. Trường Lạc	C	2025-2027	268/QĐ-UBND, ngày 15/01/2025	11,174				11,174						6,250										
18	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường rạch Mường Bồng	P. Trường Lạc	C	2025-2027	270/QĐ-UBND, ngày 15/01/2025	10,979				10,979						6,750										
19	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường rạch Xẻo Nỏ	P. Thới An	C	2025-2027	269/QĐ-UBND, ngày 15/01/2025	9,798				9,798						6,250										
20	Tuyến đường kinh Ấp Chiến Lược	P. Thới Hòa	C	2026-2028	3166/QĐ-UBND, ngày 13/6/2025	10,741				10,741						3,500										
21	Nâng cấp mở rộng tuyến đường rạch Xẻo Nỏ đoạn từ nhà ông Hai Sút đến cầu Xẻo Nỏ	P. Thới An	C	2026-2028	3169/QĐ-UBND, ngày 13/6/2025	12,460				12,460						3,500										
22	Tuyến đường rạch Ông Chú	P. Long Hưng	C	2026-2028	3170/QĐ-UBND, ngày 13/6/2025	13,468				13,468						2,747										
23	Nâng cấp tuyến đường từ Rạch Đùng đến cầu Hới Quán	P. Trường Lạc	C	2026-2028	3167/QĐ-UBND, ngày 13/6/2025	15,798				15,798						4,000										
24	Nâng cấp tuyến đường từ Khu dân cư 74 đến đường tỉnh 922	P. Trường Lạc	C	2026-2028	3165/QĐ-UBND, ngày 13/6/2025	19,723				19,723						4,500										
25	Nâng cấp mở rộng tuyến đường liên phường Phước Thới - Trà Nóc	P. Phước Thới	C	2026-2028	3168/QĐ-UBND, ngày 13/6/2025	12,795				12,795						3,000										
26	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế phường Phước Thới	P. Phước Thới	C	2024-2026	12054/QĐ-UBND, ngày 28/12/2023	1,672				1,672						1,320										
27	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế phường Thới Long	P. Thới Long	C	2024-2026	12055/QĐ-UBND, ngày 28/12/2023	1,159				1,159						1,158										
28	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Trung tâm y tế quân Ô Môn; Hạng mục:Cải tạo hệ thống PCCC và hệ thống xử lý nước	P. Châu Văn Liêm	C	2024-2026	10621/QĐ-UBND, ngày 03/11/2023	1,000				1,000						1,000										
29	Nâng cấp sửa chữa Bệnh viện Đa khoa Ô Môn; Hạng mục: Khoa Phụ sản - Khoa Hồi sức tích cực - chống độc	P. Châu Văn Liêm	C	2024-2026	10622/QĐ-UBND, ngày 03/11/2023	3,000				3,000						2,808										
30	Sửa chữa Trạm y tế phường Trường Lạc	P. Trường Lạc	C	2025-2027	1848/QĐ-UBND, ngày 09/4/2025	1,260				1,260						1,230										
31	Sửa chữa Trạm y tế phường Thới An	P. Thới An	C	2025-2027	1849/QĐ-UBND, ngày 09/4/2025	1,083				1,083						1,030										
32	Nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện Đa khoa quân Ô Môn	P. CVL	C	2026-2028	3155/QĐ-UBND, ngày 11/6/2025	5,854				5,854						1,800										
33	Trường Tiểu học Trần Hưng Đạo	P. Châu Văn Liêm	C	2023-2025	7519/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022	4,806				4,806						4,506										
34	Trường Mẫu giáo Long Hưng	P. Long Hưng	C	2023-2025	7604/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	6,050				6,050						6,050										
35	Trường Tiểu học Long Hưng	P. Long Hưng	C	2023-2025	7767/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	9,915				9,915						9,105										
36	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ	P. Phước Thới	C	2023-2025	7604/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	4,445				4,445						3,815										
37	Trường Mầm non Phước Thới	P. Phước Thới	C	2024-2026	7138/QĐ-UBND, ngày 26/7/2021	3,000				3,000						2,300										
38	Trường Tiểu học Nguyễn Du	P. Thới Hòa	C	2023-2025	7768/QĐ-UBND, ngày 30/12/2022	10,778				10,778						10,338										
39	Trường Trung học cơ sở Thới Hòa	P. Thới Hòa	C	2023-2025	7520/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022	2,654				2,654						2,479										
40	Trường Tiểu học Trần Phú	P. Thới Long	C	2024-2026	7131/QĐ-UBND, ngày 26/7/2021	8,000				8,000						6,333										
41	Trường Mầm non Anh Đào (giai đoạn 2)	P. Thới An	C	2023-2025	7521/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022	21,406				21,406						16,006										

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư				Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT					NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW					Chính phủ vay về cho vay lại					
						Vốn trong nước	Vốn nước ngoài			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính	Dự phòng NSTW	NSDP		
42	Trường Mẫu giáo Trường Lạc (giai đoạn 2)	P. Trường Lạc	C	2023-2025	7522/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022	21,490			21,490		15,910					15,910	
43	Trường Tiểu học Trưng Vương (điểm Đinh, giai đoạn 2)	P. Châu Văn Liêm	C	2023-2025	7601/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	23,994			23,994		22,127					22,127	
44	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu, đối với lớp 5, lớp 9	Ô Môn	C	2024-2026	7128/QĐ-UBND, ngày 26/7/2021	13,000			13,000		12,600					12,600	
45	Trường TH Trưng Vương (điểm Cây me)	P. Châu Văn Liêm	C	2024-2026	10623/QĐ-UBND, ngày 03/11/2023	2,500			2,500		1,615					1,615	
46	Cải tạo hệ thống PCCC Trường Tiểu học Nguyễn Hiền	P. Long Hưng	C	2025-2027	1956/QĐ-UBND, ngày 09/5/2024	2,122			2,122		1,550					1,550	
47	Trường Tiểu học Nguyễn Huệ (Giai đoạn 1)	P. Phước Thới	C	2025-2027	1958/QĐ-UBND, ngày 09/5/2024	46,700			46,700		20,930					20,930	
48	Trường Trung học cơ sở Thới Long	P. Thới Long	C	2025-2027	1957/QĐ-UBND, ngày 09/5/2024	14,750			14,750		8,250					8,250	
49	Chuyển đổi sở trong quản lý Giáo dục và Đào tạo quận Ô Môn	Q. Ô Môn	C	2025-2027	2032/QĐ-UBND, ngày 16/5/2024	14,900			14,900		11,520					11,520	
50	Xây dựng trung tâm hội nghị quận Ô Môn	P. Châu Văn Liêm	B	2021-2025	4609/QĐ-UBND, ngày 08/10/2024	74,822			74,822		70,414					70,414	
51	Nâng cấp, sửa chữa Khu hành chính phường Châu Văn Liêm	P. Châu Văn Liêm	C	2023-2025	7517/QĐ-UBND, ngày 21/12/2022	1,688			1,688		1,508					1,508	
52	Xây dựng nhà văn hóa khu vực 5	P. Châu Văn Liêm	C	2024-2026	3302/QĐ-UBND, ngày 07/6/2022	791			791		522					522	
53	Nâng cấp sửa chữa trung tâm văn hóa phường Thới An	P. Thới An	C	2024-2026	10624/QĐ-UBND, ngày 03/11/2023	1,700			1,700		1,200					1,200	
54	Nâng cấp sửa chữa trung tâm văn hóa phường Thới Hòa	P. Thới Hòa	C	2024-2026	10625/QĐ-UBND, ngày 03/11/2023	1,500			1,500		1,277					1,277	
55	Nâng cấp sửa chữa trung tâm văn hóa Phường Châu Văn Liêm (Quận đoàn cũ)	P. CVL	C	2024-2026	10628/QĐ-UBND, ngày 29/12/2023	2,667			2,667		1,567					1,567	
56	Nâng cấp, sửa chữa Ban chỉ huy quân sự quận Ô Môn	P. CVL	C	2023-2025	7593/QĐ-UBND, ngày 26/12/2022	5,386			5,386		5,386					5,386	
57	Phát triển hệ thống thông tin cơ sở ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông (GD1)	Quận Ô Môn	C	2024-2026	10629/QĐ-UBND, ngày 03/11/2023	3,700			3,700		3,605					3,605	
58	Phát triển hệ thống thông tin cơ sở ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông (Giai đoạn 2)	Q. Ô Môn	C	2025-2027	1962/QĐ-UBND, ngày 09/5/2024	14,990			14,990		6,050					6,050	
59	Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 khu đô thị mới Ô Môn	P. Phước Thới		2025-2027	2524/QĐ-UBND, ngày 12/11/2024	884			884		884					884	
60	Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới phường Châu Văn Liêm, Phước Thới và Thới An	Phường CVL, Phước Thới và Thới An		2025-2027	2525/QĐ-UBND, ngày 12/11/2024	4,155			4,155		4,155					4,155	
61	Đồ án Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới phường Phước Thới	P. Phước Thới		2025-2027	2526/QĐ-UBND, ngày 12/11/2024	556			556		556					556	
62	Lắp đặt hệ thống AI camera quốc lộ 91 đoạn từ khu hành chính UBND quận đến ngã tư đèn giao thông	P. Châu V Liêm	C	2025-2027	2342/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	999			999		999					999	
63	Lắp đặt hệ thống AI camera đường 26 tháng 3	P. Châu V Liêm	C	2025-2027	2343/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	999			999		999					999	
64	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng tuyến đề báo Tác Ông Thục	Quận Ô Môn	C	2025-2027	2344/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	1,086			1,086		1,086					1,086	
65	Nâng cấp tuyến đường Trần Hưng Đạo (đoạn từ Cầu quân Đội cũ đến Nghĩa Trang Liệt sĩ quân)	Quận Ô Môn	C	2025-2027	2345/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	1,176			1,176		1,176					1,176	
66	Nâng cấp tuyến từ Cầu Thủy lợi đến giáp đường Bệnh Viện Lao	Quận Ô Môn	C	2025-2027	2346/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	586			586		586					586	
67	Lắp đặt đèn chiếu sáng các vị trí mất an toàn giao thông trên địa bàn quận	Quận Ô Môn	C	2025-2027	2347/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	725			725		725					725	
68	Gia cố chống sạt lở khu vực 14 (đoạn gần cầu Tác Ông Thục)	P. Châu V Liêm	C	2025-2027	2348/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	1,145			1,145		1,145					1,145	
69	Gia cố chống sạt lở khu vực Cái Sơn (tuyến kênh Lò Gạch)	P. Thới Long	C	2025-2027	2349/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	1,203			1,203		1,203					1,203	
70	Gia cố chống sạt lở khu vực Phú Lương (Tuyến Công Cây Điều)	P. Long Hưng	C	2025-2027	2350/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	1,131			1,131		1,131					1,131	
71	Gia cố chống sạt lở khu vực Hòa An A (tuyến rạch Ba Rịch)	P. Thới Hòa	C	2025-2027	2351/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	1,214			1,214		1,214					1,214	
72	Gia cố chống sạt lở khu vực Thới Đông (Trước nhà Ngõ Văn Bê đến nhà Lý Anh Hoàng)	P. Phước Thới	C	2025-2027	2352/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	1,077			1,077		1,077					1,077	
73	Nạo vét kênh Cà Tác - kênh tư Na - kênh 8 Chuông - kênh Địa Giả	P. Thới Long	C	2025-2027	2353/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	708			708		708					708	
74	Nạo vét kênh Giữa - kênh Phên -kênh Trệt nam -kênh Đồn Đông	P. Long Hưng	C	2025-2027	2354/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	796			796		796					796	
75	Mua sắm thiết bị phục vụ công tác giảng dạy và đồ chơi ngoài trời	Quận Ô Môn	C	2025-2027	2355/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	2,309			2,309		2,309					2,309	
76	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu trường mầm non	Quận Ô Môn	C	2025-2027	2356/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	3,666			3,666		3,666					3,666	
77	Lắp đặt mái che sân trường các trường trên địa bàn quận	Quận Ô Môn	C	2025-2027	2357/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	1,119			1,119		1,119					1,119	
78	Thay mới bạt mái che các điểm trường	Quận Ô Môn	C	2025-2027	2358/QĐ-UBND, ngày 08/5/2025	583			583		583					583	
(5)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thốt Nốt.					1,156,616			1,156,616	139,287	758,830					758,830	
b	Vốn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư				-				3,979	-	7,920					7,920	
*	Vốn quy hoạch				-				-	-	5,170					5,170	
1	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới, cảng, logistic	Q.Thốt Nốt		2024-2025							1,000					1,000	
								26/13									

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
2	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu TN-02	Q.Thốt Nốt		2024-2025							1,200						1,200						
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu TN-03	Q.Thốt Nốt		2024-2025							1,000						1,000						
4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 phân khu TN-05	Q.Thốt Nốt		2024-2025							1,970						1,970						
**	Vốn chuẩn bị đầu tư					3,979				3,979	-	2,750					2,750						
1	Cải tạo hệ thống chiếu sáng dọc Quốc lộ 91 (đoạn từ cầu Trà Uôi đến ngã ba Lộ Tẻ)	p.Thuận An- P.Thới Thuận	C	2025	Số: 108/QĐ- PKTHT&ĐT ngày 02/04/2025	315				315	100						100						
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường rạch Mương Trầu; Tuyến Trà Cui trái (từ chợ Trà Cui - nhà bà Trinh Thị Bích Thuận)	P. Trung Kiên	C	2025	Số: 590/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 22/04/2025	218				218	150						150						
3	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường cấp sông Thốt Nốt (từ cầu Thốt Nốt 2 - cầu Rạch Sơm)	P. Trung Kiên	C	2025	Số: 586/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 29/10/2024	93				93	150						150						
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến rạch Mương Trầu (Nhánh trái từ nhà ông Lê Phước Tinh - nhà ông Đồng Văn Trãi; Nhánh phải từ nhà ông Lê Văn Hoài - nhà ông Lê Chi Tâm)	P. Trung Kiên	C	2025	Số: 587/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 29/10/2024	174				174	150						150						
5	Nâng cấp tuyến Đường Xuồng nhánh trái (Từ nhà bà Phan Anh Diễm đến nhà ông Nguyễn Văn Mãng); tuyến Ngã Tắc nhánh phải (từ Cầu Ngà Ba Đình đến nhà ông Phan Hoàng Minh)	P. Thới Thuận	C	2025	Số: 502/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 14/04/2025	134				134	100						100						
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ cầu Vườn Cau đến Vạt liệu xây dựng Diêu Cường	P. Tân Lộc	C	2025	Số: 566/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 18/4/2025	195				195	200						200						
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến cầu ông Mồng lớn - Cầu Xẻo Nhánh	P. Thuận Hưng	C	2025	Số: 564/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 18/4/2025	156				156	150						150						
8	Nâng cấp, mở rộng tuyến chợ Thuận Hưng - Cầu ông Mồng lớn (từ nhà ông Huỳnh Công Thanh đến nhà ông Phạm Văn Sang)	P. Thuận Hưng	C	2025	Số: 562/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 18/4/2025	108				108	100						100						
9	Nâng cấp, mở rộng tuyến cầu ông Mồng lớn - Ngã ba Bắc Vàng	P. Thuận Hưng	C	2025	Số: 563/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 18/4/2025	199				199	150						150						
10	Nâng cấp, mở rộng tuyến cầu An Phú Lợi - Cầu ông Mồng nhỏ	P. Thuận Hưng	C	2025	Số: 566/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 18/4/2025	224				224	150						150						
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Rạch Mương Bão (từ cầu Mương Bão - cầu Lộ Mới)	P. Trung Nhứt	C	2025	Số: 511/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 14/4/2025	166				166	150						150						
12	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kinh Lộ Mới (từ cầu Ngã Cái - cầu Kênh Sườn 2)	P. Trung Nhứt	C	2025	Số: 512/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 14/4/2025	247				247	200						200						
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Xẻo Cao (từ cầu Mương Bỏ - nhà bà Lê Thị Ba)	P. Thạnh Hoà	C	2025	Số: 513/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 14/4/2025	207				207	150						150						
14	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu Học Thuận An	P. Thuận An	C	2025	Số: 529/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 14/4/2025	249				249	150						150						
15	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu Học Trung Kiên 2	P. Trung Kiên	C	2025	Số: 530/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 14/4/2025	541				541	200						200						
16	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu Học Trung Kiên 3	P. Trung Kiên	C	2025	Số: 531/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 14/4/2025	453				453	250						250						
17	Nâng cấp, sửa chữa Trường Tiểu Học Thuận Hưng 3	P. Thuận Hưng	C	2025	Số: 533/QĐ- BQLDA&PTQĐ ngày 14/4/2025	300				300	250						250						
c	Vốn thực hiện dự án				-	1,152,637				1,152,637	139,287	750,910					750,910						
*	Dự án hoàn thành đưa vào sử dụng giai đoạn trước				-	172,122				172,122	139,287	5,611					5,611						
1	Trường trung học cơ sở Trung Nhứt	P.Trung Nhứt	C	2016 -2017	Số 697, 28/3/2016	5,141				5,141	4,603	210					210						
2	Trường tiểu học Tân Lộc 5	P. Tân Lộc	C	2019-2021	Số 2653, 26/10/2018	14,907				14,907	10,071	300					300						
3	Trường Trung học cơ sở phường Thốt Nốt	P. Thốt Nốt	C	2013-2017	Số 3438/QĐ-UBND Ngày 31/10/2013	45,401				45,401	37,901	411					411						
4	Bồi hoàn - san lấp mặt bằng - đường dẫn vào trường tiểu học Thuận Hưng 3 và trường mẫu giáo Thuận Hưng.	P. Thuận Hưng	C	2016-2017	Số 1395, 09/7/2014	10,208				10,208	3,839	195					195						
5	Trường Tiểu học Thới Thuận 2, quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ	P.Thới Thuận	B	2019-2022	Số 2623/QĐ-UBND ngày 30/10/2019	40,345				40,345	35,685	73					73						
6	Trường mẫu giáo Thới Thuận	P. Thới Thuận	C	2019-2020	Số 2671, 30/10/2018	14,145				14,145	10,637	494					494						
7	Trường Mẫu giáo Tân Lộc 1	P Tân Lộc	C	2018-2019	Số 3191/QĐ-UBND Ngày 27/10/2017	13,992				13,992	11,823	435					435						
8	Nhà văn hóa Phường Trung Nhứt	P. Trung Nhứt	C	2016	7141/QĐ-UBND ngày 29/3/2016	900				900	835	92					92						
9	Di dời trụ en ten Đài truyền thanh quận	P. Thốt Nốt	C	2019-2020	Số 2382, 31/10/2019	745				745	5,306	18					18						
10	Sửa chữa trụ sở UBND phường Tân Lộc	P.Tân Lộc	C	2020	Số 2374, 30/10/2019	1,479				1,479	1,210	100					100						
11	Sửa chữa Trung tâm bồi dưỡng chính trị quận	P. Thuận An	C	2019	Số 3198/QĐ-UBND Ngày 30/10/2017	1,949				1,949	1,724	148					148						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú								
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP											
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW					Vốn trong nước	Vốn nước ngoài													
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài																		
12	Sửa chữa Ban chi huy quân sự phường Thới Thuận	P. Thới Thuận	C	2019-2020	2688/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	1,819				1,819	1,439	154						154								
13	Ban chi huy quân sự quận Thốt Nốt, Hạng mục: Xây mới hội trường, nhà để xe ô tô và nâng cấp sửa chữa nhà ở sĩ quan, kho vũ khí	P. Thốt Nốt	C	2019	Số 2662, 29/10/2018	3,000				3,000	2,830	214						214								
14	Sửa chữa trụ sở Công an các phường	Q.Thốt Nốt	C	2020-2021	Số 2366, 29/10/2019	7,798				7,798	4,000	2,350						2,350								
15	Xây dựng trạm y tế phường Tân Lộc	P. Tân Lộc	C	2015 - 2018	2135/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	8,860				8,860	6,200	287						287								
16	Cải tạo nâng cấp trạm y tế phường Thới Thuận	P. Thới Thuận	C	2015-2018	Số 531/QĐ-UBND Ngày 23/02/2016	1,433				1,433	1,183	130						130								
***	Công trình khởi công mới					980,516	-	-	-	980,516	-	745,299	-	-	-	-	-	745,299								
1	Trường Mẫu giáo Thuận An, HM: Sơn bê lại các dãy phòng học, phòng chức năng	P.Thuận An	C	2021-2022	Số 1322, 6/7/2021	3,071				3,071	2,544	2,544						2,544								
2	Trường Mầm non Tân Lộc, HM: Cải tạo, sơn các dãy phòng học, phòng chức năng	P.Tân Lộc	C	2021-2022	Số 1329, 26/7/2021	4,920				4,920	4,318	4,318						4,318								
3	Trường THCS Trung Kiên, HM: Sửa chữa nền các dãy phòng học	P.Trung kiên	C	2021-2022	Số 1305, 22/7/2021	2,126				2,126	1,987	1,987						1,987								
4	Trường Mẫu giáo Thuận Hưng 2, HM: Sơn bê lại các dãy phòng học, phòng chức năng	P.Thuận Hưng	C	2021-2022	Số 1306, 22/7/2021	2,113				2,113	1,911	1,911						1,911								
5	Trường Tiểu học Thuận An 1; HM: Xây mới 04 phòng, công-nhà báo vệ, nhà xe, nhà vệ sinh, hệ thống PCCC; Cải tạo, sửa chữa các dãy phòng học cũ	P. Thuận An	C	2021-2023	1336/QĐ-UBND, 26/07/2021	7,879				7,879	6,825	6,825						6,825								
6	Trường Tiểu học Thuận Hưng 1; Hạng mục: Xây mới 06 phòng học, các phòng chức năng và hạng mục phụ trợ	P.Thuận Hưng	C	2021-2023	Số 1332, 26/7/2021	14,998				14,998	13,469	13,469						13,469								
7	Trường Tiểu học Trung Nhứt 2, HM: Xây mới các phòng chức năng, hệ thống PCCC; cải tạo sửa chữa các dãy phòng học cũ	P.Trung Nhứt	C	2021-2023	Số 1272, 16/7/2021; 3406, 20/12/2022	9,000				9,000	7,848	7,848						7,848								
8	Trường THCS Thới Thuận, HM: cải tạo khối phòng học, phòng chức năng và nhà thi đấu đa năng.	P.Thới Thuận	C	2021-2023	1334/QĐ-UBND, 26/07/2021	7,491				7,491	7,174	7,174						7,174								
9	Trang thiết bị phòng bộ môn, đồng mới bàn ghế cho học sinh và giáo viên (Giai đoạn 2)	Q.Thốt Nốt	C	2022-2024	3305/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	11,783				11,783	9,300	9,300						9,300								
10	Trường TH Tân Lộc 1, HM: Xây thêm các phòng chức năng, thiết bị	P.Tân Lộc	C	2022-2024	Số 3420, 22/11/2022	7,773				7,773	6,827	6,827						6,827								
11	Trường Tiểu học Thuận Hưng 2; HM: xây mới điểm Cai Sơn	P.Thuận Hưng	C	2022-2024	Số 2204, 161/8/2022	12,968				12,968	12,319	12,319						12,319								
12	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên quận	P.Thuận An	C	2022-2023	Số: 2105/QĐ-UBND 01/12/2023	2,999				2,999	2,662	2,662						2,662								
13	Trường THCS Tân Hưng	P.Tân Hưng	C	2022-2024	Số 1754, 29/6/2022	39,687				39,687	37,250	37,250						37,250								
14	Mua sắm trang thiết bị+SGK lớp 5+9	Quận Thốt Nốt	C	2024	1024/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	14,863				14,863	10,000	10,000						10,000								
15	Trường Mẫu giáo Thanh Hòa	P.Thanh Hòa	C	2022-2024	Số 2397, 21/8/2022	31,926				31,926	30,931	30,931						30,931								
16	Trường Mầm non Thốt Nốt HM: Sơn bê lại các phòng học, phòng chức năng, trang bị PCCC	Thốt Nốt	C	2023-2024	Số: 2095/QĐ-UBND ngày 30/11/2023	5,022				5,022	4,130	4,130						4,130								
17	Trường Tiểu học Tân Lộc 2; Hạng mục: Cải tạo, sơn bê các dãy phòng học, phòng chức năng; xây mới lại các phòng tiện chế, cải tạo sân; trang bị hệ thống PCCC	Tân Lộc	C	2023-2024	Số 1698/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	14,534				14,534	14,489	14,489						14,489								
18	Trường Tiểu học Tân Lộc 4, HM: Xây mới 08 phòng học; trang bị hệ thống PCCC	Tân Lộc	C	2023-2024	08/QĐ-UBND ngày 05/01/2023	14,267				14,267	12,755	12,755						12,755								
19	Trường Tiểu học Thốt Nốt 1, hạng mục: Xây mới thay thế dãy phòng học đã xuống cấp, trang bị hệ thống PCCC	P. Thốt Nốt	C	2023-2025	Số: 2104/QĐ-UBND 01/12/2023	37,988				37,988	24,219	24,219						24,219								
20	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học Tân Hưng	P.Tân Hưng	C	2024-2026	882/QĐ-UBND, 13/6/2024	24,205				24,205	10,000	10,000						10,000								
21	Trường Tiểu học Thốt Nốt 2, hạng mục: Xây thêm 02 phòng học và các phòng chức năng; sửa chữa, nâng cấp các phòng học cũ; PCCC	P.Thốt Nốt	C	2024-2026	Số 1025/QĐ-UBND ngày 03/7/2024	14,327				14,327	10,000	10,000						10,000								
22	Trường Tiểu Học Tân Lộc 3; Hạng mục: Xây mới thay thế dãy phòng học đã xuống cấp	P. Tân Lộc	C	2024 - 2026	Số 1765/QĐ-UBND, ngày 15/11/2024	7,991				7,991	7,000	7,000						7,000								
23	Trường Mẫu giáo Thới Thuận 1; Hạng mục: Sơn bê lại các dãy phòng học, Phòng chức năng	P. Thới Thuận	C	2024 - 2026	số 1327/QĐ-UBND, ngày 27/8/2024	5,131				5,131	5,000	5,000						5,000								
24	Trường THCS Thuận Hưng; Hạng mục: Cải tạo dãy phòng học đã xuống cấp, Sơn bê toàn bộ các dãy phòng học, Phòng chức năng, Trang bị hệ thống PCCC	P. Thuận Hưng	C	2025 - 2027	Số 1756/QĐ-UBND ngày 14/11/2024	43,433				43,433	16,000	16,000						16,000								
25	Trường THCS Trung Nhứt, HM: Cải tạo dãy phòng học đã xuống cấp, sơn bê toàn bộ các dãy phòng học, phòng chức năng	P.Trung Nhứt	C	2025-2027	Số: 566/QĐ-UBND ngày 14/04/2025	4,230				4,230	3,500	3,500						3,500								
26	Trường THCS Thốt Nốt, HM: Cải tạo các dãy phòng học hiện hữu, xây mới các phòng học tập và phòng hỗ trợ học tập	P.Thốt Nốt	C	2025-2027	Số: 567/QĐ-UBND ngày 14/04/2025	24,335				24,335	12,000	12,000						12,000								
27	Nâng cấp, mở rộng tuyến Trà Bay (tuyến tránh Quốc lộ 91 đến Cái Tiển; tuyến Cái Tiển trái - nhà Ngủ Văn Phụng) thuộc phường Thốt Nốt	Thốt Nốt	C	2021-2022	Số 972, 03/6/2021	1,858				1,858	1,555	1,555						1,555								
28	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ Đình Tân Đông đến ngã ba bên đó Bà Góa	Tân Lộc	C	2021-2022	Số 995, 09/6/2021	4,553				4,553	3,881	3,881						3,881								
29	Nâng cấp, mở rộng tuyến Rach Ranh - nhà ông Tha; Tuyến cầu Hưng Long-Sông Hậu thuộc phường Thuận Hưng	Thuận Hưng	C	2021-2022	Số 789, 06/5/2021	2,875				2,875	2,244	2,244						2,244								
30	Nâng cấp, mở rộng tuyến Thảng Lơi 1 trái	Thuận An	C	2021-2022	Số 869, 13/5/2021	1,602				1,602	1,489	1,489						1,489								
31	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường giao thông từ Ủy ban nhân dân phường đến khu vực Tân Mỹ 2 phường Tân Lộc	P.Tân Lộc	B	2021-2024	Số 1324, 26/7/2021	91,261				91,261	90,713	90,713						90,713								
32	Đường Thanh niên nói dài tuyến tránh Thốt Nốt	P. Thốt Nốt	C	2021-2023	Số 1435, 30/8/2021	28,190				28,190	26,177	26,177						26,177								
33	Nâng cấp, mở rộng tuyến cấp Trường mầm non đến cầu Bà Mười đường Nguyễn Trọng Quyền	Trung Kiên	C	2022-2023	Số 3369/QĐ-UBND, 29/11/2021	3,555				3,555	2,991	2,991						2,991								
34	Nâng cấp, mở rộng tuyến Khai Long	Tân Lộc	C	2022-2023	Số 3374/QĐ-UBND, 29/11/2021	1,915				1,915	1,833	1,833						1,833								

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính		NSDP	
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài										
35	Nâng cấp, mở rộng tuyến chợ Thuận Hưng - cầu Ông Móng	Thuận Hưng	C	2022-2023	Số 4251/QĐ-UBND, 29/11/2021	4,538				4,538		3,493					3,493	
36	Nâng cấp, mở rộng tuyến Ca Kê (từ QL91 - cầu Lung Ngủ nhỏ), tuyến Thom Rom khu vực Tân Quới	Tân Hưng	C	2022-2023	Số 3377/QĐ-UBND, 29/11/2021	2,909				2,909		2,398					2,398	
37	Đường Mai Văn Bô nối dài đến bến đò Thuận Hưng	P. Thuận Hưng	C	2022-2024	Số 1900/QĐ-UBND, 20/7/2022	19,968				19,968		12,750					12,750	
38	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ bến đò Tắc Cây Bàng đến cầu Chùa	P. Tân Lộc	C	2022-2024	Số 1279/QĐ-UBND, 29/4/2022	29,083				29,083		28,776					28,776	
39	Nâng cấp các tuyến đường đô thị giai đoạn 2	P. Thốt Nốt	C	2022-2024	Số 1292/QĐ-UBND, 06/5/2022	12,683				12,683		11,442					11,442	
40	Nâng cấp các tuyến đường đô thị giai đoạn 1	Thốt Nốt	C	2023-2024	3286/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	27,340				27,340		15,890					15,890	
41	Nâng cấp, mở rộng tuyến Ông Bồi	Tân Lộc	C	2023-2024	Số 3285/QĐ-UBND, 30/11/2022	1,938				1,938		1,695					1,695	
42	Nâng cấp, mở rộng tuyến cầu Bà Mười (cấp sông Thốt Nốt đến đường Nguyễn Trọng Quyền)	Trung Kiên	C	2023-2024	Số 3288/QĐ-UBND, 30/11/2022	2,171				2,171		1,930					1,930	
43	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Than – giáp Thới Long	Thuận Hưng	C	2023-2024	1006/QĐ-UBND ngày 15/5/2023	1,731				1,731		1,400					1,400	
44	Nâng cấp, mở rộng tuyến kênh Tân Quới (tuyến đường tránh - cầu ngang)	Tân Hưng	C	2023-2024	1070/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	4,654				4,654		3,528					3,528	
45	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ khu vực Thới Thanh 1 - khu vực Thới Thanh 2.	Thới Thuận	C	2023-2024	1264/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	3,235				3,235		2,486					2,486	
46	Nâng cấp, mở rộng tuyến Rạch Mương Ranh trái	Thanh Hóa	C	2021-2022	Số 794, 05/5/2021	1,133				1,133		1,133					1,133	
47	Nâng cấp tuyến Trà Cui phải (cấp Rạch Trà Cui)	P.Trung Kiên	C	2024-2025	Số: 2027/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	2,599				2,599		2,100					2,100	
48	Nâng cấp, mở rộng tuyến Kênh Sáng Cụt	P. Tân Hưng	C	2024 - 2026	số 1318; ngày 26/8/2024	2,875				2,875		2,500					2,500	
49	Nâng cấp, mở rộng tuyến Ca Kê (Từ cầu Lung Ngủ nhỏ - giáp Thuận Hưng)	P. Tân Hưng	C	2024 - 2026	số 1319; ngày 26/8/2024	2,845				2,845		2,500					2,500	
50	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ nhà ông Biện Văn Ngân đến cầu Thanh Niên	P.Tân Hưng	C	2025-2027	Số 1619/QĐ-UBND ngày 18/10/2024	3,290				3,290		2,500					2,500	
51	Nâng cấp mở rộng tuyến bến phà Tân Lộc đến bến đò Long Châu	P.Tân Lộc	C	2025-2027	Số: 565/QĐ-UBND ngày 14/04/2025	69,674				69,674		35,416					35,416	
52	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường rạch Mương Trầu; Tuyến Trà Cui trái (từ chợ Trà Cui - nhà bà Trinh Thị Bích Thuận)	P. Trung Kiên	C	2025-2027	Số: 1004/QĐ-UBND ngày 02/06/2025	4,955				4,955		3,500					3,500	
53	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường cấp sông Thốt Nốt (từ cầu Thốt Nốt 2 - cầu Rạch Sơn)	P. Trung Kiên	C	2025-2027	Số: 1005/QĐ-UBND ngày 02/06/2025	1,260				1,260		2,000					2,000	
54	Nâng cấp, mở rộng tuyến rạch Mương Trầu (Nhánh trái từ nhà ông Lê Phước Tinh - nhà ông Đồng Văn Trãi; Nhánh phải từ nhà ông Lê Văn Hoài - nhà ông Lê Chí Tâm)	P. Trung Kiên	C	2025-2027	Số: 1006/QĐ-UBND ngày 02/06/2025	3,187				3,187		2,000					2,000	
55	Nâng cấp tuyến Đường Xuống nhánh trái (Từ nhà bà Phan Anh Diễm đến nhà ông Nguyễn Văn Mãng); tuyến Ngã Tắc nhánh phải (từ Cầu Ngã Ba Đình đến nhà ông Phan Hoàng Minh)	P. Thới Thuận	C	2025-2027	Số: 1022/QĐ-UBND ngày 03/06/2025	1,913				1,913		1,300					1,300	
56	Nâng cấp, mở rộng tuyến từ cầu Vườn Cau đến Vật liệu xây dựng Điều Cường	P. Tân Lộc	C	2025-2027	Số: 1023/QĐ-UBND ngày 03/06/2025	5,234				5,234		5,500					5,500	
57	Nâng cấp, mở rộng tuyến cầu ông Mổng lớn - Cầu Xẻo Nhánh	P. Thuận Hưng	C	2025-2027	Số: 1024/QĐ-UBND ngày 03/06/2025	3,077				3,077		3,000					3,000	
58	Nâng cấp, mở rộng tuyến chợ Thuận Hưng - Cầu ông Mổng lớn (từ nhà ông Huỳnh Công Thanh đến nhà ông Phạm Văn Sang)	P. Thuận Hưng	C	2025-2027	Số: 1025/QĐ-UBND ngày 04/06/2025	1,850				1,850		1,200					1,200	
59	Nâng cấp, mở rộng tuyến cầu ông Mổng lớn - Ngã ba Bắc Vàng	P. Thuận Hưng	C	2025-2027	Số: 1026/QĐ-UBND ngày 04/06/2025	4,273				4,273		2,600					2,600	
60	Nâng cấp, mở rộng tuyến cầu An Phú Lợi - Cầu ông Mổng nhỏ	P. Thuận Hưng	C	2025-2027	Số: 1027/QĐ-UBND ngày 04/06/2025	5,045				5,045		4,000					4,000	
61	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Rạch Mương Bào (từ cầu Mương Bào - cầu Lộ Mới)	P. Trung Nhứt	C	2025-2027	Số: 1028/QĐ-UBND ngày 04/06/2025	2,718				2,718		2,200					2,200	
62	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kinh Lộ Mới (từ cầu Ngã Cái - cầu Kênh Sườn 2)	P. Trung Nhứt	C	2025-2027	Số: 1029/QĐ-UBND ngày 04/06/2025	5,999				5,999		5,294					5,294	
63	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Xẻo Cao (từ cầu Mương Bỏ - nhà bà Lê Thị Ba)	P. Thanh Hoà	C	2025-2027	Số: 1030/QĐ-UBND ngày 04/06/2025	4,199				4,199		3,200					3,200	
64	Kênh Mương Bào, Hai Hối	P.Thốt Nốt	C	2025-2026	Số 1705; ngày 06/11/2024	984				984		950					950	
65	Kênh Xẻo Nhánh, Xẻo Ngà, Bà Bèo	P.Tân Hưng, Thuận Hưng	C	2025-2026	Số 1706; ngày 06/11/2024	870				870		830					830	
66	Dự án Bờ kè sông chống sạt lở khu Nhà tạm giữ Công an quận	Thốt Nốt	C	2023-2024	Số: 1927/QĐ-UBND ngày 30/10/2023	3,831				3,831		3,284					3,284	
67	Sửa chữa các nhà thông tin khu vực phường Thuận An (Thời An 1, Thời an 2, Thời An 3, Thời An 4, Thời Bình 1, Thời Bình 2)	p.Thuận An	C	2022-2023	Số 2225, 18/8/2022	1,121				1,121		1,008					1,008	
68	Xây mới, Sửa chữa các nhà văn hóa khu vực phường Tân Hưng (Xây mới nhà VHKV Tân Phước, Sửa chữa nhà VHKV: Tân Quới, Tân Lợi 1, Tân Lợi 2)	Tân Hưng	C	2023-2024	Số: 2029/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	1,128				1,128		1,016					1,016	
69	Sửa chữa Trung tâm văn hóa phường Thới Thuận	Thới Thuận	C	2023-2024	Số 3423, 22/12/2022	609				609		574					574	
70	Cải tạo Công viên dọc Quốc lộ 91 (đoạn từ Mũi Tàu đến Trà Cui)	P. Thốt Nốt	C	2022-2024	Số 1293, 06/5/2022	14,695				14,695		13,644					13,644	
71	Sửa chữa Trung tâm văn hóa phường Thuận An	P. Thuận An	C	2023-2024	Số 2035/QĐ- UBND ngày 15/11/2023	438				438		395					395	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài															
72	Sửa chữa Khu lưu niệm Chi bộ Đảng đầu tiên của quân Thốt Nốt	P.Tân Lộc	C	2024-2025	Số 1888/QĐ-UBND, ngày 29/11/2024	10,940				10,940	10,000						10,000						
73	Som bê, sửa chữa Trung tâm Văn hóa và Truyền thanh quận	P.Thốt Nốt	C	2024-2026	901/QĐ-UBND, 18/6/2024	6,350				6,350	5,200						5,200						
74	Sửa chữa Trung tâm văn hóa phường Tân Hưng	P.Tân Hưng	C	2025-2026	1881/QĐ-UBND ngày 29/11/2024	693				693	600						600						
75	Xây dựng hàng rào, nâng cấp khuôn viên, hệ thống cây xanh, hệ thống thoát nước Ủy ban phường Tân Lộc	P.Tân Lộc	C	2021-2022	Số 1132, 01/7/2021	1,841				1,841	1,527						1,527						
76	Nâng cấp sửa chữa trụ sở phòng giáo dục và Đào tạo	P.Thuận An	C	2021-2022	Số 1171, 7/7/2021	1,713				1,713	1,627						1,627						
77	Xây dựng mới bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, thiết bị UBND P. Tân Hưng	P.Tân Hưng	C	2022-2023	Số 1752, 29/6/2022	1,223				1,223	1,139						1,139						
78	Sửa chữa, cải tạo Trung tâm giáo dục thường xuyên (điểm cũ)	P.Trung Kiên	C	2022 - 2023	Số 1450/QĐ-UBND ngày 04/9/2021	1,207				1,207	1,200						1,200						
79	Nâng cấp và sửa chữa trụ sở UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	C	2023-2024	Số: 2028/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	12,335				12,335	11,710						11,710						
80	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyển môn cho UBND 9 phường	Thốt Nốt		2023-2024	3018/QĐ-UBND ngày 30/10/2022	5,977				5,977	6,274						6,274						
81	Sửa chữa, som bê trụ sở UBND phường Thanh Hóa + hệ thống PCCC + Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	P. Thanh Hóa	C	2023-2024	Số: 1882/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	6,091				6,091	5,200						5,200						
82	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở Quận ủy Thốt Nốt	P.Thốt Nốt	C	2024-2026	762/QĐ-UBND, 23/5/2024	14,679				14,679	13,700						13,700						
83	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND và xây mới bộ phận một cửa phường Thuận Hưng	P.Thuận Hưng	C	2024-2026	783/QĐ-UBND, 29/5/2024	5,945				5,945	5,000						5,000						
84	Nâng cấp sửa chữa Trung tâm Chính trị quận	P.Thuận An	C	2025-2026	698/QĐ-UBND, 13/5/2024	5,441				5,441	5,350						5,350						
85	Trang thiết bị Ban chỉ huy quân sự 09 phường	Thốt Nốt	C	2021-2022	Số 1133, 01/07/2021	4,380				4,380	4,143						4,143						
86	Xây dựng nhà để xe, kho vũ khí, khu huấn luyện V100, nhà vệ sinh tuyến quân Ban chỉ huy quân sự quận, sửa chữa nhà nghỉ sĩ quan	P.Thốt Nốt	C	2021-2022	Số 1183, 09/7/2021	5,666				5,666	5,405						5,405						
87	Xây dựng nhà ăn, nâng cấp sân, hệ thống thoát nước, trang thiết bị phục vụ làm việc Ban chỉ huy quân sự quận	P.Thốt Nốt	C	2021-2023	Số 1183, 09/7/2021	6,161				6,161	6,140						6,140						
88	Sửa chữa, som bê Ban chỉ huy quân sự phường Tân Lộc	P.Tân Lộc	C	2022-2023	Số 2096, 10/8/2022	779				779	779						779						
89	Sửa chữa, som bê Ban chỉ huy quân sự phường Thuận Hưng	Thuận Hưng	C	2023-2024	Số 3236, 21/11/2022	1,035				1,035	976						976						
90	Sửa chữa, som bê Ban chỉ huy quân sự phường Trung Kiên	Trung Kiên	C	2023-2024	Số 3236, 21/11/2022	1,596				1,596	1,550						1,550						
91	Ban chỉ huy quân sự quận Thốt Nốt, hạng mục: sửa chữa Sô chỉ huy, nhà truyền thống	Thốt Nốt	C	2023-2024	1228/QĐ-UBND ngày 20/6/2023	3,413				3,413	2,996						2,996						
92	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở làm việc và bề tông sân đội phòng cháy - chữa cháy và cứu hộ cứu nạn Công An quận	P.Trung Kiên	C	2022-2023	Số: 1612/QĐ-UBND ngày 16/08/2023	6,531				6,531	6,250						6,250						
93	Nâng cấp trụ sở làm việc đội Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp	P.Thốt Nốt	C	2022-2023	số 3304, 30/11/2022	1,699				1,699	1,637						1,637						
94	Nâng cấp sửa chữa trụ sở Công an quận (cũ) và bề tông sân đường: trang trí khánh tiết hội trường xây dựng hàng rào bảo vệ, nhà ca nô và bến thủy khu bờ kè trụ sở Công An quận (mới)	P.Thốt Nốt	C	2021-2022	Số 1330, 26/7/2021	5,531				5,531	4,872						4,872						
95	Xây dựng nhà ở tập thể cho cán bộ chiến sĩ, Đội cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp Công an quận	P.Thốt Nốt	C	2025-2027	912/QĐ-UBND, 20/6/2024	1,867				1,867	100						100						
96	Xây dựng mới trạm y tế phường Thuận Hưng	P.Thuận Hưng	C	2021-2023	Số 1328, 26/7/2021	7,795				7,795	7,122						7,122						
97	Xây mới Trạm y tế phường Trung Nhứt	P.Trung Nhứt	C	2022-2024	Số 3331, 05/12/2022	11,186				11,186	10,500						10,500						
98	Xây dựng mái che khu vực khu 3(khoa nhi, đường dẫn khoa khám bệnh, YHCT và khoa nhiễm) thuộc bệnh viện đa khoa Thốt Nốt	P.Thốt Nốt	C	2021-2023	Số 1525/QĐ-UBND, 23/9/2021	4,636				4,636	4,341						4,341						
99	Xây mới Trạm y tế phường Trung Kiên	Trung Kiên	C	2023-2024	Số: 2102/QĐ-UBND ngày 01/12/2023	12,900				12,900	12,500						12,500						
100	Sửa chữa Bệnh viện đa khoa quận Thốt Nốt	P.Thốt Nốt	C	2024-2026	914/QĐ-UBND, 21/6/2024	4,024				4,024	2,929						2,929						
101	Nâng cấp sửa chữa Trạm y tế các phường	Quận Thốt Nốt	C	2024-2025	635/QĐ-UBND, 25/4/2024	9,452				9,452	8,000						8,000						
102	Nâng cấp, mở rộng tuyến kênh Tân Quới (tuyến đường tránh – cầu ngang)	Tân Hưng	C	2023-2024	1070/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	4,654				4,654	10						10						
103	Nâng cấp và sửa chữa trụ sở UBND quận Thốt Nốt	Thốt Nốt	C	2023-2024	Số: 2028/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	12,335				12,335	24						24						
104	Nâng cấp mở rộng đường giao thông từ bến đò Tắc Cây Bần đến Cầu Chúa	P. Tân Lộc	C	2022-2024	Số 1279/QĐ-UBND, 29/4/2022	29,083				29,083	1,355						1,355						
105	Nâng cấp sửa chữa UBND phường Trung Kiên	P.Trung Kiên	C	2022-2023	số 3400/QĐ-UBND, ngày 14/12/2022	5,605				5,605	340						340						
106	Xây dựng đường dây trung thế và trạm biến áp 250KVA tại KDC Chợ Bò Ôt	P. Thới Thuận	C	2018-2019	số 2644/QĐ-UBND, ngày 26/10/2018	833				833	30						30						
(6)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Phong Điền					934.127				934.127	447.821						447.821						
a	Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch					187.855				187.855	8.214						8.214						
1	Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Nhơn Nghĩa	xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	4008 - 13/11/24	401				401	401						401						
2	Lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Phong Điền và kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Phong Điền	H .PD	c	2024-2025	2048 - 04/6/24	2,949				2,949	2,337						2,337						
3	Tuyến GTNT Cù Lao ấp Nhơn Phú 1 xã Nhơn Nghĩa	xã NN	c	2025-2027	4008-13/11/24	19,999				19,999	974						974						
4	Tuyến GTNT từ Cầu Chữ Y đến cầu Nhà Thờ Ông Hào (bên trái)	xã Trường Long	c	2025-2027	4008-13/11/24	1,100				1,100	70						70						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính				
5	Tuyến GTNT Xà No Lô Đường - Cầu Trầu Hôi	xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	4008-13/11/24	18,000				18,000		70					70		
6	NCSC tuyến GTNT dọc theo sông Cầu Nhiêm (đoạn từ cầu Cây Dầu - nhà Ông Võ Văn Bé)	xã Tân Thới	c	2025-2027	4008-13/11/24	1,100				1,100		70					70		
7	Tuyến GTNT Mương Điều (bên trái), xã Nhơn Nghĩa	xã NN	c	2025-2027	4008-13/11/24	14,200				14,200		200					200		
8	Tuyến GTNT Đình Thần - Tân Hưng	xã Giai Xuân	c	2025-2027	4008-13/11/24	15,000				15,000		250					250		
9	Tuyến GTNT Xẻo Sơn (bên trái)	xã Trường Long	c	2025-2027	4008-13/11/24	15,000				15,000		250					250		
10	Cầu Xẻo Sơn	xã Trường Long	c	2025-2027	4008-13/11/24	10,000				10,000		150					150		
11	Cầu Xẻo Lá	xã Trường Long	c	2025-2027	4008-13/11/24	10,300				10,300		150					150		
12	Gia cổ sứt lùn đoạn nhà Ông Ba Ngọt, ấp Nhơn Lộc 1, TT Phong Điền	TT PD	c	2025-2027	4008-13/11/24	1,100				1,100		70					70		
13	Tuyến GTNT So Đũa (bên trái)	xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	4008-13/11/24	14,900				14,900		150					150		
14	Tuyến GTNT Trầu Hôi (đoạn từ QL 61C - Ranh xã Thanh Xuân)	xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	4008-13/11/24	1,200				1,200		70					70		
15	NC tuyến GTNT Lưng Sấu - Rạch Bà Cà	xã GX	c	2025-2027	4008-13/11/24	4,300				4,300		100					100		
16	Nâng cấp tuyến lộ chợ xã Nhơn Nghĩa	xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	4008-13/11/24	1,100				1,100		70					70		
17	XD Cầu Ba Xoài	xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	4008-13/11/24	1,100				1,100		70					70		
18	Xây dựng mở rộng Cầu Rạch Vinh	xã Mỹ Khánh	c	2025-2027	500 - 12/02/25	14,996				14,996		710					710		
19	Xây dựng mở rộng Cầu Rạch Nhum	xã Mỹ Khánh	c	2025-2027	500 - 12/02/25	13,810				13,810		670					670		
20	Xây dựng Cầu Ông Nghĩa	xã Tân Thới	c	2025-2027	500 - 12/02/25	12,916				12,916		660					660		
21	Xây dựng Cầu Ông Tạc	xã Tân Thới	c	2025-2027	500 - 12/02/25	11,384				11,384		622					622		
22	NCSC UBND xã Mỹ Khánh	xã MK	c	2025-2027	4008-13/11/24	3,000				3,000		100					100		
b	Vốn thực hiện dự án					746,272	-	-	-	746,272	-	439,607					439,607		
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng					33,641	-	-	-	33,641	-	5,009					5,009		
1	Nâng cấp trường mầm non Trường Long	xã Trường Long	c	2015-2018	6188-21/7/17	5,614				5,614		360					360		
2	Nâng cấp tuyến GTNT Cây Cắm - Bông Bông	x Tlong	c	2014-2018	6051-30/10/14; 4127-30/12/16 (đc)	13,891				13,891	3,000						3,000		
3	Nâng cấp sửa chữa công an xã Mỹ Khánh	x MK	c	2017-2019	7190 - 29/9/2017	1,171				1,171		32					32		
4	Xây dựng 10 phòng nhà công vụ Công an huyện	TT PD	c	2016-2018	2659 - 27/10/2016	2,754				2,754		68					68		
5	Nâng cấp sửa chữa trụ sở Xã đội Mỹ Khánh	xã MK	c	2017-2019	7192 - 29/9/2017	752				752		32					32		
6	NCSC Ban chỉ huy quân sự huyện	xã N Ái	c	2018-2019	2722 - 11/9/2018	4,795				4,795		68					68		
7	Sửa chữa bổ sung Trụ sở UBND xã Tân Thới	xã Tân Thới	c	2018-2020	3404-30/10/19	1,041				1,041		28					28		
8	Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã Nhơn Nghĩa	Xã Nhơn Nghĩa	c	2017-2019	7193-29/9/17	1,199				1,199		121					121		
9	Nâng cấp sửa chữa khối Đoàn thể xã Mỹ Khánh	x MK	c	2017-2019	7189- 29/9/2017	632				632		191					191		
10	Sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Phong Điền năm 2020	TT PD	c	2018-2020	2795a/ 6/9/2019	1,792				1,792	1,109						1,109		
**	Dự án chuyển tiếp					127,630	-	-	-	127,630	-	27,207					27,207		
1	Trường trung học cơ sở thị trấn Phong Điền	TT PD	c	2019-2021	2830-30/10/2018	43,816				43,816		905					905		
2	NC mở rộng đường Tân Thới - Trường Thành	xã Tân Thới	c	2018-2021	3381-30/10/19	13,249				13,249		6,796					6,796		
3	Đường GTNT Cảng Dược - vàm Bi	xã Trường Long	c	2013-2021	2273- 17/5/13	51,543				51,543	5,581						5,581		
4	Tuyến GTNT Mương Bỏ - Mươi Bo	xã Tân Thới	c	2019-2021	2080-27/6/2019	13,380				13,380	11,566						11,566		
5	Bồi hoàn di dời 12 hộ dân rạch Trà Niềng	TT PD	c	2018-2021	2601a-30/8/18 Đc: 2262-20/6/24	5,642				5,642	2,359						2,359		
***	Dự án khởi công mới					585,001	-	-	-	585,001	-	407,391					407,391		
1	Hệ thống chiếu sáng công cộng thông minh trên địa bàn Huyện Phong Điền giai đoạn 2	Huyện PD	c	2024-2025	3076- 23/8/24 (Đc)	1,188				1,188	1,069						1,069		
2	Điểm trung chuyển rác xã Giai Xuân	xã GX	c	2021-2025	3931-05/11/24	725				725	633						633		
3	Nâng cấp mở rộng trường Mầm Non Trường Tây	xã TT	c	2023-2025	5510-21/12/23	14,000				14,000	10,555						10,555		
4	XD bổ sung Trường TH Tân Thới 1	xã TT	c	2023-2025	5636-25/12/23	9,783				9,783	7,962						7,962		
5	XD nâng cấp Trường TH Nhơn Ái 1	xã NA	c	2023-2025	3992-03/10/23	14,064				14,064	11,985						11,985		
6	Sửa chữa, cải tạo trường tiểu học Lô Vòng Cung	xã Tân Thới	c	2024-2025	3615-11/10/24	6,154				6,154	4,949						4,949		
7	Xây dựng phòng chức năng và hệ thống phòng cháy chữa cháy Trường Mầm non Nhơn Ái	xã Nhơn Ái	c	2024-2025	3640-11/10/24	2,767				2,767	2,600						2,600		
8	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5, lớp 9	Huyện PD	c	2023-2024	5512-21/12/23	14,500				14,500	14,011						14,011		
9	NCSC trường mầm non Tân Nhơn	xã Tân Thới	c	2024-2025	3654-14/10/24	1,114				1,114	1,025						1,025		
10	NCSC Trường TH Tây Đò	xã Trường Long	c	2024-2025	3653-14/10/24	920				920	849						849		
11	NCSC trường TH Trường Long 3	xã Trường Long	c	2024-2025	3655-14/10/24	932				932	845						845		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú		
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính					
12	Nâng cấp sửa chữa Trạm Y tế xã Giai Xuân	xã GX	c	2024-2025	3919- 04/11/24	1,180				1,180	1,121						1,121			
13	Nâng cấp sửa chữa Trạm Y tế xã Mỹ Khánh	x MK	c	2024-2025	3728- 16/10/24	1,027				1,027	977						977			
14	Nâng cấp sửa chữa Trạm y tế xã Nhơn Ai	x NA	c	2024-2025	3727- 16/10/24	1,126				1,126	1,091						1,091			
15	Nâng cấp sửa chữa Trạm y tế xã Nhơn Nghĩa	xNN	c	2024-2025	3726- 16/10/24	936				936	1,118						1,118			
16	Nâng cấp sửa chữa nhà văn hóa ấp Nhơn Hưng	xã Nhơn Nghĩa	c	2024-2025	3682- 16/10/24	874				874	822						822			
17	XD trụ sở Ban CHQS xã Nhơn Ai	xã NA	c	2023-2025	5312- 19/12/23; ĐC: 3860 - 28/10/24	13,008				13,008	3,738						3,738			
18	Nâng cấp, sửa chữa Khu di tích mộ nhà thơ yêu nước Phan Văn Trị và Khu di tích lịch sử chiến thắng Ông Hào	TT PD	c	2024-2025	3922- 04/11/24	951				951	943						943			
19	Kho lưu trữ huyện Phong Điền	TT PD	c	2023-2025	5653-28/12/23	20,047				20,047	18,150						18,150			
20	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Huyện Ủy và các Ban xây dựng Đảng huyện Phong Điền	TT PD	c	2024-2025	3851-24/10/24	12,787				12,787	12,066						12,066			
21	NCSC VP HĐND và UBND huyện và trang thiết bị	TT PD	c	2023-2025	3923-04/11/24	2,307				2,307	2,307						2,307			
22	Duy tu sửa chữa khuôn viên huyện Ủy	TT PD	c	2024-2025	3917- 04/11/24	832				832	758						758			
23	Nâng cấp mở rộng hội trường trụ sở UBND xã Nhơn Nghĩa	xã Nhơn Nghĩa	c	2024-2025	4043 -13/11/24	1,600				1,600	1,516						1,516			
24	Nâng cấp mở rộng tuyến GTNT từ cầu Rau Mui đến giáp ranh ấp Mỹ Hòa	xã MK	c	2022-2024	1266-10/4/2023	14,700				14,700	12,796						12,796			
25	Nâng cấp, cải tạo tuyến Mỹ Khánh - Bông Vang	xã MK	c	2023-2025	1189-03/4/2023	21,154				21,154	21,154						21,154			
26	Nâng cấp công và mặt đập tuyến GTNT ấp Trường Phú	xã Trường Long	c	2024-2025	3434-24/9/2024	790				790	818						818			
27	Nâng cấp via hè, hệ thống thoát nước các trục đường trung tâm hành chính huyện năm 2024	TT Phong Điền	c	2024-2025	3725- 16/10/24	1,030				1,030	998						998			
28	Xây dựng Trung tâm Chính trị huyện	thị trấn Phong Điền	c	2023-2025	5511-21/12/2023	3,945				3,945	3,464						3,464			
29	Nâng cấp sửa chữa Trụ sở UBND xã Tân Thới.	xã TT	c	2023-2025	5199-11/12/2023	1,130				1,130	1,089						1,089			
30	Nâng cấp nhà văn hóa các ấp trên địa bàn xã Tân Thới	xã TT	c	2023-2025	5200-11/12/2023	898				898	801						801			
31	Nâng cấp Trung tâm văn hóa xã Tân Thới	xã TT	c	2023-2025	5197-11/12/2023	1,028				1,028	853						853			
32	Nâng cấp sửa chữa Trạm y tế xã Tân Thới.	xã TT	c	2023-2025	5198-11/12/2023	885				885	769						769			
33	Nâng cấp, cải tạo nhà ăn Ban CHQS huyện Phong Điền	xã NA	c	2023-2025	4924- 28/11/23	2,022				2,022	0						0			
34	Nâng cấp sửa chữa mặt đường tuyến Nguyễn Văn Cừ nối dài năm 2024 (đoạn từ cầu Trường Tiền đến Cầu Rạch Chuối)	TT Phong Điền	c	2024-2025	5842-29/12/23	1,150				1,150	1,093						1,093			
35	Trụ sở Công an xã Tân Thới	xã Tân Thới	c	2021-2025	1910-24/5/22	4,795				4,795	4,452						4,452			
36	Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường vào Trường THCS thị trấn Phong Điền	TT PD	c	2023-2025	3946-02/10/2023	5,302				5,302	4,438						4,438			
37	Nâng cấp tuyến GTNT công Cầu Nhiễm - Vàm Bông Bông	xã TT	c	2022-2024	2506-14/7/2022; 4398-02/11/2023 (ĐC)	25,193				25,193	23,443						23,443			
38	Nâng cấp mở rộng tuyến GTNT từ Cầu Rạch Ké đến Bờ Hồ	xã MK	c	2023-2025	1294 - 10/4/2023	14,278				14,278	10,710						10,710			
39	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng công cộng trên địa bàn huyện Phong Điền	H .PD	c	2022-2024	3979-04/10/2023	14,529				14,529	13,788						13,788			
40	Gia cố sạt lở đoạn sông Trường Tiền (đoạn nhà Bà Dương Thị Bính) trên địa bàn ấp Mỹ Ai, xã Mỹ Khánh, huyện Phong Điền, Tp Cần Thơ	xã Mỹ Khánh	c	2024-2025	3858-25/10/2024	1,050				1,050	1,045						1,045			
41	Xây dựng bổ sung trường tiểu học Trường Long 3	xã Trường Long	c	2021 - 2023	4109-25/10/22	8,194				8,194	7,862						7,862			
42	Xây dựng bổ sung trường THCS Trường Long	xã Trường Long	c	2022-2023	4629-21/11/2022	14,576				14,576	13,252						13,252			
43	NC mở rộng trường MN Tân Xuân	xã GX	c	2022-2024	2595-22/7/2022	13,633				13,633	13,037						13,037			
44	XD và nâng cấp Trường mầm non Mỹ Phước	xã MK	c	2023-2024	1298-10/4/2023	9,199				9,199	7,499						7,499			
45	XD và nâng cấp Trường THCS Mỹ Khánh	xã MK	c	2023-2025	1300-10/4/2023	21,900				21,900	18,409						18,409			
46	XDBS trường MN Mỹ Khánh	xã MK	c	2023-2025	1297-10/4/2023	14,200				14,200	12,112						12,112			
47	Nâng cấp mở rộng trường THCS Nhơn Nghĩa	xã NN	c	2022-2023	2583-20/7/2022	13,982				13,982	13,067						13,067			
48	Xây dựng bổ sung trường tiểu học Trường Long 2	xã TL	c	2022-2023	4153-26/10/2022	7,737				7,737	7,519						7,519			
49	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục TX	TTPD	c	2023-2025	5313-19/12/23	37,736				37,736	9,682						9,682			
50	Nâng cấp, Xây dựng Hệ thống PCCC trụ sở UBND huyện	TT PD	c	2024-2025	4492-05/12/24	2,526				2,526	2,325						2,325			
51	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Trường Long (dự kiến mới)	xã T Long	c	2025	1982 - 30/5/25	1,939				1,939	1,847						1,847			
52	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Nhơn Nghĩa (dự kiến thành UBND xã Nhơn Ai mới)	Xã N. Nghĩa	c	2025	1983 - 30/5/25	1,447				1,447	1,378						1,378			
53	Nâng cấp, sửa chữa trụ sở UBND xã Phong Điền (dự kiến mới)	TT PD	c	2025	1981 - 30/5/25	1,967				1,967	1,873						1,873			
54	Nâng cấp duy tu trụ sở Ban CHQS huyện và nhà ở dân quân thường trực	x NA	c	2024-2025	4724- 17/12/24	6,026				6,026	570						570			
55	Xây dựng công Rạch Miễu xã Tân Thới	xã Tân Thới	c	2024-2025	4710 - 16/12/24	7,388				7,388	4,339						4,339			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương	Dự phòng NSTW	NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					
56	Nâng cấp mở rộng các trục đường vào trường mầm non Mỹ Khánh	xã Mỹ Khánh	c	2024-2025	919-13/3/24	1,177				1,177		1,118					1,118	
57	Tuyến GTNT Cù Lao ấp Nhơn Phú 1 xã Nhơn Nghĩa	Xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	695-27/02/25	19,500				19,500		6,858					6,858	
58	Tuyến GTNT từ Cầu Chữ Y đến cầu Nhà Thờ Ông Hảo (bên trái)	xã Trường Long	c	2025-2027	674 - 24/02/25	1,100				1,100		1,000					1,000	
59	Tuyến GTNT Xã No Lô Đường - Cầu Trầu Hôi	Xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	696-27/02/25	18,850				18,850		7,402					7,402	
60	NCSC tuyến GTNT dọc theo sông Cầu Nhiêm (đoạn từ cầu Cây Dầu - nhà Ông Võ Văn Bé)	xã Nhơn Ái	c	2025-2027	611 - 18/02/25	1,100				1,100		1,000					1,000	
61	Tuyến GTNT Mương Điều (bên trái), xã Nhơn Nghĩa	Xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	692-27/02/25	14,200				14,200		5,789					5,789	
62	Tuyến GTNT Đình Thần - Tân Hưng	xã Giai Xuân	c	2025-2027	691-27/02/25	18,500				18,500		7,238					7,238	
63	Tuyến GTNT Xẻo Sơn (bên trái)	xã Trường Long	c	2025-2027	693-27/02/25	15,000				15,000		6,059					6,059	
64	Cầu Xẻo Sơn	xã Trường Long	c	2025-2027	912 - 13/3/25	15,000				15,000		6,059					6,059	
65	Cầu Xẻo Lá	xã Trường Long	c	2025-2027	913 - 13/3/5	10,300				10,300		5,503					5,503	
66	Gia có sứt lùn đoạn nhà Ông Ba Ngọt, ấp Nhơn Lộc 1, TT Phong Điền	TT PD	c	2025-2027	617 - 19/02/25	1,100				1,100		1,000					1,000	
67	Tuyến GTNT So Đũa (bên trái)	Xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	694-27/02/25	15,400				15,400		6,193					6,193	
68	Nâng cấp cải tạo hệ thống chiếu sáng công cộng tuyến tỉnh lộ 932 (đoạn Chợ Vàm Xăng đến Trầu Hôi) xã Nhơn Nghĩa	Xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	914 - 13/3/25	903				903		900					900	
69	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng năm 2025 trên địa bàn huyện	các xã - TT	c	2025-2027	915 - 13/3/25	4000				4,000		2,113					2,113	
70	Lắp đặt hệ thống chiếu sáng công cộng tuyến Quốc lộ 61C, xã Nhơn Nghĩa	xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	916 - 13/3/25	6000				6,000		4,400					4,400	
71	Tuyến GTNT Trầu Hôi (đoạn từ QL 61C - Ranh xã Thanh Xuân)	xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	618 - 19/02/25	1200				1,200		1,100					1,100	
72	NC tuyến GTNT Lung Sấu - Rạch Bà Cà	xã Giai Xuân	c	2025-2027	665 - 20/02/25	4300				4,300		4,100					4,100	
73	Nâng cấp tuyến lộ chợ xã Nhơn Nghĩa	xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	612 - 18/02/25	1100				1,100		1,000					1,000	
74	XD Cầu Ba Xoài	xã Nhơn Nghĩa	c	2025-2027	917 - 13/3/25	1100				1,100		1,000					1,000	
75	Nâng cấp tuyến GTNT từ Cầu Năm Hạng - Ba Dơi Lớn xã Giai Xuân	xã Giai Xuân	c	2025-2027	908 - 13/3/25	5540				5,540		5,489					5,489	
76	Xây dựng mở rộng Cầu Rạch Vinh	xã Mỹ Khánh	c	2025-2027	13388-28/4/2025	14468				14,468		5,959					5,959	
77	Xây dựng mở rộng Cầu Rạch Nhum	xã Mỹ Khánh	c	2025-2027	1382-25/4/2025	13692				13,692		6,139					6,139	
78	Xây dựng Cầu Ranh Lăng	xã Mỹ Khánh	c	2025-2027	993-20/3/2025	1146				1,146		1,200					1,200	
79	Xây dựng Cầu Vàm Rau Mui	xã Mỹ Khánh	c	2025-2027	1015-26/3/2025	1174				1,174		1,200					1,200	
(7)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Cờ Đỏ					660,931				660,931		458,592					458,592	
a	Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch				-	4,819				4,819	-	5,521					5,521	
*	Vốn quy hoạch				-	4,819				4,819	-	5,521					5,521	
1	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2025 huyện Cờ Đỏ	Cờ Đỏ	C	2024-2025	2039a/QĐ-UBND ngày 27/6/2024	4,819				4,819		5,521					5,521	
b	Vốn thực hiện dự án					656,112				656,112	-	453,071					453,071	
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng				-	352,669				352,669	-	297,025					297,025	
1	Trường Tiểu học Thới Đông 2	Thới Đông	C	2022-2024	314/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	44,935				44,935		37,500					37,500	
2	Trường Tiểu học Trung Thanh 4	Trung Thanh	C	04/2023 - 08/2024	315/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	32,944				32,944		31,400					31,400	
3	Trường Tiểu học Thới Xuân 2	Thới Xuân	C	2022-2024	313/QĐ-UBND ngày 21/01/2022	36,974				36,974		32,238					32,238	
4	Mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5	Cờ Đỏ	C	2024-2025	4055/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	16,955				16,955		16,500					16,500	
5	NCSC Trạm y tế xã Thới Xuân	Thới Xuân	C	2024-2026	3355/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	1,265				1,265		1,175					1,175	
6	NCSC Trạm y tế xã Trung Hưng	Trung Hưng	C	2024-2026	3356/QĐ-UBND ngày 14/10/2024	1,204				1,204		1,130					1,130	
7	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ô tô vào trung tâm xã Thới Hưng	Thới Hưng	B	2021-2024	8630/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	87,261				87,261		58,870					58,870	
8	Nâng cấp tuyến đường trục Công ty TNHH MTV Nông nghiệp Cờ Đỏ	Thanh Phú	C	04/4/2022- 16/05/2025	8631/QĐ-UBND ngày 14/10/2021	54,340				54,340		46,456					46,456	
9	Cầu kênh 200	Đông Hiệp	C	2024-2025	1034/QĐ-UBND ngày 5/4/2024	2,082				2,082		1,996					1,996	
10	Cầu kênh M	Thới Hưng	C	2024-2025	1452/QĐ-UBND ngày 15/5/2024	2,338				2,338		2,102					2,102	
11	Nâng cấp Đường GTNT tuyến kênh Xáng Bộ	Đông Thới	C	2024-2026	1033/QĐ-UBND ngày 05/4/2024	6,537				6,537		5,991					5,991	
12	Xây dựng Khu tái định cư ấp Thới Hòa B (giai đoạn 3)	Cờ Đỏ	C	2023-2025	7902/QĐ-UBND ngày 09/8/2023	22,559				22,559		19,678					19,678	
13	Lát gạch vỉa hè khu DCVL xã Đông Hiệp	Đông Hiệp	C	2024-2026	1485/QĐ-UBND ngày 22/05/2024	3,667				3,667		2,895					2,895	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú		
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương về cho vay lại	Dự phòng NSTW	NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài							
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài					Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính						
14	Lát gạch via hè khu DCVL xã Thanh Phú	Thanh Phú	C	2024-2026	1484/QĐ-UBND ngày 22/05/2024	4,717				4,717	3,767						3,767			
15	Lát gạch via hè khu DCVL xã Thới Đông	Thới Đông	C	2024-2026	1467/QĐ-UBND ngày 21/05/2024	4,010				4,010	3,646						3,646			
16	Thảm nhựa mặt đường khu DCVL xã Đông Hiệp	Đông Hiệp	C	2024-2026	3512/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	2,830				2,830	2,630						2,630			
17	Thảm nhựa mặt đường khu DCVL xã Thanh Phú	Thanh Phú	C	2024-2026	3511/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	4,548				4,548	4,080						4,080			
18	Thảm nhựa mặt đường khu DCVL xã Thới Đông	Thới Đông	C	2024-2026	3510/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	2,479				2,479	2,360						2,360			
19	Phủ bạt HDPE và xây dựng trạm biển áp khu xử lý chất thải rắn huyện Cờ Đỏ	Đông Thắng	C	2024-2026	3086/QĐ-UBND ngày 07/10/2024	1,106				1,106	1,003						1,003			
20	NCSC Trung tâm văn hóa - thể thao xã Thới Đông	Xã Thới Đông		2025-2026	440a/QĐ-UBND ngày 13/02/2025	1,253				1,253	1,198						1,198			
21	NCSC Trung tâm văn hóa - thể thao xã Thới Xuân	Xã Thới Xuân		02/2025 - 03/2025	439a/QĐ-UBND ngày 13/02/2025	1,167				1,167	1,088						1,088			
22	NCSC Trung tâm văn hóa - thể thao xã Thanh Phú	Xã Thanh Phú		18/02/2025- 18/03/2025	Số 441a/QĐ-UBND ngày 13/02/2025	1,212				1,212	1,131						1,131			
23	NCSC Trung tâm văn hóa - thể thao xã Trung Thạnh	Xã Trung Thạnh		2/2025-3/2025	616a/QĐ-UBND ngày 20/02/2025	741				741	717						717			
24	NCSC Trung tâm văn hóa - thể thao xã Đông Thắng	Xã Đông Thắng		02/2025 - 03/2025	569a/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	723				723	676						676			
25	NCSC Trung tâm văn hóa - thể thao xã Thới Hưng	Xã Thới Hưng		2025-2026	570a/QĐ-UBND ngày 19/02/2025	1,003				1,003	1,166						1,166			
26	NCSC Ban chi ủy Quận sự xã Trung Thạnh	Xã Trung Thạnh	C	2/2025-3/2025	613a/QĐ-UBND ngày 20/02/2025	715				715	680						680			
27	Xây dựng Trụ sở công an xã Trung An	Trung An	C	01/2024 - 01/2025	7909/QĐ-UBND ngày 11/8/2023	6,393				6,393	6,452						6,452			
28	Xây dựng Trụ sở công an xã Thới Đông	Thới Đông	C	2023-2025	7931/QĐ-UBND ngày 14/8/2023	6,711				6,711	5,500						5,500			
29	Cho vay hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm năm 2025	Cờ Đỏ		2025							3,000						3,000			
**	Dự án chuyển tiếp					52,568				52,568	0						48,556			
1	Đường GTNT tuyến kênh Đứng Bờ Nam (đoạn giúp xã Đông Thắng)	Đông Hiệp	C	2023-2025	3650/QĐ-UBND ngày 06/11/2024	10,060				10,060	7,620						7,620			
2	Đường GTNT tuyến kênh Thom Rom (Bên phải)	Cờ Đỏ	C	2024-2026	1486/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	10,910				10,910	10,701						10,701			
3	Cầu Số 4	Thới Xuân	C	2024-2026	2732/QĐ-UBND ngày 30/8/2024	10,961				10,961	10,080						10,080			
4	Thảm nhựa mặt đường, lát gạch via hè khu DCVL Ba Đả	Trung Hưng	C	2024-2026	3509/QĐ-UBND ngày 30/10/2024	7,551				7,551	6,620						6,620			
5	Thảm nhựa mặt đường, lát gạch via hè khu DCVL xã Trung Hưng	Trung Hưng	C	2024-2026	3775/QĐ-UBND ngày 13/11/2024	6,933				6,933	6,935						6,935			
6	Thảm nhựa mặt đường, lát gạch via hè khu DCVL xã Trung Thạnh	Trung Thạnh	C	2024-2026	3776/QĐ-UBND ngày 13/11/2024	6,153				6,153	6,600						6,600			
***	Dự án khởi công mới					250,875				250,875	0						107,490			
1	Xây dựng các Phòng chức năng và NCSC Trường THCS thị trấn Cờ Đỏ	Thị trấn Cờ Đỏ	C	2025-2027	1736/QĐ-UBND ; 13/5/2025	27,479				27,479	8,611						8,611			
2	Xây dựng Hệ thống PCCC các Trường Mầm non thuộc xã (Trung Thạnh, Trung An, Thạnh Phú, Thới Hưng)	Huyện Cờ Đỏ	C	2025-2027	2547/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	8,626				8,626	6,805						6,805			
3	Xây dựng Hệ thống PCCC các Trường Mầm non thuộc xã (Đông Hiệp, Đông Thắng, Thới Xuân, Thới Đông)	Huyện Cờ Đỏ	C	2025-2027	2548/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	8,213				8,213	6,805						6,805			
4	Xây dựng các Phòng chức năng và NCSC Trường THCS Trung Hưng	Xã Trung Hưng	C	2025-2027	1737/ QĐ-UBND ngày 13/5/2025	28,533				28,533	9,513						9,513			
5	Xây dựng các Phòng chức năng và NCSC Trường Tiểu học Thới Hưng 1	Xã Thới Hưng	C	2025-2027	Số 1676/QĐ-UBND ngày 08/5/2025	22,347				22,347	7,300						7,300			
6	Đường GTNT tuyến kênh KH6	Đông Hiệp	C	2025-2027	2455/QĐ-UBND; ngày 09/6/2025	17,050				17,050	6,136						6,136			
7	Nâng cấp đường GTNT tuyến Thom Rom	Xã Trung Thạnh - Xã Trung Hưng	C	2025-2027	1444/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	14,879				14,879	4,823						4,823			
8	Nâng cấp đường GTNT tuyến Lấp Vò - Bắc Đường (cấp Sông Xáng Thốt Nốt)	Xã Trung Thạnh	C	2025-2027	2293/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	8,699				8,699	3,795						3,795			
9	Nâng cấp đường GTNT tuyến Bắc Đường - Sinh Cầu	Xã Trung Thạnh	C	2025-2027	2294/QĐ-UBND ngày 30/5/2025	10,164				10,164	3,332						3,332			
10	Nâng cấp thảm nhựa mặt đường (đoạn từ Khu dân cư xã Trung Thạnh đến cầu Bắc Đường)	Xã Trung Thạnh	C	2025-2027	1598/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	7,686				7,686	5,565						5,565			
11	Đường GTNT tuyến Kênh KH3 (Bên phải)	Xã Thới Đông	C	2025-2027	1599/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	13,595				13,595	4,824						4,824			
12	Đường GTNT tuyến Kênh Số 3 (Bên phải)	Xã Thới Đông	C	2025-2027	1529/QĐ-UBND ngày 25/4/2025	22,806				22,806	8,883						8,883			
13	Đường GTNT tuyến Kênh Thầy Tám (Bên phải)	Xã Thới Đông	C	2025-2027	2646/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	14,879				14,879	4,824						4,824			
14	Cầu Kênh 200 - xã Thới Xuân	Xã Thới Xuân	C	2025-2027	1634/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	2,457				2,457	2,278						2,278			
15	Nâng cấp đường GTNT tuyến Kênh Số 4	Xã Thới Xuân	C	2025-2027	1443/QĐ-UBND ngày 24/4/2025	6,335				6,335	3,449						3,449			
16	Xây dựng Cầu Trạm y tế xã Thanh Phú	Xã Thanh Phú	C	2025-2027	2647/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	7,471				7,471	3,699						3,699			
17	Hệ thống thoát nước, via hè Trung tâm xã Đông Thắng (đoạn từ Trường Mầm non đến UBND xã)	Xã Đông Thắng	C	2025-2027	2519/QĐ-UBND ngày 12/6/2025	2,278				2,278	2,740						2,740			
18	Đường GTNT tuyến Kênh Tư Pho	Xã Đông Hiệp	C	2025-2027	1630/QĐ-UBND ngày 07/5/2025	4,106			34/13	4,106	2,584						2,584			

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
19	Đường GTNT tuyến Kênh Lông Ông (ấp Thới Hòa - thị trấn Cờ Đỏ)	Thị trấn Cờ Đỏ	C	2025-2027	2459/QĐ-UBND ngày 10/6/2025	8,654				8,654	3,666						3,666						
20	Xây dựng Cầu Kênh Đứng và Đường nối đến Kênh Thơm Rom	Thị trấn Cờ Đỏ	C	2025-2027	2648/QĐ-UBND ngày 17/6/2025	9,643				9,643	3,102						3,102						
21	Hệ thống chiếu sáng công cộng Đường ô tô vào trung tâm xã Thới Hưng	Xã Thới Hưng	C	2025-2027	1174/QĐ-UBND ngày 26/3/2025	4,975				4,975	4,756						4,756						
(8)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Thới Lai					644,349				644,349	594,644						594,644						
a	Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch					16,435				16,435	8,970						8,970						
1	Hệ thống Camera giám sát an ninh trật tự trên địa bàn huyện Thới Lai (giai đoạn 1)	Huyện Thới Lai	C	CBĐT năm 2025		4,400				4,400	-	10					10						
2	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Thới Lai	Huyện Thới Lai	C	2024-2025	774, ngày 28/6/2024	3,262				3,262	-	2,860					2,860						
3	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới xã Đông Thuận, huyện Thới Lai	Xã Đông Thuận	C	2024-2025		2,121				2,121	-	1,470					1,470						
4	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu đô thị mới, thương mại, dịch vụ thể thao và vui chơi giải trí	Huyện Thới Lai	C	2024-2025		2,651				2,651	-	1,840					1,840						
5	Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 Khu công viên nghỉa trang	Huyện Thới Lai	C	2024-2025		2,098				2,098	-	1,460					1,460						
6	Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Cụm công nghiệp Thới Lai	Huyện Thới Lai	C	2024-2025		1,114				1,114	-	780					780						
7	Quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn 12 xã, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	Huyện Thới Lai	C	2024-2025		495				495	-	340					340						
8	Quy chế quản lý kiến trúc Thị trấn Thới Lai, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ	Thị trấn Thới Lai	C	2024-2025		295				295	-	210					210						
b	Vốn thực hiện dự án					627,914				627,914	-	585,674					585,674						
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng					291,382				291,382	-	276,379					276,379						
1	Xây dựng trường tiểu học Thới Tân 1 (Giai đoạn 2)	xã Thới Tân	C	18/11/2023-18/4/2024	1091, ngày 6/5/2021	4,939				4,939	-	6,404					6,404						
2	Xây dựng trường tiểu học Trường Xuân 2	xã Trường Xuân	C	KC: 25/12/2021 HT: 16/6/2023	1552, ngày 31/5/2021	14,658				14,658	-	13,193					13,193						
3	Nâng cấp mở rộng trường tiểu học Đông Bình 3	xã Đông Bình	C	KC: 15/9/2022 HT: 5/2024	3334, ngày 30/11/2021	14,990				14,990	-	13,500					13,500						
4	Tuyến đường Kênh KH7 (bên phải)	xã Đông Thuận	C	20/05/2022 - 18/01/2023	3056/QĐ-UBND ngày 18/11/2021	14,788				14,788	-	14,600					14,600						
5	Tuyến cầu Kênh KH7 (bên trái)	xã Trường Xuân, Trường Xuân B, Trường Xuân A	C	Ngày 14/7/2022 - 12/03/2023	Số 4212/QĐ-UBND Ngày 29/10/2018	8,842				8,842	-	8,524					8,524						
6	Nâng cấp 07 trụ sở công an xã trên địa bàn huyện Thới Lai Hạng mục: Hệ thống cấp nước chữa cháy và cầu thang thoát nạn	huyện Thới Lai	C	25/7/2022-07/8/2023	2965/QĐ-UBND 26/10/2021	4,559				4,559	-	4,196					4,196						
7	Sửa chữa trường tiểu học Trường Thắng	xã Trường Thắng	C	3/2024-01/2025	5698/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	9,096				9,096	-	9,910					9,910						
8	Sửa chữa trường trung học cơ sở Trường Thành 1	xã Trường Thành	C	12/6/2023-2/10/2023	3129/QĐ-UBND 01/10/2022	2,835				2,835	-	2,344					2,344						
9	Xây dựng 04 phòng học trường mầm non Tân Thạnh (điểm Thới Khánh)	xã Tân Thạnh	C	9/2023-4/2024	3581A/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	6,928				6,928	-	6,311					6,311						
10	Sửa chữa Trường tiểu học Thới Thạnh	xã Thới Thạnh	C	27/11/2023-09/3/2024	3579A, ngày 30/11/2022	3,448				3,448	-	3,159					3,159						
11	Trường tiểu học Trường Xuân 2 (giai đoạn 2)	xã Trường Xuân	C	KC: 25/12/2024 HT: 12/02/2025	3535 ngày 28/11/2022	14,807				14,807	-	13,338					13,338						
12	Nâng cấp sửa chữa trường tiểu học Thới Tân 2	xã Thới Tân	C	KC: 15/08/2023 HT: 02/01/2024	Số 3529 29/11/2022	3,819				3,819	-	3,763					3,763						
13	Xây dựng hồ bơi trường tiểu học Trường Xuân B	xã Trường Xuân B	C	KC: 30/06/2023 HT: 30/10/2023	Số 3284 01/11/2022	997				997	-	954					954						
14	Mua sắm trang thiết bị phục vụ thay sách các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (giai đoạn 3)	huyện Thới Lai	C	24/11/2023-10/4/2024	Số 391 ngày 03/07/2023	12,546				12,546	-	13,183					13,183						
15	Trang thiết bị dạy học các Trường Mầm non, Trường Tiểu học và Trường trung học cơ sở	Huyện Thới Lai	C	22/11/2023-16/06/2024	Số 418, 11/07/2023	10,999				10,999	-	11,982					11,982						
16	Xây dựng hệ thống PCCC trường MN Tuổi Thơ	Xã Đông Thuận	C	25/10/2023-20/12/2023	3538/QĐ-UBND 28/11/2022	1,929				1,929	-	1,805					1,805						
17	Nâng cấp mở rộng trường tiểu học Đông Thuận	xã Đông Thuận	C	30/11/2023-28/5/2024	5262/QĐ-UBND 16/10/2023	2,243				2,243	-	2,014					2,014						
18	Tuyến đường bê tông Vàm Mười Thuộc giáp Trường Xuân	xã Thới Tân	C	Ngày 14/7/2023 - 12/03/2024	3542/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	12,208				12,208	-	10,519					10,519						
19	Tuyến đường bê tông Bà Đầm (bên phải)	xã Trường Xuân	C	05/09/2023 - 03/05/2024	2429A/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	9,882				9,882	-	8,898					8,898						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú				
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW	Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP	NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Vốn trong nước						Vốn nước ngoài	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài				Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài														
20	Tuyến đường bê tông Bốn Thước	xã Thới Tân	C	Ngày 01/6/2023 - 29/01/2024	3445/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	7,516				7,516	-	7,287						7,287				
21	Tuyến cầu, đường kênh số 7 (bên phải)	xã Trường Xuân B	C	22/9/2023- 20/5/2024	3437 ngày 18/11/2022	10,459				10,459	-	11,281						11,281				
22	Nâng cấp tuyến đường từ ngã tư Nhà Thờ đến khu di tích Ông Đưa	xã Định Môn	C	14/6/2023-- 08/03/2024	Số 3575A/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	10,470				10,470	-	9,430						9,430				
23	Tuyến cầu kênh KH5	Xã Đông Bình	C	Ngày 7/4/2023 - 5/12/2023	3444/QĐ-UBND ngày 21/11/2022	4,440				4,440	-	3,956						3,956				
24	Tuyến cầu, đường 4m Lò Mo - KH8	Xã Trường Thành	C	30/6/2023-- 06/5/2024	Số 2930A/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	11,440				11,440	-	10,300						10,300				
25	Tuyến đường Rạch Nhum (Bên Phải)	xã Thới Thạnh	C	Ngày 7/12/2023 - 5/8/2024	3437/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	14,760				14,760	-	13,278						13,278				
26	Di dời trụ điện trung thế rạch Bông Giếng	xã Trường Thành	C	11/11/2023-- 06/12/2023	Số 3329/QĐ-UBND ngày 08/11/2022	256				256	-	354						354				
27	Nâng cấp sửa chữa một cửa Ủy ban nhân dân huyện	thị trấn Thới Lai	C	05/7/2023- 25/8/2023	3530/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	944				944	-	825						825				
28	Cải tạo trung tâm chính trị huyện Thới Lai	thị trấn Thới Lai	C	KC: 12/10/2023 HT: 29/4/2023	3532 ngày 28/11/2022	7,655				7,655	-	6,920						6,920				
29	Sửa chữa trụ sở Huyện ủy Thới Lai	thị trấn Thới Lai	C	KC: 25/10/2023 HT: 24/12/2023	4940/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	1,133				1,133	-	1,037						1,037				
30	Nâng cấp sửa chữa Trụ sở Đội cảnh sát phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ Công an huyện Thới Lai	thị trấn Thới Lai	C	KC: 15/12/2023 HT: 01/5/2024	5351/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	2,638				2,638	-	2,375						2,375				
31	Nâng cấp mở rộng Trường tiểu học Đông Bình 3 (Giai đoạn 2)	xã Đông Bình	C	KC: 27/8/2024 HT: 22/4/2025	5700 ngày 17/11/2023	10,524				10,524	-	11,980						11,980				
32	Trường tiểu học Trường Xuân 2 (Giai đoạn 3)	xã Trường Xuân	C	KC: 13/12/2024 HT: 06/6/2025	5683 ngày 15/11/2023	4,206				4,206	-	3,963						3,963				
33	Hệ thống phòng cháy chữa cháy trường tiểu học Thới Thanh	xã Thới Thanh	C	20/6/2024- 30/8/2024	5649/QĐ-UBND 13/11/2023	1,160				1,160	-	1,080						1,080				
34	Nâng cấp mở rộng trường tiểu học Trường Xuân A	xã Trường Xuân A	C	25/3/2024- 25/4/2025	5736/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	8,091				8,091	-	7,270						7,270				
35	Xây dựng nhà xe giáo viên, sân, hệ thống thoát nước, hồ nước PCCC Trường tiểu học thị trấn Thới Lai I	TT Thới Lai	C	KC: 07/12/2024 HT: 28/03/2025	Số 799 04/07/2024	663				663	-	900						900				
36	Tuyến cầu, đường Cồn Chen - Đồng pháp	thị trấn Thới Lai	C	26/03/2024 - 22/11/2024	5733/QĐ-UBND ngày 21/11/2023	9,470				9,470	-	7,934						7,934				
37	Tuyến đường bê tông kênh Xẻo Sào (bên phải)	thị trấn Thới Lai	C	14/08/2024 - 12/02/2025	5727/QĐ-UBND ngày 17/11/2023	5,581				5,581	-	4,480						4,480				
38	Tuyến đường bê tông Xóm Mỹ	TT Thới Lai	C	05/11/2024-- 11/02/2025	Số 488/QĐ-UBND ngày 24/4/2024	1,960				1,960	-	1,560						1,560				
39	Nâng cấp vỉa hè đường chợ Thới Lai	TT. Thới Lai	C	06/12/2024-- 06/01/2025	Số 798/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	577				577	-	505						505				
40	Kê gia cố chống sạt lở tuyến kênh Đồng Pháp	Xã Thới Tân	C	05/12/2024-- 10/01/2025	Số 797/QĐ-UBND ngày 04/7/2024	431				431	-	375						375				
41	Nâng cấp sửa chữa các nhà văn hóa ấp xã Trường Xuân và công cháo	xã Trường Xuân	C	KC: 10/6/2024 HT: 09/9/2024	5666 ngày 14/11/2023	912				912	-	834						834				
42	Nâng cấp sửa chữa các nhà văn hóa ấp xã Thới Thanh	xã Thới Thanh	C	11/06/2024- 04/07/2024	Số 5664/QĐ-UBND; 14/11/2023	1,090				1,090	-	1,016						1,016				
43	Sửa chữa trung tâm VH TT và đền thờ liệt sĩ thị trấn Thới Lai	thị trấn Thới Lai	C	19/4/2024- 27/6/2024	5362/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	1,133				1,133	-	1,224						1,224				
44	Sửa chữa trụ sở UBND xã Đông Bình	xã Đông Bình	C	17/6/2024- 24/8/2024	5669, ngày 15/11/2023	957				957	-	900						900				
45	Sửa chữa trụ sở UBND xã Trường Xuân A	xã Trường Xuân A	C	6/2024-8/2024	5670/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	974				974	-	900						900				
46	Sửa chữa trụ sở UBND thị trấn Thới Lai	thị trấn Thới Lai	C	8/2/2024- 07/5/2024	5645/QĐ-UBND 10/11/2024	990				990	-	928						928				
47	Nâng cấp sửa chữa các hạng mục hiện trạng và trang thiết bị Công an thị trấn Thới Lai	thị trấn Thới Lai	C	KC: 24/5/2024 HT: 28/6/2024	5710 ngày 21/11/2023	1,163				1,163	-	1,080						1,080				
48	Sửa chữa Hội Trường huyện ủy Thới Lai	TT Thới Lai	C	22/10/2024- 11/2/2025	972/QĐ-UBND 16/8/2024	4,334				4,334	-	3,905						3,905				
49	Sửa chữa trạm y tế xã Tân Thạnh, trạm y tế xã Định Môn	Xã Tân Thạnh, Định Môn	C	16/02/2025- 08/4/2025	851,ngày 11/9/2024	927				927	-	880						880				
50	Sửa chữa đền thờ Châu Văn Liêm	Xã Thới Thạnh	C	KC: 21/2/2025 HT: 11/4/2025	1534/QĐ-UBND ngày 21/11/2024	1,156				1,156	-	960						960				
51	Sửa chữa trụ sở UBND - HĐND huyện Thới Lai	thị trấn Thới Lai	C	2/1/2025- 18/2/2025	4676/QĐ-UBND 05/12/2024	1,172				1,172	-	960						960				
52	Trang thiết bị Trung tâm chính trị huyện Thới Lai	TT. Thới Lai	C	05/03/2025- 20/03/2025	Số 1595/QĐ-UBND; 28/11/2024	774				774	-	700						700				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú			
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương về cho vay lại	Dự phòng NSTW	NSDP					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại			Vốn trong nước	Vốn nước ngoài								
53	Sửa chữa trụ sở công an huyện	Xã Tân Thanh	C	02/1/2025-7/3/2025	1675/QĐ-UBND 5/12/2024	1,073				1,073	-	960					960				
54	Nâng cấp sửa chữa công chào các xã trên địa bàn huyện	huyện Thới Lai	C	2022	3407A ngày 07/12/2021	1,176				1,176	-	1,033					1,033				
55	Nâng cấp sửa chữa các nhà văn hóa ấp xã Tân Thanh	xã Tân Thanh	C	2022	1893 ngày 21/6/2022	700				700	-	660					660				
56	Nâng cấp sửa chữa các nhà văn hóa ấp xã Xuân Thắng	xã Xuân Thắng	C	2022	1862 ngày 16/6/2022	605				605	-	571					571				
57	Nâng cấp sửa chữa các nhà văn hóa ấp xã Trường Xuân A	xã Trường Xuân A	C	2022	1861 ngày 16/6/2022	999				999	-	980					980				
58	Chính lý tài liệu lưu trữ các xã, thị trấn	Huyện Thới Lai	C	2024-2025	5799 ngày 01/12/2023	2,362				2,362	-	2,200					2,200				
**	Dự án chuyển tiếp					244,314				244,314	-	228,885					228,885				
1	Xây dựng trường tiểu học thị trấn Thới Lai 2	TT. Thới Lai	C	2021-2025	Số 3333 02/12/2021	14,913				14,913	-	10,486					10,486				
2	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên huyện Thới Lai	TT. Thới Lai	C	KC: 04/09/2024 HT: 22/01/2026	5699 ngày 17/11/2023	14,940				14,940	-	13,000					13,000				
3	Nâng cấp Trường tiểu học Định Môn 1	xã Định Môn	C	24/12/2024-14/12/2025	số 5704/QĐ-UBND; 20/11/2023	14,490				14,490	-	12,980					12,980				
4	Nâng cấp Trường trung học cơ sở Đồng Thuận	xã Đồng Thuận	C	26/8/2024-28/5/2025	5697, ngày2/11/2023	9,803				9,803	-	11,980					11,980				
5	Nâng cấp Trường trung học cơ sở Trường Xuân	xã Đồng Thuận	C	18/9/2024	5696 ngày 16/11/2023	14,029				14,029	-	12,630					12,630				
6	Tuyến Bạy Ngăn (bên trái)	xã Trường Xuân A	C	16/12/2024--22/10/2025	Số 5683/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	20,004				20,004	-	18,480					18,480				
7	Tuyến đường bê tông dôi Bà Đầm - Thị Đới	thị trấn Thới Lai	C	05/11/2024--21/03/2025 (gia hạn đến 30/6/2025)	Số 5079/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	4,655				4,655	-	4,000					4,000				
8	Tuyến cầu, đường Rạch Tra (bên phải)	xã Thới Thanh, xã Định Môn	C	Ngày 11/9/2024 đến ngày 9/5/2025	5729/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	13,630				13,630	-	11,420					11,420				
9	Tuyến đường bê tông Kênh Lầu Cây Mít - KH7 (bên phải)	xã Đồng Bình	C	06/11/2024 - 12/9/2025	5730/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	17,167				17,167	-	15,400					15,400				
10	Tuyến đường bê tông Kênh 5 (bên trái)	xã Đồng Bình	C	24/12/2024-30/11/2025	5731/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	26,627				26,627	-	23,910					23,910				
11	Tuyến đường bê tông kênh Tư Kỳ (bên phải)	xã Trường Xuân	C	Ngày 25/10/2024 đến ngày 23/6/2025	5731/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	14,895				14,895	-	14,350					14,350				
12	Tuyến cầu rạch Ông Chủ (bên trái)	Xã Tân Thanh	C	2024-2025	793 ngày 03/7/2024	13,131				13,131	-	12,000					12,000				
13	Kê chống sạt lở và di dời trụ điện tuyến Tân Thanh - thị trấn Thới Lai - Thới Tân	Xã Tân Thanh, xã Thới Tân, thị trấn Thới Lai	C	2024-2025	782 ngày 01/7/2024	1,017				1,017	-	950					950				
14	Trường trung học cơ sở Trường Thắng	Xã Trường Thắng	C	KC: 25/12/2024 HT: 12/02/2025	810 ngày 04/9/2024	65,014				65,014	-	67,299					67,299				
***	Dự án khởi công mới					73,558				73,558	-	66,190					66,190				
1	Xây dựng hệ thống phòng cháy chữa cháy các trường mầm non đạt chuẩn quốc gia	huyện Thới Lai	C	2025	1544 ngày 25/11/2024	1,943				1,943	-	1,540					1,540				
2	Nâng cấp mở rộng trường trung học cơ sở thị trấn Thới Lai	thị trấn Thới Lai	C	2025-2026	Số 1667 04/12/2024	14,367				14,367	-	12,930					12,930				
3	Sửa chữa trường tiểu học Định Môn 2	xã Định Môn	C	26/5/2025	1541/QĐ-UBND 22/11/2024	3,054				3,054	-	3,500					3,500				
4	Mua sắm trang thiết bị phục vụ thay sách các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (giai đoạn 4)	huyện Thới Lai	C	2025-2026	Số: 230/QĐ-BQLDA&PTQĐ; 23/5/2025	13,453				13,453	-	12,300					12,300				
5	Sửa chữa trường tiểu học Trường Xuân B	xã Trường Xuân B	C	2025	Số 1677/QĐ-UBND ngày 5/12/2024	3,804				3,804	-	3,500					3,500				
6	Sửa chữa trường tiểu học Xuân Thắng	xã Xuân Thắng	C	2025	Số 1588/QĐ-UBND ngày 26/11/2024	4,800				4,800	-	4,200					4,200				
7	Nâng cấp mở rộng trường tiểu học Trường Xuân 1	Xã Trường Xuân	C	2025-2026	Số 5704/QĐ-UBND; 20/11/2023	14,490				14,490	-	12,930					12,930				
8	Tuyến đường KH7 (bên phải) (GD2)	Xã Đồng Thuận	C	24/6/2025-30/4/2026	1573/QĐ-UBND ngày 27/11/2024	6,947				6,947	-	6,240					6,240				
9	Tuyến đường Vàm Đình Rạch Đình (GD2)	TT. Thới Lai	C	06/6/2025-12/4/2026	1584/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	3,939				3,939	-	3,220					3,220				
10	Xây dựng cầu Trà Keo và di dời lưới điện tuyến Rạch Nhum	Xã Thới Thanh	C	2025	1580 ngày 28/11/2024	2,620				2,620	-	1,830					1,830				
11	Chuyển đổi số lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo huyện Thới Lai (Giai đoạn 1)	Huyện Thới Lai	C	2025-2026	1424/QĐ-UBND 8/11/2024	4,142				4,142	-	4,000					4,000				
****	Công trình dừng thực hiện					18,660				18,660	-	14,220					14,220				
1	Sửa chữa trụ sở trung tâm văn hóa thể thao huyện	huyện Thới Lai	C	tạm dừng	5710 ngày 21/11/2023	1,693				1,693	-	1,600					1,600				
2	Xây dựng công chào thị trấn Thới Lai	thị trấn Thới Lai	C	tạm dừng	1517, ngày 18/11/2024	751				751	-	1,200					1,200				
3	Các công chào huyện nông thôn mới nâng cao	Huyện Thới Lai	C	tạm dừng	1534, ngày 22/11/2024	4,675				4,675	-	3,510					3,510				
4	Xây dựng trụ sở công an xã Trường Thắng	xã Trường Thắng	C	tạm dừng	Số 1690/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	9,638			37/13	9,638	-	6,310					6,310				

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025					Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính		NSDP	
5	Sửa chữa cơ quan quân sự xã Thới Tân	xã Thới Tân	C	tạm dừng	1589, ngày2/11/2024	941				941	-	800					800	
6	Sửa chữa trụ sở công an xã Xuân Thắng	xã Xuân Thắng	C	tạm dừng	Số 1690/QĐ-UBND ngày 05/12/2024	964				964	-	800					800	
(9)	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Vĩnh Thạnh					1,005,513				1,005,513	2,061	616,194					616,194	
a	Vốn chuẩn bị đầu tư, vốn quy hoạch					12,272				12,272	1,058	10,354					10,354	
1	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Vĩnh Thạnh, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.	TT Vĩnh Thạnh	C	2021-2025	số 1796 31/8/2020	2,767				2,767	500	1,990					1,990	
2	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thanh An, huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.	Xã Thanh An	C	2021-2025	Số 1794 31/8/2020	3,320				3,320	558	2,409					2,409	
3	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết trung tâm hành xã Thạnh Lộc	Xã Thanh Lộc	C	2024-2025	Số 5682 07/12/2023	407				407	0	367					367	
4	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết trung tâm hành xã Vĩnh Bình	Xã Vĩnh Bình	C	2024-2025	Số 5683 07/12/2023	326				326	0	352					352	
5	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết trung tâm hành xã Thanh Mỹ	Xã Thanh Mỹ	C	2024-2025	Số 5684 07/12/2023	408				408	0	403					403	
6	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết trung tâm hành xã Vĩnh Trinh	Xã Vĩnh Trinh	C	2024-2025	Số 5685 07/12/2023	274				274	0	309					309	
7	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết trung tâm hành xã Thạnh Quới	Xã Thạnh Quới	C	2024-2025	Số 5686 07/12/2023	468				468	0	462					462	
8	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết trung tâm hành xã Thạnh Tiến	Xã Thạnh Tiến	C	2024-2025	Số 5687 07/12/2023	400				400	0	395					395	
9	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết trung tâm hành xã Thanh An	Xã Thanh An	C	2024-2025	Số 5688 07/12/2023	376				376	0	367					367	
10	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết trung tâm hành xã Thạnh Thắng	Xã Thạnh Thắng	C	2024-2025	Số 5689 07/12/2023	342				342	0	353					353	
11	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết trung tâm hành xã Thạnh Lợi	Xã Thạnh Lợi	C	2024-2025	Số 5690 07/12/2023	276				276	0	338					338	
12	Lập điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất huyện Vĩnh Thạnh	huyện Vĩnh Thạnh	C	2024-2025	2758/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2024	2,908				2,908		2,609					2,609	
b	Vốn thực hiện dự án					993,240				993,240	1,003	605,840					605,840	
*	Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng																	
**	Dự án chuyển tiếp																	
***	Dự án khởi công mới					978,740				978,740	1,003	605,310					605,310	
1	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 916 (từ QL 80 đến ngã ba Thanh Lợi)	Xã Thanh Lợi	B	2021-2024	7818/QĐ-UBND ngày 28/10/2021	92,771				92,771	788	82,132					82,132	
2	Nâng cấp mở rộng Đường kênh C1 (phía C giáp B) thị trấn Thanh An - xã Thanh Lợi	Xã Thanh Lợi	C	2021-2023	8496/QĐ-UBND ngày 31/12/2021	59,676				59,676		49,908					49,908	
3	Đường kênh Láng Sen (bờ phải) (bờ phải theo hướng từ Thanh Quới xuống) từ UBND xã Thanh Quới - Cầu Láng Chìm)	Xã Thanh Quới	C	2023-2025	2192/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023	14,642				14,642		11,777					11,777	
4	Nâng cấp mở rộng Đường kênh F1 (phía F giáp G) xã Thanh An	Xã Thanh An	C	2023-2025	801/QĐ-UBND ngày 29 tháng 02 năm 2024	14,994				14,994		14,500					14,500	
5	Nâng cấp mở rộng Đường T7 (đoạn từ UBND xã Thạnh Lộc - Quốc Lộ 80)	Xã Thạnh Lộc	C	2023-2025	1687/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2024	34,954				34,954		25,040					25,040	
6	Nâng cấp, mở rộng đường Kênh Bồn Tổng	TT Vĩnh Thạnh	C	2023-2025	8156/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	20,000				20,000		8,030					8,030	
7	Đường vào Trung tâm hành chính thị trấn Vĩnh Thạnh	TT Vĩnh Thạnh	B	2023-2026	18/NQ-HĐND ngày15/11/2024	170,494				170,494		25,030					25,030	
8	Tuyến nối từ đoạn 1,6 km đến ranh huyện Thoại Sơn, An Giang	Xã Thạnh Lợi	C	2023-2025	773/QĐ-UBND ngày 26/02/2025 (Đc)	11,500				11,500		5,030					5,030	
9	Sửa chữa Bệnh viện đa khoa huyện	TT Vĩnh Thạnh	C	2023-2025	2980/QĐ-UBND ngày 09/08/2024	17,259				17,259		14,930					14,930	
10	Dự án Kè chống sạt lở trên tuyến kênh Cái Sắn (bờ bắc) những đoạn sạt lở thuộc địa bàn các xã, thị trấn	huyện Vĩnh Thạnh	C	2022-2024	2340/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2022	11,297				11,297		10,415					10,415	
11	Mở rộng, sửa chữa Trường Tiểu học thị trấn Thanh An 1 (điểm áp Phụng Quới A)	TT Thanh An	C	2021-2023	1906/QĐ-UBND ngày 22/6/2021	21,469				21,469	177	19,297					19,297	
12	Sửa chữa, mua sắm thiết bị Trường mầm non Vĩnh Bình	Xã Vĩnh Bình	C	2021-2023	7959A/QĐ-UBND ngày 10/11/2021	1,732				1,732	38	1,462					1,462	
13	Thiết bị dạy học tối thiểu lớp 4 - lớp 8	huyện Vĩnh Thạnh	C	2023-2025	2871/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	6,712				6,712		3,460					3,460	
14	Thiết bị tối thiểu lớp 5 - lớp 9	huyện Vĩnh Thạnh	C	2023-2025	8142/QĐ-UBND ngày 03/12/2021	20,000				20,000		6,325					6,325	
15	Trường Tiểu học TT Tr Vĩnh Thạnh	TT Vĩnh Thạnh	C	2023-2025	706/QĐ-UBND ngày 25/04/2025	70,720				70,720		22,017					22,017	
16	Trường Mầm non TT Tr Thạnh An	TT Thanh An	C	2023-2025	Số: 620/QĐ-UBND ngày 23/4/2025	57,033				57,033		17,982					17,982	
17	Nâng cấp, mở rộng Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Thanh Lợi	Xã Thanh Lợi	C	2023-2025	2191/QĐ-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2023	22,600				22,600		21,700					21,700	
18	Nâng cấp, mở rộng Trường trung học cơ sở Vĩnh Bình	Xã Vĩnh Bình	C	2023-2025	1632/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2023	14,410				14,410		14,395					14,395	
19	Trường TH Thanh Quới 1 (điểm trung tâm); Hạng mục: 05 phòng học, 10 phòng chức năng	Xã Thanh Quới	C	2023-2025	2088/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024	15,869				15,869		13,347					13,347	
20	Trường Mầm non Thanh Quới (điểm trung tâm); Hạng mục: 02 phòng học, 03 phòng chức năng	Xã Thanh Quới	C	2024-2025	4232/QĐ-UBND 24/10/2024	5,334				5,334		4,962					4,962	
21	Mua sắm thiết bị cho các trường Mầm non trên địa bàn huyện	huyện Vĩnh Thạnh	C	2024-2025	2408/QĐ-UBND ngày 08/7/2024	23,486				23,486		17,540					17,540	
22	Sửa chữa Trường Tiểu học Thanh Thắng (4 điểm trường)	Xã Thạnh Thắng	C	2022-2024	143/QĐ-UBND ngày 19/03/2025	3,952			38/13	3,952		3,830					3,830	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú					
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT						NSTW		Bội chi Ngân sách địa phương		Dự phòng NSTW	NSDP						
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW		Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP		Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Chính phủ vay về cho vay lại	Nguồn vốn Trái phiếu Chính								
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài															
23	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Trường Mầm non thị trấn Vĩnh Thạnh	TT Vĩnh Thạnh	C	2025-2027	150/QĐ-UBND ngày 19/03/2025	29,775				29,775		7,500					7,500						
24	Nâng cấp, cải tạo, mở rộng Trường THCS Thanh Tiến	Xã Thanh Tiến	C	2025-2027	145/QĐ-UBND ngày 19/03/2025	7,480				7,480		7,000					7,000						
25	Sửa chữa Trường Tiểu học Vĩnh Trinh 1	Xã Vĩnh Trinh	C	2025-2027	Số: 960/QĐ-UBND ngày 13/5/2025	14,638				14,638		12,500					12,500						
26	Sửa chữa Trường Tiểu học Vĩnh Trinh 3	Xã Vĩnh Trinh	C	2025-2027	144/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	4,390				4,390		4,200					4,200						
27	Sửa chữa Trường Tiểu học Thạch Lộc 1	Xã Thanh Lộc	C	2025-2027	Số: 146/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	4,446				4,446		4,500					4,500						
28	Sửa chữa Trường Tiểu học Thạnh Mỹ	Xã Thạnh Mỹ	C	2025-2027	Số: 158/QĐ-UBND ngày 20/3/2026	4,494				4,494		4,500					4,500						
29	Sửa chữa Trường Tiểu học Thạnh Quới 1	Xã Thạnh Quới	C	2025-2027	229/QĐ-UBND ngày 25/03/2025	6,456				6,456		5,800					5,800						
30	Sửa chữa Trường Tiểu học Thanh Tiến	Xã Thanh Tiến	C	2025-2027	154/QĐ-UBND ngày 19/03/2025	7,245				7,245		7,000					7,000						
31	Mua sắm thiết bị khối Tiểu học và Trung học cơ sở	huyện Vĩnh Thạnh	C	2025-2027	154/QĐ-UBND ngày 19/3/2025	25,404				25,404		23,239					23,239						
32	Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Bình	Xã Vĩnh Bình	C	2023-2025	3153/QĐ-UBND ngày 31 tháng 7 năm 2023	16,458				16,458		15,250					15,250						
33	Trung tâm văn hóa xã Thanh Tiến	Xã Thanh Tiến	C	2023-2025	2618/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2024	14,446				14,446		12,100					12,100						
34	Trung tâm văn hóa xã Thạnh Mỹ	Xã Thạnh Mỹ	C	2023-2025	2090/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024	16,807				16,807		13,724					13,724						
35	Trung tâm văn hóa xã Vĩnh Trinh	Xã Vĩnh Trinh	C	2023-2025	1866/QĐ-UBND ngày 22/5/2024	17,391				17,391		15,700					15,700						
36	Trung tâm văn hóa xã Thạnh Quới	Xã Thanh Quới	C	2023-2025	2616/QĐ-UBND ngày 16 tháng 7 năm 2024	14,920				14,920		13,600					13,600						
37	Trang trí đèn hoa nghệ thuật Mừng Đảng quang vinh - Mừng Xuân Ất Ty năm 2025	TT Vĩnh Thạnh	C	2024-2025	3820/QĐ-UBND ngày 08/10/2024	1,736				1,736		1,736					1,736						
38	Hệ thống thoát nước thải khu vực trung tâm hành chính xã Thanh Thắng	Xã Thanh Thắng	C	2023-2025	Số: 5213A/QĐ-UBND ngày 26/12/2024	1,481				1,481		1,529					1,529						
39	Sửa chữa Trụ sở Huyện ủy	TT Vĩnh Thạnh	C	2023-2025	2089/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2024	8,000				8,000		6,510					6,510						
40	Sửa chữa Trụ sở HĐND & UBND huyện	TT Vĩnh Thạnh	C	2023-2025	1932/QĐ-UBND ngày 27 tháng 5 năm 2024	4,524				4,524		4,243					4,243						
41	Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Vĩnh Thạnh, nhà thông tin áp và một số nội dung về văn hóa, thông tin	TT Vĩnh Thạnh	C	2024-2025	3878/QĐ-UBND 14/10/2024	1,774				1,774		1,600					1,600						
42	Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn Thanh An, nhà thông tin áp và một số nội dung về văn hóa, thông tin	TT Thanh An	C	2024-2025	3877/QĐ-UBND 14/10/2024	4,290				4,290		4,000					4,000						
43	Mua sắm thiết bị phục vụ dạy học cho Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Vĩnh Thạnh	TT Vĩnh Thạnh	C	2025-2027	453/QĐ-UBND ngày 04/4/2025	1,019				1,019		1,000					1,000						
44	Khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Vĩnh Thạnh (giai đoạn 2)	Xã Vĩnh Trinh	C	2025-2028								300					300						
45	Sửa chữa trụ sở Công an xã Thạnh Lợi	Xã Thạnh Lợi	C	2023-2025	777/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	918				918		849					849						
46	Sửa chữa trụ sở BCHQS thị trấn Vĩnh Thạnh	TT Vĩnh Thạnh	C	2023-2025	1437/QĐ-UBND ngày 19/4/2024	1,176				1,176		1,107					1,107						
47	Sửa chữa trụ sở BCHQS thị trấn Thanh An	TT Thanh An	C	2023-2025	1425/QĐ-UBND ngày 17/4/2024	1,171				1,171		1,085					1,085						
48	Cải tạo Khu dân cư số 8, xã Thạnh Mỹ	Xã Thạnh Mỹ	C	2023-2025	2806/QĐ-UBND ngày 31/7/2024	11,271				11,271		10,830					10,830						
49	Cải tạo Khu dân cư xã Thạnh An	Xã Thạnh An	C	2023-2025	2741/QĐ-UBND ngày 24/7/2024	12,190				12,190		11,530					11,530						
50	Cải tạo Khu dân cư xã Thanh Thắng	Xã Thanh Thắng	C	2023-2025	2780/QĐ-UBND ngày 29/7/2024	10,911				10,911		10,830					10,830						
51	Cắm mốc và cọc tiêu bảo vệ hành lang các tuyến đường trên địa bàn huyện	huyện Vĩnh Thạnh	C	2024-2025	Số 2922/QĐ-UBND ngày 06/8/2024	5,849				5,849		5,409					5,409						
52	Cải tạo Khu dân cư xã Thạnh Lộc	Xã Thạnh Lộc	C	2023-2025	763/QĐ-UBND ngày 05/5/2025	17,179				17,179		3,030					3,030						
****	Dự án đang thực hiện					14,500				14,500	0	530					530						
1	Hệ thống loa truyền thanh thông minh	huyện Vĩnh Thạnh	C	2025-2026	4632/QĐ-UBND ngày 28/11/2024	10,000				10,000		500					500						
2	Mua sắm thiết bị Trung tâm văn hóa xã Thanh Tiến	Xã Thanh Tiến	C	2025-2027	3234/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	1,500				1,500		10					10						
3	Mua sắm thiết bị Trung tâm văn hóa xã Thạnh Quới	Xã Thạnh Quới	C	2025-2027	3235/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	1,500				1,500		10					10						
4	Mua sắm thiết bị Trung tâm văn hóa xã Thạnh Mỹ	Xã Thạnh Mỹ	C	2025-2027	3236/QĐ-UBND ngày 28/8/2024	1,500				1,500		10					10						
III	Vốn phân bổ theo tiêu chí định mức cho cấp huyện (cũ) đã thực hiện giai đoạn 2021-2024										3,467,879						3,467,879						
1	Vốn theo tiêu chí định mức đã phân bổ 2021-2024 của UBND quận Ninh Kiều (cũ)											395,545					395,545						
2	Vốn theo tiêu chí định mức đã phân bổ 2021-2024 của UBND quận Bình (cũ)											392,841					392,841						
3	Vốn theo tiêu chí định mức đã phân bổ 2021-2024 của UBND quận Cái Răng (cũ)											292,012					292,012						
4	Vốn theo tiêu chí định mức đã phân bổ 2021-2024 của UBND quận Ô Môn (cũ)											350,205					350,205						
5	Vốn theo tiêu chí định mức đã phân bổ 2021-2024 của UBND quận Thốt Nốt (cũ)											234,431					234,431						

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng (tên địa danh hành chính cũ)	Nhóm dự án A/B/C	Thời gian khởi công - hoàn thành	Quyết định đầu tư					Vốn giải ngân từ khởi công đến năm 2020 (bao gồm số vốn đã được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2021)	Tổng số	Kế hoạch vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMBT						NSTW	Chính phủ vay về cho vay lại	NSDP				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	NSTW											
							Vốn trong nước	Vốn nước ngoài										
6	Vốn theo tiêu chí định mức đã phân bổ 2021-2024 của UBND huyện Phong Điền (cũ)									313,845						313,845		
7	Vốn theo tiêu chí định mức đã phân bổ 2021-2024 của UBND huyện Cờ Đỏ (cũ)									545,275						545,275		
8	Vốn theo tiêu chí định mức đã phân bổ 2021-2024 của UBND huyện Thới Lai (cũ)									539,001						539,001		
9	Vốn theo tiêu chí định mức đã phân bổ 2021-2024 của UBND huyện Vĩnh Thạnh (cũ)									404,723						404,723		